

[Type the document title]

ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY

[Type the document title]

THAY CHO LỜI TỰA

Mở đầu Kinh Pháp Cú, trong phẩm Song Yếu có hai bài kệ Song Yếu:

- 1- *Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ, ý tạo
Nếu với Ý ô nhiễm
Nói lên hay hành động
Khổ nào bước theo ngay
Như xe chân vật kéo*
- 2- *Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ, ý tạo
Nếu với ý thanh tịnh
Nói lên hay hành động
An lạc bước theo sau
Như bóng không rời hình*

Mở đầu Kinh Pháp Cú là phẩm Song Yếu tức trình bày hai yếu tố song song, một thuộc về phàm phu, một thuộc về bậc Thánh. Quan trọng nhất trong tất cả các song yếu là Vô Minh thuộc về phàm phu và Minh thuộc về bậc Thánh. Hai pháp cú mở đầu này đang nói đến Vô minh của phàm phu và Minh của bậc Thánh.

Pháp cú 1 thuộc về phàm phu, pháp cú 2 thuộc bậc Thánh đều giống nhau hai câu đầu:

Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Ý ở đây được hiểu là cái biết Ý thức. Cái biết Ý thức là hiểu biết về đối

Đến để mà thấy

tượng mà Tâm lý học gọi là Nhận thức lý tính đối tượng. Do có Ý thức về đối tượng mà sẽ phát sinh Thái độ với đối tượng, do có Thái độ mà sẽ phát sinh Phản ứng tức lời nói hoặc hành động để thể hiện Thái độ với đối tượng đó.

Do có lời nói hay hành động mà phát sinh kết quả là khổ não hay an lạc.

Cái biết có hai cấp độ: Cái biết trực tiếp giác quan và Cái biết Ý thức mà Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính. Cái biết trực tiếp giác quan hay Nhận thức cảm tính phát sinh khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, là sự nhận biết trực tiếp đối tượng mà thuật ngữ Phật học gọi là Tướng, người hay động vật đều có, Thánh hay Phàm đều giống nhau. Nó là cái biết trực tiếp giác quan, không tri thức, khái niệm, không ngôn ngữ chế định, trong cái biết đó không có khái niệm to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm, nặng nhẹ, không có khái niệm không gian, thời gian, không có khái niệm sinh diệt, nhơ sạch, tăng giảm, không có khái niệm mất tai mũi lưỡi thân ý, không có khái niệm sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm nhân giới cho đến ý thức giới, không có Khái niệm Minh cũng như Vô Minh, không có khái niệm Khổ Tập Diệt Đạo... Nói tóm lại là cái biết Vô ngôn, Vô niệm, Vô phân biệt. Cái biết này không làm phát sinh lời nói hay hành động nên nó không tạo tác. Sau cái biết trực tiếp giác quan hay Nhận thức cảm tính, Niệm và Tư duy sẽ khởi lên làm phát sinh Cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính đối tượng. Đây là cái biết có tri thức khái niệm, có phân biệt đối đãi, có ngôn ngữ chế định.

Đến để mà thấy

Chính cái biết Ý thức này mới tạo tác, mới làm phát sinh Khổ đau hay An lạc và chính cái biết Ý thức này mới phân định Phàm và Thánh. Với Phàm phu cái biết Ý thức là ô nhiễm, với bậc Thánh cái biết Ý thức là thanh tịnh. Các pháp cú này cũng khẳng định: Sự tu tập Phật giáo không phải để thay đổi Nhận thức cảm tính mà là thay đổi Nhận thức lý tính từ Ý thức ô nhiễm sang Ý thức thanh tịnh, điều này cũng nhất quán với Kinh Pháp Môn Căn Bản là tu tập để chuyển đổi từ Ý thức Tà Tri kiến nghĩa là hiểu biết không như thật các pháp, không liễu tri các pháp hay Vô Minh thành Ý thức Chánh Tri kiến tức hiểu biết như thật các pháp, liễu tri các pháp hay Minh.

a- Ý hay Ý thức của Phàm phu là ô nhiễm:

Ý thức của phàm phu là không hiểu biết đúng như thật các pháp, không liễu tri các pháp, nên gọi là Vô Minh, là ô nhiễm. Tuy kẻ phàm phu vẫn sống với các pháp như mặn ngọt, nóng lạnh, cứng mềm...nhưng lại hiểu biết một cách sai lạc, hiểu biết một cách điên đảo về các pháp đó cụ thể là ngọt nằm trong đường, mặn nằm trong muối, nóng nằm trong lửa, lạnh nằm trong nước đá... Với cái Ý thức Thường kiến và Ngã kiến như vậy nên hiểu biết một cách sai lạc, điên đảo về Khổ Tập Diệt Đạo. Lộ trình tâm Bát Tà Đạo của phàm phu khởi lên Ý thức gọi là Tà Tri kiến như sau:

Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến

Đến để mà thấy

Ý thức Tà Tri Kiến có hai phần: phần Chủ thể nhận thức là một cái Ta, chủ nhân của cái biết hay gọi là Bản Ngã mà Kinh thường đề cập là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên (Ta biết, của Ta, Ta hơn, kém, bằng). Đối tượng được biết là Thế giới (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp) được xác định là: Dễ chịu, Khó chịu hay Trung tính. Nội dung của Ý thức Tà Tri kiến là do Tà Niệm kích hoạt các thông tin có nội dung Thường kiến, Ngã kiến gọi là Vô Minh, Ta của Ta đã được tích tập trong kho chứa tri thức hiểu biết nên Tà Tư Duy sẽ phân tích, so sánh đối chiếu với thông tin Vô Minh đó mà phát sinh Tà Tri Kiến. Với Ý thức là Tà Tri kiến, là Vô Minh sẽ phát sinh Thái độ Tham Hoặc Sân hoặc Si với đối tượng và do Thái độ mà phát sinh phản ứng: Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng và do Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng mà khô não bước theo ngay, như xe chân vật kéo.

b- Ý hay Ý thức của bậc Thánh là thanh tịnh:

Ý thức của bậc Thánh là hiểu biết đúng như thật các pháp, là liễu tri các pháp, nên gọi là Minh, là Trí Tuệ, là thanh tịnh. Đó là hiểu biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi, hiểu biết đúng như thật các pháp Vô Thường, Vô ngã, hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Lộ trình khởi lên cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Tri Kiến như sau:

Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng → Chánh Niệm
→ Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) →
Chánh Tư Duy → Chánh Tri Kiến.

Đến để mà thấy

Trong kho tri thức hiểu biết của bậc Thánh (hữu học và vô học) đã lưu giữ Minh do được học về Tứ Thánh Đế, nên Chánh Niệm sẽ kích hoạt Minh chứ không kích hoạt Vô Minh nên Chánh Tư Duy sẽ phân tích, so sánh đối chiếu với Minh nên sẽ phát sinh Ý thức hiểu biết đúng như thật gọi là Chánh Tri Kiến. Với Chánh Tri Kiến này sẽ phát sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo có Chánh Định nên có hiện tại lạc trú, với Chánh Tri Kiến sẽ có Khổ Diệt, có an ổn nên nói an lạc bước theo sau như bóng không rời hình.

c- Lộ trình tu tập Chánh Tri Kiến, đoạn diệt Tà Tri Kiến:

Lộ trình tu tập Chánh Tri Kiến hay Trí Tuệ đưa đến chứng ngộ và an trú Tuệ Giải Thoát đã được Đức Thế Tôn dày công thiết lập và giảng dạy theo ba bước tuần tự là: Văn → Tư → Tu cụ thể là Văn Tuệ → Tư Tuệ và Tu Tuệ.

- Văn Tuệ là nhờ nghe giảng hoặc nghiên cứu lời dạy của bậc Chánh Đẳng Giác mà có được hiểu biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi, về Vô Thường, về Vô Ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo. Văn Tuệ này đối với bậc Thượng trí có thể đoạn trừ ngay được Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ và trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Văn Tuệ này chưa có thể xóa bỏ được Vô Minh mà nó là thông tin được lưu vào kho chứa với tên gọi là Minh, là nhân duyên cho Tư Tuệ và Tu Tuệ sinh khởi.

Đến để mà thấy

- Tư Tuệ có được do tư duy về những điều đã học, hiểu biết sâu rộng hơn về điều đã học. Tư Tuệ góp phần xoá bỏ phần nào những hiểu biết Vô Minh sai lạc, nhưng tác dụng chính là kích hoạt thông tin Minh trong kho chứa để Minh nổi trội lên hơn hẳn Vô minh, là nhân duyên cho Chánh Niệm khởi lên trong lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, làm phát sinh Tu Tuệ.

- Tu Tuệ là Trí Tuệ do tu tập khởi lên, là Ý thức Chánh Tri Kiến khi thực hành Bát Chánh Đạo. Hành giả thực sự sống với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, sống với Ý thức Chánh Tri Kiến. Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo có trục chính là: Chánh Niệm → Chánh Định → Chánh Tri Kiến mà gọi tắt là: Niệm → Định → Tuệ và cũng có thể nói là: Giới → Định → Tuệ (vì Giới là nhân duyên cho Chánh Niệm sinh khởi) nên lộ trình khởi lên Tu Tuệ là lộ trình Niệm → Định.

- Tuệ hay Giới → Định → Tuệ. Trí Tuệ do thực hành Bát Chánh Đạo mà khởi lên này mới làm Hành Giả chứng ngộ và an trú Tuệ Giải Thoát. Trí Tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ xoá bỏ hoàn toàn Vô Minh, đưa đến quả A La Hán.

Sự tu tập Chánh Tri Kiến, tu tập Tuệ đã được Đức Thế Tôn dày công thiết lập và giảng dạy, nếu rời lộ trình Văn → Tư → Tu mà tu tập Tuệ thì đó là đang đi tìm lông rùa sừng thỏ. Ở thời đại ngày nay, cho dù thông minh bao nhiêu đi nữa nhưng không thể nào tự mình hiểu biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi, về Vô thường, về Vô ngã, về

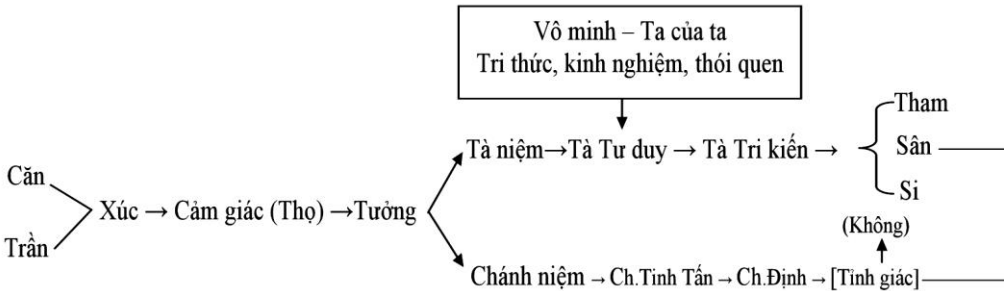
Đến để mà thấy

Khô Tập Diệt Đạo. Trong nhân loại này chỉ có một người duy nhất, độc nhất vô nhị, có một không hai, không thầy chỉ dạy, tự mình khám phá, tự mình chứng ngộ Tứ Thánh Đế. Trí Tuệ thấy biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi, về Vô thường, về Vô ngã, về Khô Tập Diệt Đạo đã được Ngài chứng ngộ và tuyên thuyết được những người có trí tiếp thu và thực hành mới đạt thành đạo quả A La Hán, chứ các vị đó không thể nào không nghe lời dạy về Tứ Thánh Đế mà tự mình giác ngộ được. Chính vì vậy Văn Tuệ là bước khởi đầu, bước quan trọng trong lộ trình tu tập Trí Tuệ, nếu không nghe giảng, không nghiên cứu kinh điển để hiểu biết đúng như thật về Duyên Khởi, về Tứ Thánh Đế, không tu tập Bát Chánh Đạo thì đã trượt ra khỏi con đường Giác Ngộ và Giải Thoát. Có một số chủ trương không cần học tập Tứ Thánh Đế, không cần phải có một phương pháp tu tập nào chỉ cần kiến tánh là thành Phật, hãy nơi cái Tâm của phàm phu này, nếu kiến tánh thì sẽ thành Phật, nơi đó đầy đủ, sẵn có tất cả rồi. Như vậy họ chủ trương không cần đến lời dạy của Đức Phật, không cần đến văn tuệ. Tâm của phàm phu là tâm Bát Tà Đạo và cái Tánh của tâm đó là gì? Trong tâm Bát Tà Đạo của phàm phu ấy bậc Thánh thấy như thật: nó chỉ có Tánh Vô Minh, tánh Tham Sân Si, tánh Dính mắc, ràng buộc, tánh Sầu Bi Khổ Ưu Não. Trong tâm Bát Tà Đạo không hề có Tánh Phật, mà Tánh Phật hay Phật tánh chỉ có nơi Đức Phật và các vị A La Hán. Phật tánh nơi Phật và các vị A La Hán là Trí Tuệ liễu tri tất cả pháp, là Trí Tuệ giác ngộ Tứ Thánh Đế, nó không tự nhiên từ trên trời rơi xuống, nó không sẵn có nơi các Ngài khi còn phàm phu, mà Phật tánh đó phải do Đức Phật tự mình

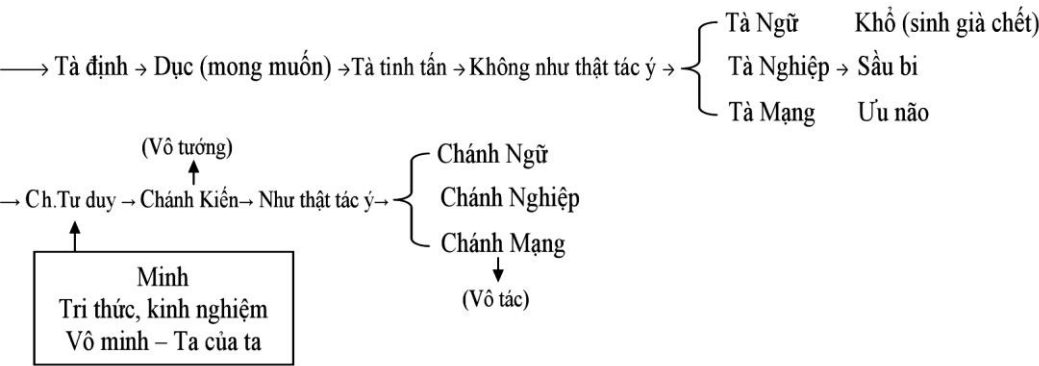
Đến để mà thấy

học hỏi, tự mình tu tập không thầy chỉ dạy, các vị A La Hán phải theo lộ trình Văn - Tư - Tu của Phật chỉ dạy. Chính cái Phật tánh ấy được tu tập, được làm cho viên mãn mới xoá bỏ được Tánh Vô Minh, tánh ngu muội của phàm phu, mới giác ngộ Tứ Thánh Đế.

Có thể diễn tả lộ trình bát tà đạo



và bát chánh đạo trong sơ đồ sau:



ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY

Từ khi công nghệ thông tin ra đời người tìm hiểu Phật Giáo có cơ hội tiếp xúc với lượng thông tin về Giáo pháp nhiều hơn, dễ dàng và đa chiều hơn. Đây là một thuận lợi giúp cho họ thoát ra khỏi định kiến theo kiểu ếch ngồi đáy giếng, nhưng cũng gặp không ít khó khăn với lượng thông tin khổng lồ, đồ sộ, bao la như đại dương ấy. Trong cái kho tàng khổng lồ ấy có biết bao tông phái Phật giáo với các giáo nghĩa khác nhau, cách thức hành trì khác nhau, giải nói về chứng ngộ khác nhau, đôi khi trái ngược nhau, thậm chí là cãi lộn nhau. Trong thực tế có bao nhiêu người học Phật thì có bấy nhiêu cách hiểu và như vậy sẽ có bấy nhiêu thứ Phật giáo khác nhau. Lời dạy của Phật chỉ có một nhưng tùy theo hiểu biết, kinh nghiệm cá nhân của từng người, từng bộ phái mà sẽ phát sinh các kiến giải khác nhau. Sự thật là những người chưa Giác ngộ thì những hiểu biết, kinh nghiệm cá nhân của họ là Vô minh (Thường kiến, Ngã kiến) nên lời Phật dạy qua lăng kính của các bộ phái, các cá nhân sẽ sai khác và nhuộm màu Vô minh, (Thường kiến và Ngã kiến.) Những người đã Giác ngộ như các vị A La Hán đã giác ngộ sự thật nên kiến giải của chư vị là đồng nhất, đồng nhất với lời dạy của Phật nên không có gì phải phát triển thêm, phải kiến giải thêm, nó chính là những lời dạy rất đơn giản, chỉ quán sát nơi Thực tại của mỗi người là thấy liền. Những lời dạy đơn giản của Phật vẫn còn đâu đó trong các bộ kinh Nikaya,

Ai sẽ giải thoát?

nhưng chỉ có người trí mới có khả năng giác hiểu. Vậy muốn phân biệt đâu là lời dạy của Phật đâu là lời của người sau thì lấy tiêu chuẩn nào? Tất cả các Tông phái Phật Giáo đều tôn trọng và gìn giữ ba pháp: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng trong đó Niệm Pháp là: Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng có tính chất Thiết thực hiện tại, Đến để mà thấy, Không có thời gian, Có tính hướng thượng, Cho người Trí tự mình giác hiểu. Nếu một người Niệm Pháp bằng cách học hỏi, tư duy và thực hành trải nghiệm thì người đó khi đọc bất kỳ cuốn kinh nào, nghe lời giảng nào, tham khảo một chú giải nào liền đối chiếu với năm tiêu chuẩn của Pháp và nếu thấy có đầy đủ năm tính chất thì kết luận đó là lời dạy của Phật, nếu thiếu một hoặc cả năm tính chất này thì kết luận đó không phải là lời dạy của Phật mà đó chỉ là lời của người khác

1- Thiết thực hiện tại: suốt 45 năm thuyết Pháp Đức Phật chỉ nói đến Khổ và Sự chấm dứt Khổ, đây là Thiết thực bởi điều này phù hợp với mục đích cuộc sống là muốn hết khổ. Tất cả nhân loại đang tìm cầu cái này hay cái kia, làm việc này hay việc kia cũng với mục đích hết khổ. Các tôn giáo hay khoa học ra đời cũng với mục đích muốn giúp cho con người hết khổ. Nhưng sự hết khổ hay Sự chấm dứt Khổ, nhân loại quan niệm phải thay đổi hoàn cảnh, để có được một hoàn cảnh tốt đẹp, mỹ mãn vào một ngày mai nào đó, một tương lai nào đó. Vì thế tất cả nhân loại (ngoại trừ các bậc Thánh) đều sống bởi tương lai, hy vọng tương lai, mơ ước tương lai, lạc quan bởi tương lai... Các tôn giáo cũng tạo cho các tín đồ hy vọng có được sự

Ai sẽ giải thoát?

hết khổ do sau khi chết được lên thiên đường hoàn toàn lạc thú. Con người sống với sự chịu đựng khổ của ngày hôm nay với hy vọng ngày mai hết khổ, mà khi ngày mai đến vẫn với sự hiểu biết đó nên chịu đựng khổ với hy vọng ngày một hết khổ, và rồi ngày một đến lại cũng y như vậy... Vậy thì thực tại luôn luôn khổ còn sự hết khổ chỉ là mơ ước tương lai không bao giờ xảy ra cả. Nhân loại đều là: "Những kẻ lữ hành trên đường hy vọng" nghĩa là những người đang đi trong nắng, gió khắc nghiệt với muỗi mòng, đói khát, bệnh tật với sức cùng lực kiệt, thậm chí phải bò lê lết với tay chân rách nát... với hy vọng ở phía trước là Thiên đường đầy sữa và mật ong. Rất nhiều vĩ nhân của nhân loại đã thấy ra sự thật, sự chấm dứt khổ trong tương lai như vậy chỉ là ảo vọng, và vì vô vọng với sự chấm dứt khổ mà rất nhiều người đã tự sát.

Khổ trong quá khứ thì đã qua đâu còn mà diệt, khổ ở tương lai thì chưa phát sinh làm gì phải diệt, khổ chỉ có mặt trong hiện tại ngay bây giờ và tại đây nên chỉ có thể chấm dứt khổ ngay bây giờ và tại đây. Đó là thiết thực hiện tại. Nếu trong giây phút này mà biết chấm dứt khổ thì giây phút tiếp cũng sẽ làm được như vậy và như vậy mọi lúc mọi nơi đều hết khổ. Một kẻ Phàm quét nhà với hy vọng (tương lai) quét xong nhà sẽ hết khổ vì phải quét nhà nhưng một Hành giả Tứ Niệm Xứ thực hành Niệm Thân khi quét nhà thì mỗi một nhát chổi đều kinh nghiệm được sự hết khổ chứ không phải quét nhà xong mới hết khổ. Lời dạy Thiết thực hiện tại thể hiện rõ nhất trong bài kinh Nhất Dạ Hiền Giả:

Ai sẽ giải thoát?

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng
Quá khứ thì đã qua
Tương lai thì chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây
Không động không rung chuyển.*

Bài kệ này nêu nói Phật chủ trương sống trong giây phút hiện tại thì đồng với chủ trương của phái Hiện Sinh mà phải hiểu rõ Phật chủ trương sống với Sự Chấm Dứt Khổ trong từng giây phút hiện tại. Đừng chờ đợi sự hết Khổ trong tương lai, mà hãy học cách chấm dứt Khổ trong hiện tại, lúc đó sẽ kinh nghiệm được không có gì níu lại ở đằng sau, không có gì chờ đợi ở phía trước đó mới là tự do, tự tại, đó mới là sự đoạn tận khổ đau.

2- Đến để mà thấy: nghĩa là người học có thể kiểm chứng được bằng thực tại của mình. Ví như một người chưa bao giờ ăn sầu riêng, được người khác mô tả về vị ngon ngọt của sầu riêng và người đó ghi nhớ rồi có thể tưởng tượng ra vị ngon ngọt đó, nhưng đây cũng chỉ là hiểu biết tri thức khái niệm, chưa phải là cái biết thật về vị sầu riêng. Khi người đó ăn sầu riêng thì lúc này người này mới tự mình biết được vị sầu riêng. Cũng y như vậy nếu Đức Phật thuyết giảng về những cõi trời nào đó, những câu chuyện về Ấn Độ thời đó, một thế giới tâm linh huyền bí nào đó, một cõi giới cực lạc nào đó... thì người học bây giờ chỉ đến để mà tin chứ không thể có cách nào để mà kiểm chứng những cái đó, không thể nào đến để mà thấy

Ai sẽ giải thoát?

những cái đó. Vậy thì những gì Đức Phật thuyết có thể kiểm chứng được, có thể tự mình thấy, tự mình biết được thì đó phải là những sự thật phổ quát, nơi Đức Phật cũng như vậy, nơi người học cũng như vậy. Nhưng đến để mà thấy được lời Phật dạy là hết sức nan giải đối với nhân loại, vì quy luật nhận thức của nhân loại chỉ tuân thủ đến để mà tin, chứ không có phương cách đến để mà thấy. Ví như anh thanh niên có hàm răng chắc khỏe ăn cái bánh đa vừa nướng rồi thốt lên: bánh đa này giòn quá nghĩa là anh ta hiểu biết: giòn là thuộc tính của bánh đa (giòn là vật chất), giòn thường trú nơi bánh đa, giòn là của bánh đa. Hiểu biết như vậy khởi lên theo một lộ trình là sau khi cảm nhận vị giòn, tư duy khởi lên sẽ phân tích so sánh đối chiếu thông tin về vị giòn vừa cảm nhận với những thông tin trong "kho chứa" tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm của mình mà trong đó là: ngọt nằm trong đường, mặn nằm trong muối, ngon dở nằm trong thức ăn, nóng ở trong lửa, lạnh trong nước đá, giòn nằm trong bánh đa thì đương nhiên đưa đến kết luận như vậy. Vì ai cũng tin chắc vào nhận thức hiểu biết của mình mà không thấy hiểu biết như vậy, theo quy trình như vậy là vô minh từ vô thủy, nó sai với sự thật. Nếu đó là sự thật, vị giòn nằm trong bánh đa, vị giòn là của bánh đa thì anh thanh niên có hàm răng chắc khỏe ăn cảm thấy giòn, ông già 80 đã rụng hết răng ăn cũng phải giòn, nhưng sự thật không phải như vậy nên hiểu biết như vậy là sai sự thật. Nếu một người đến để mà thấy sẽ quán sát sự thật như sau: bánh đa và hàm răng là hai nhân và đủ hai nhân như vậy mà chưa có sự tiếp xúc thì chưa có cái giòn nào phát sinh cả. Khi hàm răng tiếp xúc với cái bánh đa

Ai sẽ giải thoát?

(duyên) thì lập tức phát sinh cái giòn mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được. Đây mới là cái giòn thực (không phải là hiểu biết về cái giòn) và nó là một cảm giác, nó là Tâm chứ không phải là Vật. Xúc sinh cảm giác giòn sinh, Xúc diệt cảm giác giòn diệt. Cảm giác giòn sinh lên rồi diệt đi nó chỉ tồn tại trong khoảng khắc đó, nó không thường trú, không thường hằng trong cái bánh đa nên nó Vô thường. Khi cảm giác giòn tồn tại nó hoàn toàn vô chủ, nghĩa là bánh đa và hàm răng không là chủ nhân, không là chủ sở hữu nó. Cũng có nghĩa không có một cái Ta chủ nhân, chủ sở hữu nó nên là Vô ngã. Như vậy sự thật giòn là Tâm và nó Vô thường, Vô ngã, chứ không phải là Vật, không thường hằng, không thường trú ở trong bánh đa, nó vô chủ chứ không hữu chủ.

Đến để mà tin là sau khi nghe giảng hoặc đọc kinh thì đối chiếu với kho tri thức, hiểu biết của mình và lý giải lời dạy của Phật bởi Vô Minh (Thường kiến và Ngã kiến) của mình, còn đến để mà thấy là đối chiếu lời dạy của Phật với sự thật theo hướng dẫn của lời dạy mà tự mình thấy ra cái sự thật được nói đến cho nên Hoà thượng Minh Châu có nói: Đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chứ không phải Đạo đến để nhờ người khác thấy hộ. Đó là đến để mà thấy nhưng đến để mà thấy cái gì? Đến để mà thấy như thật Lý Duyên Khởi, đến để mà thấy như thật Vô Thường, Vô Ngã, đến để mà thấy như thật Khổ, Nguyên Nhân Khổ, Khổ Diệt, Con Đường đưa đến Khổ Diệt. (Khổ Tập Diệt Đạo) Đến để mà thấy cũng có các cấp độ khác nhau: do nghe giảng hoặc nghiên cứu kinh điển mà thấy được sự thật gọi là Văn Tuệ,

Ai sẽ giải thoát?

do tư duy về điều đã nghe mà thấy sự thật rộng và sâu hơn gọi là Tư Tuệ và do thực hành Tứ Niệm Xứ mà tự thấy tự biết sự thật và sống với cái thấy như thật ấy gọi là Tu Tuệ. Đây là lộ trình Văn Tư Tu. Chỉ khi nào thấy như thật do thực hành Tứ Niệm Xứ gọi là Tu Tuệ được tu tập được làm cho viên mãn, lúc đó mới xoá bỏ hoàn toàn Vô Minh, lúc đó mới là Giác Ngộ Tứ Thánh Đế, mới hoàn toàn Giải Thoát. Đó là đến đề mà thấy viên mãn nhất.

3- Không có thời gian là nói về Khổ Diệt hay Niết bàn. Bát Chánh Đạo là con đường chấm dứt Khổ nhưng Niết bàn hay Khổ Diệt không phải là đích đến của Bát Chánh Đạo. Nếu đi hết con đường BCD mà đạt được đích đến là Niết bàn thì BCD là nhân Niết bàn là quả và như vậy Niết bàn là pháp hữu vi, chịu sự chi phối của thời gian, là nhân trước quả sau. Khi lộ trình Tâm BCD khởi lên thì Chánh Kiến trên lộ trình Tâm BCD sẽ kinh nghiệm được ngay: không yêu thích, không chán ghét, độc lập, không ràng buộc, giải thoát, không hệ lụy ngay khi đó chứ không phải BCD diệt đi rồi mới kinh nghiệm được Giải Thoát. Ví như khi quét nhà có Chánh Niệm quán thân nơi thân (nhớ đến chú tâm quán sát thân) khởi lên liên tục không gián đoạn nghĩa là nhất tâm không phân tâm thì sẽ kinh nghiệm được sự bình an, sự Hết Khổ trong thời gian quét nhà chứ không phải quét nhà xong mới thấy hết khổ. Hết Khổ sau khi quét xong nhà là pháp bị chi phối bởi thời gian. Tóm lại Giải Thoát là ngay bây giờ và tại đây chứ không phải ở tương lai, ở một đời sau, ở một cảnh giới nào hết. Khi

Ai sẽ giải thoát?

BCĐ khởi lên thì sẽ không có Vô Minh, không có Tham Sân Si thì sẽ kinh nghiệm sự vắng mặt Khổ tức thì.

4- Có tính chất hướng thượng: hướng hạ là Tâm Bát Tà Đạo có Tham Sân Si, có Sầu bi khổ ưu não đưa đến tái sinh, đưa đến khổ luân hồi sinh tử. Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng hướng đến tu tập Bát Chánh Đạo, đoạn tận Tham Sân Si, đoạn tận Khổ, đoạn tận sự tái sinh trong tương lai nên có tính hướng thượng. Những pháp nào còn chủ trương sẽ được sinh ra, sẽ còn hiện hữu thì thuộc về Bát Tà Đạo, là hướng hạ, không phải Pháp mà Đức Thế Tôn thuyết giảng.

5- Cho người trí tự mình giác hiểu: Pháp mà Đức Thế Tôn thuyết giảng không phải cho tất cả nhân loại, không phải là pháp cứu khổ muôn loại như nhiều người hiểu mà chỉ dành cho người trí. Trong kinh điển còn ghi lại ưu tư của Ngài: Pháp mà Ta chứng được sâu kín, khó thấy, khó biết, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị chỉ có người trí mới có khả năng giác hiểu, còn quần chúng này ưa thích ái dục, đam mê ái dục, bị ái dục ràng buộc nên Lý Duyên Khởi là một điều rất khó lãnh hội và Niết bàn sự chấm dứt khát ái, sự chấm dứt các Hữu cũng là một điều rất khó lãnh hội. Phật Giáo với hình thức và nội dung tôn giáo có thể đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của đa số nhưng Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, lời dạy Thật của Phật thì chỉ dành cho một thiểu số người trí. Trong Kinh Đức Phật đã ví người trí so với toàn thể nhân loại giống như vàng bạc so với đất đá trên quả đất này

Ai sẽ giải thoát?

Nếu một người hiểu rõ năm tính chất này của Pháp, người đó sẽ không vội tin cũng không vội bác bỏ bất cứ điều gì, người đó sau khi so sánh với năm tính chất của Pháp lúc đó mới bác bỏ hay chấp nhận. Sự học và tu như vậy sẽ có kết quả lớn, lợi ích lớn. Giống như hai người đi vào rừng tìm trầm, một người không có bất kỳ một hiểu biết nào về cây có trầm họ sẽ đồn ngã bất kỳ cây nào mà họ bắt gặp để tìm trầm trong đó và họ sẽ nhọc mệt vô ích mà chẳng có kết quả nào còn người biết sâu sắc về cây gió trầm, biết rõ dấu hiệu những cây gió có trầm thì họ sẽ tốn ít công sức mà kết quả lại rất lớn.

AI SẼ GIẢI THOÁT?

Đức Phật trả lời:

*Người có trí trú giới
Tu tập Tâm và Tuệ
Nhiệt tâm và thận trọng
Tỷ kheo ấy thoát triền.*

Thế nào là thoát triền? Triền ở đây là nói tắt của triền phược, nghĩa là chúng sinh bị tham ái trói buộc và dẫn dắt đi trong khổ đau, trong luân hồi sinh tử. Để giải thoát khỏi triền phược phải có bốn yếu tố: thứ nhất là người có trí, thứ nhì là trú giới, thứ ba là tu tập Tâm và Tuệ, thứ tư là nhiệt tâm và thận trọng.

1/ Phải là người có trí: Pháp mà Đức Thế Tôn khéo léo thuyết giảng có tính chất “thiết thực hiện tại, đến dễ mà thấy, không có thời gian, có tính chất hướng thượng, cho người trí tự mình giác hiểu”. Tôn giáo có thể dành cho đa số nhân loại nhưng Pháp của Đức Thế Tôn chỉ để dành cho một thiểu số ít ỏi của nhân loại ví như vàng bạc so với đất đá trên quả đất này. Nhưng thế nào là người có trí. Trí ở đây cũng đồng nghĩa với Trí tuệ, đồng nghĩa với Minh, là cái biết ý thức đúng như thật. Trí có được ở ba cấp độ: hiểu biết như thật về Tứ Thánh Đế do nghe giảng mà đạt được

Ai sẽ giải thoát?

gọi là Văn tuệ, hiểu biết như thật về Tứ Thánh Đế do tư duy về điều đã được nghe giảng gọi là Tư tuệ và hiểu biết như thật do thực hành Bát Chánh Đạo mà có được gọi là Tu tuệ.

Trong ngữ cảnh của bài kệ này, người có trí là chỉ cho người có Văn tuệ. Là người do nghe giảng hoặc nghiên cứu kinh điển mà có được hiểu biết như thật về Duyên Khởi, hiểu biết như thật các pháp Vô thường, Vô ngã; hiểu biết như thật Duyên khởi lên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của phàm phu và Duyên khởi lên lộ trình Bát Chánh Đạo của bậc Thánh. Trên lộ trình tâm Bát tà đạo thấy được như thật về Khổ và Nguyên nhân của Khổ; trên lộ trình Bát chánh đạo thấy được như thật về Khổ diệt và Con đường đưa đến Khổ diệt. Nói tóm lại, người có trí là người hiểu biết như thật về Duyên khởi, về Vô thường, về Vô ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo.

2/ Trú giới: Người này phải thọ trì và thực hành các học giới và thấy sợ hãi trong mỗi lỗi nhỏ nhất. Các học giới có thể nhiều ít khác nhau nhưng cốt lõi là năm giới được triển khai rộng và tỉ mỉ hơn. Người có trí thực hành các học giới với hiểu biết là để tạo duyên cho Chánh Niệm khởi lên. Nhân phát sinh Chánh Niệm là Văn tuệ nhưng không có duyên thì Chánh Niệm không khởi lên. Sự thực hành giới làm cho tâm tương đối trong sạch và đó là duyên cho Chánh Niệm khởi lên. Chánh Niệm khởi lên sẽ phát sinh Chánh Định, Chánh Định khởi lên sẽ phát sinh Chánh Kiến. Đây là trục chính của lộ trình tâm Bát Chánh Đạo: Niệm → Định → Tuệ và với lộ trình tâm Bát Chánh Đạo

Ai sẽ giải thoát?

sẽ chứng ngộ và an trú Tâm giải thoát → Tuệ giải thoát. Trong bản kinh Phạm Võng sau khi nêu lên Tiểu giới, Trung giới, Đại giới mà Như Lai đã thành tựu đầy đủ không ai sánh bằng, Đức Phật khẳng định: những ai tán thán Như Lai như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Đó là những điều nhỏ nhặt, không quan trọng, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai, Như Lai không có kể đến. Còn có những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu vượt qua những tư duy lý luận suông chỉ có người trí mới có khả năng giác hiểu, những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri và tuyên thuyết, và những ai như thật tán thán Như Lai về những pháp đó, Như Lai mới kể đến.

Rõ ràng Đức Phật không đề cao quá mức giới luật, vì vậy hai mươi năm đầu hoàng pháp Ngài chưa chế ra một giới điều nào. Ngài đề cao trí tuệ và giải thoát vì thế đối với người trí không đề cao quá mức việc thực hành giới mà đề cao việc tu tập Tâm và Tuệ. Đối với người trí việc giữ gìn giới luật là một việc tự nhiên, không phải dụng công, không cần nỗ lực, tâm họ vốn đã trong sạch nên nó là việc nhỏ nhặt, không quan trọng, mà việc quan trọng là tu tập Tâm và Tuệ. Đương nhiên nếu với một người mà việc giữ giới vốn nhỏ nhặt không quan trọng mà còn không làm được thì nói gì đến việc to lớn quan trọng là tu tập Tâm và Tuệ. Đó là người có trí trú giới, nếu trú giới không với trí tuệ như vậy thì giới đó sẽ trở thành giới cầm thú.

3/ Tu tập Tâm và Tuệ: Đó là tu tập Bốn Niệm Xứ bao gồm: quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp. Quán

Ai sẽ giải thoát?

Thân, Quán Thọ với sự có mặt của Chánh Niệm, Chánh tinh tấn, Chánh định làm cho hành giả kinh nghiệm và an trú Tâm giải thoát nên gọi là tu tập Tâm. Quán Tâm, Quán Pháp với Chánh Niệm - Chánh tinh tấn - Chánh định - Chánh tư duy - Chánh kiến làm cho hành giả kinh nghiệm và an trú Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát nên được gọi là tu tập Tuệ.

- Tu tập Tâm: đối với người không tu tập Tứ Niệm Xứ, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần phát sinh sáu cảm giác và sáu cái biết trực tiếp giác quan, biết như thật sáu cảm giác đó. Đó là thấy (nhãn thức), nghe (nhĩ thức), cảm nhận (tỷ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức). Sau khi thấy, nghe, cảm nhận thì suy nghĩ (tư duy) về cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm nhận làm phát sinh cái biết ý thức. Nơi cái biết ý thức này sẽ xuất hiện một cái Ta là chủ nhân của cái thấy, nghe, cảm nhận (Ta thấy, Ta nghe, Ta nghĩ, Ta cảm, Ta xúc chạm, Ta tưởng ra) và là chủ nhân của các cảm giác (Ta đau, Ta ngứa, Ta đói, Ta hạnh phúc, Ta đau khổ...). Với cái Ta (bản ngã) xuất hiện nơi cái biết ý thức này, lộ trình tâm sẽ phát sinh tham sân si, phát sinh ràng buộc, phát sinh sầu bi khổ ưu não. Đây là lộ trình tâm Bát tà đạo. Đối với người tu Tứ Niệm Xứ khi căn trần tiếp xúc phát sinh sáu loại cảm giác và sáu cái biết trực tiếp giác quan nếu có Chánh Niệm (nhớ đến quán thân nơi thân hay nhờ đến quán thọ nơi thọ) thì sự chú tâm quán sát sẽ tự động xảy ra. Nhờ có sự chú tâm (Chánh định) mà lộ trình tâm dừng lại tại đây và sự chú tâm này lại là duyên cho một lộ trình tâm sau khởi lên nơi đối tượng đó. Sự chú

Ai sẽ giải thoát?

tâm sẽ làm cho các lộ trình tâm khởi lên nơi đối tượng đó nhiều lần nên cảm giác và cái biết trực tiếp cảm giác đó được “kéo dài” ra. Hành giả sẽ an trú cái biết trực tiếp từ cảm giác này sang cảm giác khác mà không có mặt của cái biết ý thức. Cái biết trực tiếp giác quan được Chánh Niệm, Chánh tinh tấn, Chánh định an trú như vậy được gọi là cái biết Tỉnh giác hoặc gọi là cái biết Không Tánh hay còn gọi là Thắng Tri như trong kinh Pháp Môn Căn Bản. Hành giả sẽ kinh nghiệm được cái biết trực tiếp giác quan này được gọi là Không Tánh vì trong cái biết này không có tri thức khái niệm, không có phân biệt đối đãi, không ngôn ngữ chế định. Trong cái biết này không có khái niệm to nhỏ vuông tròn dài ngắn, mặn ngọt chua cay, xanh vàng đỏ trắng, không có khái niệm thời gian, không gian không có khái niệm mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có khái niệm sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm vô thường, vô ngã, không có khái niệm khổ tập diệt đạo, không có khái niệm Minh, khái niệm Vô minh, không có ngôn từ (pháp chế định). Cái biết trực tiếp giác quan này (tâm lý học gọi là nhận thức cảm tính) vốn phàm thánh đều như nhau, người và thú vật đều có. Hễ căn trần tiếp xúc thì phát sinh, nó không do học hỏi mà có như cái biết ý thức nhưng kẻ phàm phu không an trú được nó, không tách bạch nó ra khỏi cái biết ý thức nhị nguyên được, còn bậc thánh nhờ có Chánh niệm, Chánh tinh tấn, Chánh định mà kinh nghiệm và an trú được nó. Khi an trú Tỉnh giác hành giả kinh nghiệm được thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe, cảm nhận chỉ là cảm nhận, vì thế đầu óc trống không (không suy nghĩ), không tìm hiểu, không phán đoán, không phán xét, không

Ai sẽ giải thoát?

yêu thích, không chán ghét, không ràng buộc, không phiền não với tất cả mọi đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận. Giải thoát này gọi là Tâm giải thoát. Lộ trình tâm xảy ra như sau:

Xúc → Cảm giác → Tưởng → Chánh niệm →
Chánh tinh tấn → Chánh định → (Tĩnh giác)

- Tu tập Tuệ: Là khi thực hành quán Tâm và quán Pháp. Khi căn trần tiếp xúc phát sinh sáu loại cảm giác và sáu cái biết trực tiếp thì tùy thuộc vào Chánh niệm: nhớ đối tượng đó là Vô thường, nhớ đối tượng đó là Vô ngã, nhớ đối tượng đó ly tham... nên sau khi thấy, nghe hoặc cảm nhận cảm giác đó với cái biết Tĩnh giác, Chánh tư duy khởi lên làm phát sinh cái biết ý thức đúng như thật gọi là Chánh kiến biết đối tượng đó vô thường, biết đối tượng đó vô ngã, biết đối tượng đó ly tham... lộ trình tâm Bát chánh đạo của quán Tâm và quán Pháp xảy ra như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh niệm → Chánh
tinh tấn → Chánh định → (Tĩnh giác) → Chánh tư duy →
Chánh kiến.

Ví dụ: Đối với Chánh Niệm quán vô thường, sau khi thấy, nghe hoặc cảm nhận cảm giác đó với cái biết Tĩnh giác, Chánh tư duy khởi lên sẽ đối chiếu cảm giác đó với những hiểu biết về vô thường đã được học (lưu giữ trong kho chứa) được Chánh niệm kích hoạt lên làm phát sinh cái biết ý thức đúng như thật gọi là Chánh kiến, biết đối tượng đó vô thường. Lộ trình tâm dừng lại cái biết Chánh

Ai sẽ giải thoát?

kiến vô thường, không có diễn tiến gì thêm nữa, không còn khởi lên biết đối tượng đó là ngon hay dở, đẹp hay xấu, thơm hay thối... Với cái biết Chánh kiến đối tượng đó vô thường, hành giả cũng kinh nghiệm được không yêu thích, không chán ghét, độc lập không ràng buộc, giải thoát không hệ lụy. Đó chính là giải thoát. Giải thoát này do Chánh kiến mà kinh nghiệm được nên gọi là Tuệ giải thoát. Sự tu tập Chánh kiến: các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức, các đối tượng ấy là tâm (không phải cảnh) các đối tượng ấy vô thường, các đối tượng ấy vô ngã, các đối tượng ấy ly tham, các đối tượng ấy buông xả, Tuệ tri Thọ, Tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của Thọ, Tuệ tri Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, được gọi là tu tập Tuệ. Trong sự tu tập Tuệ này không những đưa đến chứng ngộ và an trú Tuệ giải thoát mà còn an trú cái biết Tỉnh giác nên có cả Tâm giải thoát. Sự tu tập Chánh kiến hay tu tập Tuệ không những làm cho hành giả kinh nghiệm được pháp này là thiết thực hiện tại, an trú được Khổ diệt của hữu học đạo mà sự tu tập Tuệ này mới đưa đến xóa bỏ Vô minh, Thường kiến, Ngã kiến đã được cài đặt trong kho chứa “tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm” của mỗi người, mới đưa đến quả vị A la hán, mới đưa đến giác ngộ Tứ Thánh Đế.

4/ Nhiệt tâm và thận trọng: Sự tu tập Tâm và Tuệ giúp cho hành giả chứng ngộ và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát phải được thực hành với sự tinh tấn (nhiệt tâm) cao nhất, không những khi tọa thiền mà phải liên tục suốt cả ngày từ khi thức dậy cho đến khi đi ngủ, phải nối liền

Ai sẽ giải thoát?

liên tục từ ngày này sang ngày khác, từ tháng này sang tháng khác, từ năm này sang năm khác. Mỗi một ngày hành giả phải thận trọng suy xét lại kết quả của sự tu tập, đã nhất hướng nhằm chán ly tham đối với dục lạc, nhằm chán ly tham đối với hữu, nhằm chán ly tham đối với phi hữu chưa? Đã nhiếp phục tham sân si ở mức độ nào? Đã nhất hướng đoạn diệt năm thủ uẩn chưa? Đã nhất hướng hướng đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn chưa? Nếu chưa có hãy nỗ lực tinh tấn tu tập, nếu đã có hãy hoan hỷ trong sự tu tập ấy. Một người nếu có đủ bốn yếu tố này có thể tu tập thời gian từ bảy ngày đến bảy năm có thể chờ đợi kết quả là Chánh Trí trong hiện tại (Quả A la hán) và nếu còn dư sót là quả Bất Lai. Đây là lời khẳng định của Đức Phật trong bài kinh Niệm Xứ.

GIẢI THOÁT LÀ NHƯ THẾ NÀO

Câu trả lời nằm trong bài kệ thuộc Trường Bộ Kinh:

*Bậc Thánh bỏ gia đình
Du hành không trú xứ.
Với dân chúng trong làng,
Không tác thành hệ lụy
Tuyệt không các dục vọng,
Không mơ ước hão huyền,
Chấm dứt mọi tranh luận
Với bất kỳ một ai.*

Bài kệ này nói về vị A la hán, người đã có Chánh Trí: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa”. Bài kệ này phải được hiểu theo hai khía cạnh nghĩa đen và nghĩa bóng. Nghĩa đen nói về dáng vẻ bên ngoài và nghĩa bóng nói về nội tâm của vị đó. Bậc Thánh bỏ gia đình. Du hành không trú xứ nghĩa là bậc Thánh đã từ bỏ tài sản lớn, tài sản nhỏ, từ bỏ bà con lớn, bà con nhỏ, từ bỏ gia đình lớn, gia đình nhỏ, xuất gia sống không gia đình. Vị ấy đi từ nơi này qua nơi khác, xin ăn để nuôi mạng, xin tắm y để che thân. Vị ấy ngủ nơi gốc cây, nơi đền miếu... dáng vẻ bề ngoài của vị ấy giống như một kẻ hành khất không tài sản, không gia đình, không thân thích, tứ cố vô thân, đi từ nơi này qua nơi khác xin miếng cơm để ăn, xin manh áo để mặc. Dáng vẻ bề ngoài của bậc Thánh cũng giống như dáng vẻ bề ngoài

Ai sẽ giải thoát?

của kẻ hành khát tứ cố vô thân. Nhưng nghĩa bóng của hai câu này chính là nội tâm của bậc Thánh, là nội dung quan trọng cần phải khảo sát. Gia đình mà bậc Thánh đã từ bỏ không chỉ là gia đình theo nghĩa thế gian mà gia đình bậc Thánh đã từ bỏ chính là Năm Thủ Uẩn. Đối với kẻ phàm phu chấp thủ một cái Ta là chủ nhân của sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm khởi lên Năm thủ uẩn. Kẻ phàm phu đang sống với Năm thủ uẩn: Ta thấy, Ta nghe, Ta nghĩ, Ta cảm, Ta xúc chạm, Ta nhận thức, Ta đau, Ta ngứa, Ta nói, Ta làm, Ta đau khổ, Ta hạnh phúc... Đây thực sự là hoang tưởng và đây thực sự là gia đình của kẻ phàm phu với nghĩa sâu xa nhất. “Năm thủ uẩn là Khổ” và kẻ phàm phu đang sống với Khổ. Đối với Năm Thủ Uẩn, bậc Thánh đã đoạn tận, đoạn trừ, đoạn ly, đoạn xả cũng có nghĩa là bậc Thánh đã đoạn tận, đoạn trừ, đoạn ly, đoạn xả Khổ. Du hành không trú xứ nghĩa là bậc Thánh đã đoạn trừ tham dục nên không còn thích thú, không còn dính mắc, không còn ràng buộc với bất kỳ xứ nào như Sắc xứ, Thanh xứ, Hương xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Pháp xứ, Nhãn xứ, Nhĩ xứ, Tì xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Ý xứ. Với dân chúng trong làng. Không tác thành hệ lụy nghĩa là đối với đệ tử hay với các thí chủ không xa lánh lạnh nhạt cũng không thân mật gần gũi, khi có công việc liên quan thì không ràng buộc mình vào công việc đó, không vui khi họ vui, không buồn khi họ buồn. Tuyệt không các dục vọng nghĩa là đối với niềm vui, hạnh phúc, lạc thú do sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái khởi lên chư vị không có thích thú, không có thèm muốn dục lạc ấy vì chư vị đã đoạn tận tham. Đối với những đối tượng khó chịu, pháp chương

Ai sẽ giải thoát?

ngại chur vị không khởi lên chống đối vì đã đoạn tận sân. Không mơ ước hão huyền nghĩa là không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai vì chur vị đã đoạn tận Si. Phần lớn sự an trú của các vị A la hán là an trú cái biết Tỉnh giác hay còn gọi là cái biết Không tánh, đây là cái biết trực tiếp không tri thức, khái niệm, ngôn từ cụ thể là cái biết nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức được tách bạch ra khỏi cái biết ý thức nhờ Chánh niệm, Chánh tinh tấn, Chánh định. Với cái biết Không tánh này thì không có khái niệm quá khứ, hiện tại, vị lai, không có gì ở phía trước, không có cái gì ở phía sau, không có tương lai nào hiện hữu, không có đời này, không có đời sau, không có khoảng giữa hai đời. Đó là không mơ ước hão huyền. Chấm dứt mọi tranh luận. Với bất kỳ một ai. Nhân loại luôn luôn ở trong sự tranh luận Đúng và Sai. Đúng và Sai được hiểu là đúng hay sai với sự thật nhưng khái niệm đúng và sai mà con người đang dùng để tranh luận là hiểu biết cá nhân, nó tùy thuộc vào kho “tri thức hiểu biết” của mỗi người được học hỏi và tích lũy vào kho chứa (còn được gọi là nghiệp). Mọi tri thức hiểu biết này được nhuộm màu Thường kiến và Ngã kiến nên nó là cái hiểu biết không đúng sự thật gọi là Vô Minh, là vọng tưởng. Cái biết ý thức vô minh tà kiến này phát sinh do Tà Niệm → Tà tư duy mà khởi lên, nghĩa là Tà niệm kích hoạt một loại thông tin trong kho chứa để Tà tư duy so sánh đối chiếu mà phát sinh cái biết ý thức vô minh tà kiến. Bậc Thánh có Chánh tư duy tức là so sánh đối chiếu với sự thật nên phát sinh cái biết ý thức đúng như thật gọi là Chánh kiến. Một trong những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh,

Ai sẽ giải thoát?

mỹ diệu, vượt qua những tư duy lý luận suông chỉ có người Trí mới có khả năng nhận hiểu đó là định lý Duyên Khởi mà bậc Thánh đã giác ngộ. Ví như khi có một viên đường tiếp xúc với lưỡi (một người khỏe mạnh) ai cũng cảm nhận được vị ngọt cho dù là phàm hay Thánh. Cảm nhận vị ngọt đây là cái biết trực tiếp gọi là thiết thức, phàm Thánh đều như nhau. Nhưng hiểu biết về vị ngọt (cái biết ý thức) thì phàm thánh lại khác nhau.

- Cảm nhận vị ngọt rồi kẻ phàm phu khởi lên cái biết ý thức, hiểu biết vị ngọt nằm trong đường (thường trú trong viên đường), vị ngọt là của viên đường, vị ngọt thuộc về vật chất.

- Bậc Thánh quán sát nơi sự thật: có viên đường và lưỡi, tức có đủ hai nhân nhưng chưa có sự tiếp xúc tức chưa có duyên thì chưa có vị ngọt nào phát sinh cả. Khi viên đường tiếp xúc với lưỡi (đầy đủ nhân và duyên) thì phát sinh cảm giác vị ngọt. Cảm giác vị ngọt do duyên xúc mà phát sinh nên gọi là pháp Duyên khởi. Xúc sinh cảm giác sinh, xúc diệt cảm giác diệt. Cảm giác vị ngọt sinh lên rồi diệt đi. Chỉ khi xúc sanh cảm giác vị ngọt mới sanh nên khi chưa có xúc cảm giác vị ngọt không có vì vậy nó không thường hằng thường trú trong viên đường cũng không thường hằng thường trú nơi lưỡi. Như vậy cảm giác vị ngọt là vô thường, nghĩa là sinh lên rồi diệt đi, trước khi sinh không ở đâu cả, sau khi diệt cũng không về đâu cả, không thường hằng, không thường trú ở đâu cả. Cảm giác vị ngọt khi nó tồn tại thì nó hoàn toàn vô chủ có nghĩa là nó tồn tại độc lập không có cái gì là chủ nhân của nó,

Ai sẽ giải thoát?

không có cái gì sở hữu nó. Lưỡi không phải là chủ nhân của cảm giác vị ngọt, viên đường không phải là chủ nhân của cảm giác vị ngọt vì khi cảm giác vị ngọt phát sinh viên đường và lưỡi đã diệt (lưỡi cũ diệt, lưỡi mới sinh) theo định luật nhân diệt quả sanh. Ví như có một gói thuốc nhuộm đỏ và một chậu nước trong, khi hai nhân này tiếp xúc với nhau thì cùng diệt tức gói thuốc nhuộm đỏ và chậu nước trong cùng diệt, lúc đó mới phát sinh chậu thuốc nhuộm đỏ. Như vậy cảm giác vị ngọt là vô chủ, vô sở hữu, còn có nghĩa là vô ngã nghĩa là không có một cái Ta nào là chủ nhân của cảm giác vị.

Bậc Thánh giác ngộ lý Duyên khởi, biết như thật cảm giác vị ngọt đó là Tâm (không phải vật), nó vô thường, nó vô chủ (vô ngã) và bậc Thánh cũng biết như thật rằng: hiểu biết vị ngọt nằm trong đường, vị ngọt là của đường, vị ngọt là vật chất là thường kiến và ngã kiến, là vô minh vọng tưởng. Khi đã tuệ tri như vậy bậc Thánh sẽ không có phân vân, lưỡng lự, không có nghi ngờ, do dự về sự thật duyên khởi nên vị ấy sẽ không khởi lên tranh luận với thế gian, không khởi lên tranh luận: nóng không nằm trong lửa, lạnh không nằm trong nước đá, ngọt không nằm trong đường, mặn không nằm trong muối, ngon, dở không nằm trong thức ăn v.v... bởi vị ấy biết rõ rằng: tuy những điều này là sự thật, nhưng cái hiểu biết vô minh vọng tưởng của nhân loại sẽ cho rằng người nói như vậy chắc là bị điên. Điều này đã được Đức Thế Tôn nói rõ trong Kinh Mật Hoàn: Pháp mà Ta thuyết giảng không tranh luận một ai ở đời.

TỪ BỎ CÁC PHƯỚC BÁO

Ngồi một bên, Bà la môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn Thưa Tôn giả Gotama, con là người khát thực và Tôn giả cũng là người khát thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

Thế Tôn:

Không phải ai xin ăn

Cũng gọi là khát sĩ

Nếu chấp trì độc pháp

Không còn gọi tử kheo

Ai sống ở đời này

Từ bỏ các phước báo

Đoạn trừ mọi ác pháp

Hành trì theo phạm hạnh

Sống đời sống chánh trí

Vị ấy xứng “tử kheo”

Tương ưng bộ kinh tập 1, chương 7, tương ưng bà la môn, X. Bhikkhaka (S.i.182).

Vậy để xứng đáng với danh xưng tử kheo, xứng đáng là đệ tử của Đức Thế Tôn, để có thể lớn mạnh, chói sáng trong Pháp và Luật của Như Lai phải có bốn yếu tố: thứ nhất là từ bỏ các phước báo, thứ nhì là đoạn trừ mọi ác pháp, thứ ba hành trì theo phạm hạnh, thứ tư sống nếp sống chánh trí.

Ai sẽ giải thoát?

1/ Từ bỏ các phước báo: tiêu chuẩn đầu tiên để xứng gọi tử kheo là từ bỏ các phước báo. Từ bỏ các phước báo được hiểu là không yêu thích, không dính mắc, không ràng buộc, không hướng đến, không tìm cầu phước báo. Lời dạy này của Đức Thế Tôn trái ngược với quan điểm và hiểu biết của thế gian. Thế gian thì khao khát tìm cầu phước báo, hướng đến phước báo, tích lũy phước báo vì phước báo đồng nghĩa với hạnh phúc (vật chất và tinh thần). Hành vi này của nhân loại phát sinh từ sự hiểu biết về khổ, về nguyên nhân của khổ, về sự chấm dứt khổ và con đường chấm dứt khổ của họ.

- Đối với nhân loại họ hiểu khổ và nguyên nhân của khổ là do hoàn cảnh sống (ngoại cảnh). Ví như một người khi bị con chó cắn, cảm nhận khổ khởi lên thì hiểu biết về khổ này cũng khởi lên nơi họ: khổ là từ con chó mà đến, nguyên nhân của khổ là do con chó cắn. Khi đi giữa trời mưa bị ướt lạnh, khổ khởi lên, họ cho rằng khổ và nguyên nhân của khổ là do trời mưa. Khi bà vợ bị chồng chửi mắng, khổ khởi lên, họ nghĩ ngay rằng khổ và nguyên nhân của khổ là do chồng. Khi ăn một bữa cơm tồi tàn, khổ khởi lên và họ nghĩ nguyên nhân của khổ là do thức ăn tồi tàn đó... chính vì hiểu khổ và nguyên nhân của khổ ở nơi ngoại cảnh nên khi khổ khởi lên họ oán trời trách đất, giận dữ hoàn cảnh, tức tối con người đã gây ra khổ cho họ.

- Họ cũng nhận thức rằng khi có hạnh phúc thì khổ được chấm dứt mà hạnh phúc chỉ có được khi có một hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, khỏe mạnh, sắc đẹp, sống lâu... vậy thì sự chấm dứt khổ cũng ở nơi hoàn cảnh và đương

Ai sẽ giải thoát?

nhiên con đường chấm dứt khổ là thay đổi hoàn cảnh từ hoàn cảnh khó khăn bất toại nguyện để có được hoàn cảnh tốt đẹp toại nguyện.

Hiểu biết về Khổ, Nguyên nhân của Khổ, Sự chấm dứt Khổ, Con đường chấm dứt Khổ (Khổ Tập Diệt Đạo) như vậy gọi là Vô minh (vì nó không đúng với sự thật). Vì thế mỗi một cá nhân, mỗi một gia đình, mỗi một tập thể, mỗi một đất nước và toàn thể nhân loại này đang ra sức thay đổi hoàn cảnh, cải tạo hoàn cảnh, mong rằng sẽ được hết khổ. Các tôn giáo cũng từ Vô minh này mà chủ trương thay đổi hoàn cảnh: thay đổi thế gian đau khổ này bằng một cảnh giới tâm linh, một thiên đường cực lạc hoàn toàn toại nguyện. Có những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt qua mọi tư duy lý luận suông, chỉ có người trí mới có khả năng nhận hiểu. Một trong những pháp đó là sự thật về khổ (Khổ đế) và sự thật về nguyên nhân của khổ (Tập đế) mà bậc Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và tuyên thuyết.

a./ Sự thật về khổ (Khổ đế):

- Khi căn trần tiếp xúc với nhau, đó gọi là Xúc. Do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có khổ (của sinh già bệnh chết), sầu bi khổ ưu não không thể kể xiết. Xúc → Thọ → Ái → Thủ → Hữu → Khổ (sinh già bệnh chết), sầu bi ưu não.

Có thể quán sát theo một lộ trình tóm tắt

Ai sẽ giải thoát?

* Lạc thọ (dễ chịu) → Tham → Ràng buộc → Hoại khổ.

* Khổ thọ (khó chịu) → Sân → Ràng buộc → Khổ khổ.

* Bất khổ bất lạc thọ (trung tính) → Si → Ràng buộc

→ Hành khổ.

Nếu quán sát một cách tỉ mỉ hơn thì đây là duyên khởi lộ trình tâm bát tà đạo:

Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng → Tà niệm → Tà tư duy → Tà tri kiến → Tham, Sân, Si → Tà định → Dục → Tà tinh tấn → Phi như lý tác ý → Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng → Khổ (sinh già bệnh chết) sầu bi ưu não không thể kể xiết.

Trong lộ trình duyên khởi này sáu căn và sáu trần là ngoại cảnh, từ Thọ đến sầu bi khổ ưu não là Tâm (nội tâm) vì vậy khổ không ở nơi ngoại cảnh mà khổ chính là Tâm khởi lên theo lộ trình duyên khởi: Xúc → Thọ → Ái → Thủ → Hữu.

Thấy như thật lộ trình duyên khởi này tức là Tuệ tri hay Liễu tri “Năm Thủ Uẩn Là Khổ”. Khi đã tuệ tri lộ trình duyên khởi này, tức đã tuệ tri năm thủ uẩn là khổ thì cũng tuệ tri (thấy như thật).

→→ Tất cả con người (ngoại trừ các bậc Thánh) bất luận ngu hay trí, dân tộc, tôn giáo nào, khi sáu căn tiếp

Ai sẽ giải thoát?

xúc với sáu trần thì đều khởi lên các lộ trình tâm bát tà đạo, đều khởi lên khổ, chẳng trừ một ai. Đây là sự thật phổ quát, là chân lý.

- Bất luận là hoàn cảnh nào, dễ chịu (lạc thọ), khó chịu (khổ thọ), hay trung tính (bất khổ bất lạc thọ), toại nguyện hay bất toại nguyện đều khởi lên khổ (hoặc là hoại khổ, hoặc là khổ khổ hoặc là hành khổ).

- Hễ sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì khổ khởi lên liên tục từ giây phút này sang giây phút khác, từ ngày này sang ngày khác, từ tháng này sang tháng khác, từ đời này sang đời khác... không ngừng nghỉ. Kể cả các vị A la hán tuy đã khổ diệt nhưng vẫn còn dư sót (khổ diệt hữu dư hay Niết bàn hữu dư) tuy rằng khổ còn dư sót này (là các cảm giác khó chịu trên thân do quá nóng hoặc quá lạnh, hay do bệnh tật...) so với khổ đã được đoạn diệt giống như đất trên móng tay so với đất trên quả đất này. Khổ còn dư sót đó sẽ được diệt tận khi vị đó nhập diệt gọi là khổ diệt vô dư hay Niết bàn vô dư.

Bốn đặc tính này là sự thật phổ quát cho tất cả nhân loại (ngoại trừ các bậc Thánh) là chân lý và được gọi là Khổ đế. Sự thật này chỉ bậc Thánh mới giác ngộ, còn nhân loại tuy sống trong sự thật này nhưng không thấy, không biết, không giác ngộ sự thật đó.

b./ Sự thật về nguyên nhân của khổ (Tập đế)

Ai sẽ giải thoát?

Là do tà kiến tức cái biết ý thức không đúng sự thật gọi là Vô minh, và do vô minh mà phát sinh tham sân si. Nguyên nhân của khổ cũng là Tâm chứ không phải ngoại cảnh. Trong kinh điển Đức Phật thuyết giảng nguyên nhân của Khổ là: “Khát ái tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái”nghĩa là khao khát (tham đắm) và tìm cầu hạnh phúc (hỷ lạc) ở trong sắc thanh hương vị xúc pháp gọi là Dục ái, khao khát tìm cầu hạnh phúc trong sự sống, sự hiện hữu, sự được sinh ra gọi là Hữu ái và khao khát tìm cầu hạnh phúc ở Phi Hữu tức là Niết bàn. Trong kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật nói rằng: “Dục Hỷ là căn bản của Khổ.”Dục hỷ cũng có nghĩa là tham muốn tìm cầu hạnh phúc (hỷ). Dục hỷ ở đâu? Dục hỷ Dục lạc, dục hỷ Hữu, và dục hỷ Niết bàn, nghĩa là tham muốn tìm cầu hạnh phúc nơi dục lạc, tham muốn tìm cầu hạnh phúc nơi sự sống, sự được sinh ra, tham muốn tìm cầu hạnh phúc tuyệt đối của Niết bàn. Kẻ phàm phu không tuệ tri Niết bàn xem Niết bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh hay Thường, Lạc, Vô ngã, Tịnh, và vì do hiểu biết Niết bàn như vậy nên dục hỷ Niết bàn. Đây cũng là căn bản của khổ.

Kẻ phàm phu khát ái tìm cầu hạnh phúc để thoát khổ mà không biết như thật đó chính là nguyên nhân của khổ. Người trí khi đã tuệ tri khổ và nguyên nhân của khổ, họ sẽ “lông tóc dựng ngược”và nhằm chán ly tham Dục Lạc, nhằm chán ly tham cuộc đời, nhằm chán ly tham sự hiện hữu, sự còn phải sinh ra, còn đâu hướng đến phước báo để đời này hoặc đời sau có được quả báo, một hoàn cảnh tốt đẹp, giàu có, sức mạnh, đẹp đẽ, sống lâu... Hướng đến

Ai sẽ giải thoát?

phước báo, ca ngợi phước báo, cổ vũ cho phước báo đó là tham dục. Đức Thế Tôn nói từ bỏ các phước báo chính là từ bỏ tham dục. Một chủ đề xuyên suốt kinh điển được đức Thế Tôn thuyết giảng là các Dục (hạnh phúc) vui ít, khổ nhiều, náo nhiều mà nguy hiểm lại càng nhiều hơn, để các đệ tử nhằm chán ly tham hạnh phúc. Một người xuất gia nếu dành cả cuộc đời cho việc làm từ thiện để giúp đỡ những hoàn cảnh éo le, những mảnh đời cơ nhỡ, nghèo đói, thiếu thốn, bất hạnh... thì họ đang thấy khổ và nguyên nhân của khổ ở nơi ngoại cảnh, một hiểu biết vô minh. Hãy quán sát thật kỹ xem một người có nhiều hạnh phúc bao nhiêu (giàu có, khỏe mạnh, xinh đẹp, thành đạt, quyền lực...) thì khổ đau cũng phải tương đương chừng ấy chứ không kém một tí tẹo nào bởi vì cái gánh nặng mà mọi người đang gánh chịu không phải chỉ có khổ đau mà sự thực một đầu là khổ đau còn đầu kia là hạnh phúc cân bằng nhau. Làm từ thiện chân chính là giúp đỡ cho người đó thấy rõ khổ phát sinh nơi nội tâm và nguyên nhân của khổ là vô minh và tham ái mới giúp đỡ được người đó chấm dứt khổ mà điều này nếu không dành trọn cuộc đời để tu tập, để chứng ngộ thì làm sao giúp cho người khác biết được cái mình chưa bao giờ biết.

Vậy thì không bố thí, không cúng dường, không giúp đỡ người khác hay sao? Không phải như vậy. Những ai làm việc này với tâm mong cầu với tâm trói buộc (về phước báo) với ý nghĩ ta sẽ hưởng thụ những phước báo này trong đời này hoặc đời sau đó chính là lộ trình tâm bát tà đạo, đó là thuộc về thế gian. Làm như vậy không phải là

Ai sẽ giải thoát?

không có kết quả nhưng kết quả đó thuộc về hữu lậu, thuộc phước báo đưa đến quả sanh y và cũng chỉ lần quần trong khổ đau của luân hồi sinh tử. Những ai bố thí, cúng dường, giúp đỡ người khác với tâm bất chánh đạo thì sẽ không mong cầu, không trói buộc với phước báo, không có ý nghĩ ta sẽ hưởng thụ cái này trong đời sau, làm với tâm buông xả, làm với tâm không còn tham dục, đó là chánh nghiệp trong bát chánh đạo, là vô tác giải thoát. Làm như vậy cũng sẽ có kết quả nhưng kết quả này thuộc vô lậu, thuộc siêu thế, thuộc về Hiền Thánh, thuộc đạo chi.

2/ Đoạn trừ mọi ác pháp: Tham là ác pháp, sân là ác pháp, si là ác pháp. Đây là ba ác pháp căn bản. Từ ba ác pháp căn bản này mà các ác, bất thiện pháp thứ cấp phát sinh như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu v.v... Đoạn trừ tham sân si thì các ác bất thiện pháp thứ cấp sẽ bị tiêu diệt không có dư tàn.

3/ Hành trì theo Phạm hạnh: thực hành phạm hạnh này là thực hành Giới Định Tuệ, tức thực hành Tăng Thượng giới học, Tăng Thượng Định học, Tăng Thượng Tuệ học. Mục đích của phạm hạnh này là chứng ngộ và an trú Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát hay nói theo cách khác là chứng ngộ và an trú Không giải thoát, Vô tướng giải thoát, Vô tác giải thoát, hay nói theo cách khác là chứng ngộ và an trú Niết bàn, hay nói theo cách khác nữa là chứng ngộ và an trú Vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách. Mục đích của phạm hạnh này không phải để trở thành một con người vĩ đại, một vĩ nhân, một con người có những năng lực kỳ diệu... mà chỉ để chấm dứt khổ mà thôi.

Ai sẽ giải thoát?

4/ Sống nếp sống Chánh Trí: Khi mà Giới → Định → Tuệ → Giải Thoát (Tâm giải thoát) → Giải thoát tri kiến (Tuệ giải thoát) đã hoàn toàn viên mãn, lúc đó đột chuyển sẽ xảy ra, những thông tin “vô minh ta, của ta” được cài đặt trong kho chứa “tri thức hiểu biết” của vị ấy bị xóa bỏ hoàn toàn, chánh trí sẽ khởi lên. Vị ấy biết “sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa”. Đó chính là quả vị A la hán.

ĐÓN RỪNG KHÔNG ĐÓN CÂY **(Pháp Cú 283)**

*Đón rừng không đón cây
Từ rừng sinh sợ hãi
Đón rừng đón ái dục
Tỷ kheo được tịch tịnh*

Đọc câu đầu tiên thì cho dù người ngu hay trí, cả nhân loại này đều hoang mang. Làm gì có chuyện “đón rừng không đón cây”, từ trong thâm tâm họ có cái nghi ngờ, có cái hoang mang đó nhưng một số người vì đức tin tôn giáo, họ cho rằng Phật nói là “bất khả tư nghĩ”, chúng sanh không thể nào hiểu được nên gạt nó sang một bên.

Một số người cho rằng do phiên dịch hoặc do sai sót trong lưu truyền. Cả hai loại suy nghĩ đó phát sinh do khi nghe câu kinh “Đón rừng không đón cây”, liền đối chiếu với hiểu biết trong kho chứa “tri thức hiểu biết” của mình, mà cái hiểu biết được lưu giữ trong kho chứa đó là “cây là rừng, rừng là cây” nên khi đối chiếu như vậy sẽ đưa đến hoang mang. Trong “cái biết” của mỗi người và nhân loại (là vô minh, là vọng tưởng) thì “rừng là cây, cây là rừng” là cái hiểu biết một chiều, không đúng sự thật. Rừng thật thì không những là có cây mà giữa các cây này có vô vàn, vô số loại dây leo chằng chịt, quấn quít từ cây này sang cây

Ai sẽ giải thoát?

khác. Các loại dây leo đó làm cho cây oằn xuống, bị phủ kín, che lấp, bít bùng thành một khối âm u, mờ tối... Từ bên ngoài nhìn vào khu rừng sẽ phát sinh sợ hãi: rần rít, côn trùng, thú dữ, đêm tối thì sợ ma quỷ... Từ rừng sinh sợ hãi là như vậy. Từ rừng thật như vậy nếu không đốn cây nào mà chỉ đốn sạch tất cả mọi dây leo chằng chịt thì khu rừng đầy sợ hãi đó diệt đi và xuất hiện một vườn cây thoáng đảng như ở chùa Bửu Quang này, và mọi sợ hãi rần rít, côn trùng, thú dữ, ma quỷ... cũng được chấm dứt. Đốn rừng không đốn cây là như vậy. Nếu quán sát nơi sự thật thì lời dạy của Đức Phật rất đơn giản, nó đơn giản đến mức “bất khả tư nghĩ”nghĩa là đơn giản đến mức không có gì cần phải nghĩ bàn nữa. Hai câu sau: “đốn rừng đốn ái dục, Tỷ kheo được tịch tịnh”lấy hai câu đầu làm minh họa cụ thể. Việc tu hành của một vị tỷ kheo giống như đốn rừng không đốn cây vậy nghĩa là chỉ đoạn trừ ái dục giống như chặt hết những dây leo chằng chịt từ cây này sang cây khác mà không đốn cây nào. Đức Phật đã chỉ rõ: hễ có căn, trần và căn trần ấy tiếp xúc với nhau thì đó gọi là xúc. Do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não không thể kể xiết. Nếu Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sinh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não diệt nghĩa là toàn bộ khối đau khổ diệt. Nếu nói một cách tóm tắt có Ái thì có Ràng buộc, có Ràng buộc thì có Khổ. Ái chấm dứt thì Ràng buộc chấm dứt, Ràng buộc chấm dứt thì Khổ chấm dứt. Ví như có anh thanh niên và cô gái mới biết nhau nhưng chưa yêu nhau thì anh ta không ràng buộc với cô gái, không ràng buộc với

Ai sẽ giải thoát?

cha mẹ, anh em, họ hàng, bạn bè của cô gái. Anh ta không vui khi những người đó vui cũng không buồn khi người đó buồn và cũng không có đau khổ vì những người đó. Nhưng khi hai người yêu nhau và cưới nhau thì do luyến ái mà anh ta không những ràng buộc với cô gái mà còn ràng buộc với cả cha mẹ, anh em, họ hàng, bạn bè của cô gái đó. Khi đã ràng buộc thì anh ta sẽ vui khi họ vui, buồn khi họ buồn và biết bao đau khổ sẽ phát sinh do sự ràng buộc đó. Nếu sau 5 năm chung sống, luyến ái chấm dứt, họ ly dị chia tay nhau và nếu anh ta không có thù hận thì sự ràng buộc với cô gái, với cha mẹ, anh em, họ hàng, bè bạn của cô gái cũng chấm dứt và anh ta sẽ không còn vui khi họ vui, buồn khi họ buồn, anh ta sẽ bình thản với mọi sự việc của họ và đau khổ sẽ không còn phát sinh đối với các đối tượng đó. Hãy quán sát sự thật về quan hệ con người. Đối với cha mẹ, vợ chồng, con cái, họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp, chủ tớ... sự luyến ái có thể có ở các mức độ khác nhau. Nhưng hễ có Ái (yêu thích) thì có Ràng buộc, có Ràng buộc thì có Khổ. Hễ chỗ nào không có Ái thì không có Ràng buộc, không có Ràng buộc thì không có Khổ. Ái càng lớn bao nhiêu thì Khổ càng lớn bấy nhiêu, như trong một gia đình hễ Ái đứa con nào nhiều nhất thì đau khổ về đứa con đó nhiều nhất. Khi vị Tỷ kheo đốn được Ái dục thì do Ái diệt mà Thủ diệt, do Thủ diệt thì Hữu diệt, do Hữu diệt mà toàn khối đau khổ diệt nên vị tỷ kheo được tịch tịnh.

Đốn rừng không đốn cây. Nhưng cây ở đây cây là cái gì mà không được đốn. Cây ở đây là chỉ cho đối tượng của Ái, nghĩa là diệt Ái chứ không phải diệt đối tượng của

Ai sẽ giải thoát?

Ái. Đối tượng của Ái là gì? Gần như tất cả người đọc đều nói rằng đối tượng của Ái là sắc thanh hương vị xúc pháp, một thế giới khách quan (ngoại cảnh) và là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đây lại một lần nữa không quán sát sự thật mà so sánh, đối chiếu với hiểu biết được lưu giữ trong kho chứa tri thức hiểu biết của nhân loại. Phải thấy như thật rằng: đối tượng của Ái bao gồm: những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức không phải là sắc thanh hương vị xúc pháp trần. Đối với nhân loại dựa vào vô minh gốc: Tâm thấy Cảnh nghĩa là nhãn thức thấy sắc trần, nhĩ thức nghe thanh trần, tỉ thức cảm nhận hương trần, thiệt thức cảm nhận vị trần, tưởng thức cảm nhận pháp trần và ý thức nhận thức pháp trần, thì đương nhiên khi đối chiếu câu hỏi đối tượng của Ái là gì? Thì câu trả lời sẽ là: đối tượng của Ái là sắc thanh hương vị xúc pháp trần là đúng với cái hiểu biết đó. Nhưng nếu đối chiếu câu hỏi đối tượng của Ái là gì? Với lời dạy của Đức Phật do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái thì câu trả lời là đối tượng của Ái là Thọ, là cảm giác chứ không phải là sắc thanh hương vị xúc pháp. Mỗi người sẽ tự thấy, tự biết lời dạy của Đức Phật bằng cách quán sát sự thật. Có một quả chuối đã bóc vỏ (vị trần) tiếp xúc với lưỡi của một người khi người đó đang đói và khỏe mạnh phát sinh một cảm giác ngon ngọt và người đó sẽ thích cảm giác ngọt ngon đó, nếu cũng quả chuối đó tiếp xúc với lưỡi người đó khi bị ốm nặng sẽ phát sinh một cảm giác đắng và người đó sẽ ghét cảm giác đắng đó. Vậy thì cái được cảm nhận ở đây là cảm giác (Thọ) và thái độ yêu ghét phát sinh là yêu ghét đối với cảm giác vị (Thọ) chứ không phải là vị trần

Ai sẽ giải thoát?

(quả chuối). Ví như một người mù khi lưỡi họ tiếp xúc với một loại thức ăn (vị trần) mà họ chưa bao giờ ăn thì sẽ phát sinh một cảm giác vị, nếu cảm giác vị ngon thì họ sẽ thích, nếu cảm giác vị dở thì họ sẽ ghét. Vậy thì cái được người mù cảm nhận là cảm giác vị chứ không phải vị trần (thức ăn), và yêu ghét phát sinh có đối tượng là cảm giác vị chứ không phải vị trần (thức ăn). Nếu một người với áo mặc trên thân nếu có một con gù đó bò lên sau lưng thì cái mà họ cảm nhận là cảm giác xúc chạm chứ không phải cảm nhận xúc trần (con gù).

Có sáu Xúc phát sinh sáu cảm giác (Thọ) và sáu cái biết trực tiếp các cảm giác đó.

Nhãn xúc → Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức

Nhĩ xúc → Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức.

Tì xúc → Cảm giác mùi → Tì thức

Thiệt xúc → Cảm giác vị → Thiệt thức

Thân xúc → Cảm giác xúc chạm → Thân thức

Ý xúc → Cảm giác pháp trần → Tưởng thức.

Lời dạy của Đức Phật là chân lý nên nó hoàn toàn phù hợp với quán sát sự thật này. Đối tượng của Ái là Thọ (cảm giác) và Ái là Ái những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức bao gồm cảm giác hình ảnh, cảm giác âm thanh, cảm giác mùi, cảm giác vị, cảm

Ai sẽ giải thoát?

giác xúc chạm, cảm giác pháp trần chứ không phải sắc thanh hương vị xúc pháp. Quán sát sự thật này để biết như thật: Tâm biết Tâm, để xóa đi cái biết Vô minh: Tâm biết Cảnh (vật) mà từ Vô minh gốc này phát sinh cái biết vô minh Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở nơi hoàn cảnh. Ví như ai cũng nghĩ rằng mắt thấy chiếc ô tô thực (sắc trần), nếu mắt (nhãn thức) thấy chiếc ô tô thực thì khi ô tô đó cách mắt 10 mét, cách mắt 50 mét, cách mắt 500 mét thì cái được thấy là ô tô đó phải là một nghĩa là nó bằng nhau hoàn toàn, nhưng sự thực thì lại khác nhau vì nhãn thức không thể thấy cái ô tô thực (pháp trần) mà chỉ thấy các cảm giác hình ảnh do cái ô tô thực tiếp xúc với mắt với các xúc khác nhau mà phát sinh ra các cảm giác hình ảnh to nhỏ khác nhau như vậy.

Rất nhiều người đọc thấy: do Xúc diệt mà Thọ diệt, do Thọ diệt mà Ái diệt... và không quan sát sự thật nên không biết được ngũ cảnh mà câu nói này diễn tả đưa đến cái hiểu biết một chiều: muốn Ái diệt thì Thọ phải diệt mà muốn Thọ diệt thì Xúc phải diệt, từ đó suy diễn ra phải làm cho Xúc diệt → Thọ diệt → Ái diệt và như vậy giải thoát là phải chứng được một cái biết (chân tâm) không sinh không diệt, cái biết không cần đến Xúc. Điều này trái ngược với những gì Đức Phật thuyết giảng, Ngài chưa bao giờ chủ trương Xúc diệt → Thọ diệt thì Ái diệt.

- Một pháp hết sức quan trọng được Đức Phật đề cao đó là phòng hộ sáu căn, tức là phòng hộ đối với sáu xúc xứ chứ không phải chủ trương xúc diệt.

Ai sẽ giải thoát?

- Trong kinh Căn Tu Tập, thuộc Trung Bộ kinh, khi ngoại đạo trình bày căn được tu tập là mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng... nghĩa là xúc diệt, Đức Phật đã phê phán ngay: Nếu như vậy người mù người điếc đều có căn được tu tập.

Trong Tiểu kinh Đoạn Tận Ái thuộc Trung Bộ Kinh, Đức Phật giảng về cốt lõi của sự thực hành bằng một câu: Do biết rõ ráo tất cả pháp nên bất kỳ một cảm thọ nào khởi lên, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ vị ấy sống quán tánh vô thường, quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt, quán tánh xả ly nơi cảm thọ đó.

Trong Kinh Phạm Võng, Ngài tuyên bố: “Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly của các cảm thọ. Nhờ tuệ tri như vậy, này các tỷ kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ”.

Như vậy sự tu tập không phải là Xúc diệt → Thọ diệt → thì Ái → Thủ → Hữu mới diệt. Vậy phải như thế nào? Lộ trình Đức Phật thuyết Xúc → Thọ → Ái → Thủ → Hữu là nói một cách tóm tắt, nếu quán sát một cách tỉ mỉ sẽ là như sau:

Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng (biết trực tiếp) → Tà niệm → Tà tư duy → Tà kiến → Tham.sân.si → Tà định → Dục (muốn) → Tà tinh tấn → Phi như lý tác ý → Tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng → Sinh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não.

Ai sẽ giải thoát?

Đây chính là lộ trình tâm Bát tà đạo, lộ trình tâm của nhân loại. Giữa Thọ và Ái còn có Tưởng → Tà niệm → Tà tư duy → Tà tri kiến, ở khoảng giữa này có một chỗ rẽ sang lộ trình tâm Bát chánh đạo (lộ trình tâm của bậc Thánh) đó chính là Niệm. Nếu là Tà Niệm sẽ khởi lên lộ trình tâm Bát tà đạo, trên lộ trình này sẽ có vô minh (tà tri kiến), sẽ có Tham Sân Si, Ràng buộc và Sầu bi khổ ưu não. Nếu Chánh Niệm thì toàn bộ Bát chánh đạo sẽ khởi lên: Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng (biết trực tiếp) → Chánh niệm → Chánh tinh tấn → Chánh định → (Tĩnh giác) → Chánh tư duy → Chánh Kiến → Như lý tác ý → Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Như vậy con đường hai ngã này có một đoạn chung là Xúc → Thọ → Tưởng và tại đây sẽ là chỗ rẽ:

- Tà niệm khởi lên thì toàn bộ Bát tà đạo khởi lên
- Chánh niệm khởi lên thì toàn bộ Bát chánh đạo sẽ khởi lên.

Trên Bát chánh đạo này sẽ không có vô minh, không có tham sân si, không có ràng buộc, không có sầu bi khổ ưu não, vì vậy Bát chánh đạo là con đường chấm dứt Ái, chấm dứt Khổ. Hình ảnh con đường hai ngã Bát tà đạo và Bát chánh đạo sẽ được tải lên sau đây để quý vị tham khảo.

Xem sơ đồ ở bài đầu.

HẠNH PHÚC VÀ KHỔ ĐAU

Cuộc sống của con người rất đa dạng và phức tạp, con người có hiểu biết và quan tâm tới rất nhiều vấn đề, rất nhiều lãnh vực đa dạng khác nhau. Tuy vậy tất cả những sự hiểu biết, những sự quan tâm ấy đều đồng quy về một vấn đề duy nhất là Hạnh phúc và Khổ đau. Cảm nhận Hạnh phúc và Khổ đau thì người ngu và trí, Phàm và Thánh đều cảm nhận được, nhưng hiểu biết về Hạnh phúc và khổ đau thì khác nhau và được chia làm hai loại:

- Hiểu biết không đúng sự thật về Hạnh phúc và Khổ đau được gọi là Vô minh, vọng tưởng thuộc về kẻ Phàm.

- Hiểu biết đúng sự thật về Hạnh phúc và Khổ đau được gọi là Minh, là Trí tuệ thuộc về bậc Thánh.

Không chỉ đối với Hạnh phúc và Khổ đau mà tất cả các sự vật và hiện tượng (gọi là pháp) khác cũng tương tự như vậy. Ví như có một cục nước đá, khi sờ tay vào cục nước đá, Phàm hay Thánh đều cảm nhận được lạnh. Đối với người Phàm sau khi cảm nhận lạnh liền khởi lên hiểu

biết về lạnh: lạnh này ở trong cục nước đá (thường trú trong cục nước đá), lạnh này của cục nước đá (cục nước đá là chủ nhân của lạnh), lạnh là thuộc tính của cục nước đá, là vật chất. Cái hiểu biết đó của người phàm gọi là Thường kiến (thường trú) và Ngã kiến (chủ nhân) và cái được biết thuộc về cảnh (vật). Hiểu biết của bậc Thánh về lạnh phát sinh do quán sát sự thật: bàn tay là một nhân và cục nước đá là nhân thứ hai. Có đầy đủ hai nhân nhưng chưa có sự tiếp xúc thì không có cái lạnh nào cả. Có đủ hai nhân đó và có sự tiếp xúc giữa bàn tay và cục nước đá (duyên) tức đầy đủ nhân và duyên thì sẽ phát sinh lạnh. Đây mới là cái lạnh thực, cho dù Phàm hay Thánh đều cảm nhận cái lạnh thực này. Lạnh này do nhân duyên mà phát sinh nên gọi là pháp duyên khởi. Lạnh này là một cảm giác, nó là tâm chứ không phải là cảnh (vật chất). Xúc sinh cảm giác lạnh sinh, xúc diệt cảm giác lạnh diệt. Cảm giác lạnh này sinh lên và diệt đi do duyên xúc. Khi chưa có xúc cảm giác lạnh này không có nên nó không thường hằng, không thường trú trong cục nước đá. Cảm giác lạnh này có tính chất vô thường nghĩa là sinh lên rồi diệt đi không thường hằng, không thường trú ở đâu cả. Cảm giác lạnh này do duyên xúc mà khởi lên nên nó vô chủ, có nghĩa là bàn tay không phải là chủ nhân của cảm giác lạnh, cục nước đá không phải chủ nhân của cảm giác lạnh, không có cái gì là chủ nhân của cảm giác lạnh. Đối với người Phàm khởi lên “Ta lạnh” tức có một cái Ta là chủ nhân của cảm giác lạnh, đây gọi là ngã kiến. Sự thực không có một cái Ta nào là chủ nhân của cảm giác lạnh, cảm giác lạnh vô chủ cũng có nghĩa là vô ngã. Bây giờ trở lại với chủ đề Hạnh phúc và

Ai sẽ giải thoát?

Khổ đau với hai loại hiểu biết Vô minh và Minh của Phàm và Thánh.

1/ Hiểu biết của người Phàm về Hạnh phúc và Khổ đau

- Người phàm cảm nhận Khổ rồi khởi lên hiểu biết khổ ở nơi hoàn cảnh, nguyên nhân của khổ là do hoàn cảnh như nghèo đói, bệnh tật, lạc hậu, thiếu tiện nghi, áp bức bất công, thiên tai, chiến tranh... tóm lại là hoàn cảnh khó chịu. Khổ ở trong hoàn cảnh khó chịu, thường trú trong hoàn cảnh khó chịu. Đây chính là Thường kiến. Người Phàm khởi lên “Ta đau khổ”nghĩa là có một cái Ta là chủ nhân của khổ, đây gọi là Ngã kiến (tiền Hán gọi là Ngã, tiếng Việt gọi là Ta).

- Người Phàm cảm nhận Hạnh phúc rồi khởi lên hiểu biết: Hạnh phúc chính là những hoàn cảnh tốt đẹp như: giàu có, xinh đẹp, khỏe mạnh, thành đạt, quyền lực.... Hạnh phúc thường trú trong những hoàn cảnh dễ chịu, tốt đẹp đó. Đây là Thường kiến. Người Phàm cũng khởi lên “Ta hạnh phúc”có nghĩa có một cái Ta (Ngã) là chủ nhân của Hạnh phúc. Đây gọi là Ngã kiến. Người Phàm cũng khởi lên hiểu biết là chỉ có Hạnh phúc mới có thể chấm dứt được Khổ đau. Chính vì vậy, người Phàm yêu thích Hạnh phúc, khao khát tìm cầu Hạnh phúc (hỷ lạc) chỗ này chỗ kia như Dục, như Hữu, như Phi hữu để chấm dứt khổ.

- Khi đã hiểu Hạnh phúc và Khổ đau như vậy thì con đường chấm dứt khổ đối với người Phàm là thay đổi

Ai sẽ giải thoát?

hoàn cảnh tức tìm cầu những hoàn cảnh tốt đẹp, dễ chịu để thay thế những hoàn cảnh khó chịu.

Đây chính là hiểu biết về Khổ, nguyên nhân của Khổ, sự chấm dứt Khổ (Hạnh phúc) và Con đường chấm dứt Khổ ở nơi hoàn cảnh, ở nơi sắc thanh hương vị xúc pháp trần của kẻ Phàm. Hiểu biết như vậy được gọi là Vô minh và nó được cài đặt trong kho chứa tri thức hiểu biết của mỗi người. Hễ sáu căn và sáu trần tiếp xúc, lộ trình tâm Bát tà đạo khởi lên sẽ có (Tà) Niệm kích hoạt các thông tin đó lên và (Tà) Tư duy sẽ đối chiếu, so sánh với các thông tin đó làm khởi lên cái biết ý thức (không đúng sự thật) gọi là (Tà) Tri kiến có nội dung là Vô minh này. Và cái biết ý thức Vô minh này đang chi phối toàn bộ đời sống nhân loại. Chính vì hiểu biết Vô minh này mà:

- Khi đối diện với một đối tượng dễ chịu (Hạnh phúc) thì thích thú đối tượng đó, đây gọi là Tham.

- Khi đối diện với đối tượng khó chịu (Khổ đau) thì chán ghét, đây gọi là Sân.

- Khi đối diện với một đối tượng trung tính (không dễ chịu không khó chịu) thì tìm kiếm một đối tượng dễ chịu (Hạnh phúc) để thay thế đối tượng trung tính đó, đây gọi là Si.

2/ Hiểu biết của bậc Thánh về Hạnh phúc và Khổ đau

Ai sẽ giải thoát?

Bậc Thánh ở đây là Đức Phật và các đệ tử chân chính của Phật. Mở đầu Trường Bộ Kinh là bản kinh Phạm Võng, Đức Phật tuyên bố về sự giác ngộ của Ngài như sau: “Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các cảm thọ. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ”. Sự giải thoát của Đức Phật là nhờ tuệ tri như vậy. Vậy tuệ tri sự tập khởi (sinh), sự đoạn diệt (diệt), vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của Thọ là như thế nào?

a./ Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ:

Sáu căn tiếp xúc với sáu trần gọi là sáu xúc gồm:

Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỉ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc, Ý xúc. Do có sáu xúc mà phát sinh sáu cảm giác hay sáu cảm thọ gọi tắt là Thọ và sáu cái biết trực tiếp biết các cảm thọ đó:

Nhãn xúc → Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức

Nhĩ xúc → Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức

Tỉ xúc → Cảm giác mùi → Tỉ thức

Thiệt xúc → cảm giác vị → Thiệt thức

Thân xúc → Cảm giác xúc chạm → Thân thức

Ý xúc → Cảm giác pháp trần → Tưởng thức

Ai sẽ giải thoát?

Xúc sinh thời cảm giác sinh, xúc diệt thời cảm giác diệt. Khi không có xúc thì không có thọ vì vậy thọ sinh lên rồi diệt, trước khi sinh không thường trú ở đâu cả, khi diệt cũng trở về thường trú ở đâu cả nên Thọ có tính chất Vô thường, không thường hằng, không thường trú ở đâu cả. Thọ cũng vô chủ nghĩa là Căn không phải là chủ nhân của Thọ, Trần không phải là chủ nhân của Thọ, không có cái gì là chủ nhân của Thọ, không có một cái Ta nào là chủ nhân của Thọ nên Thọ là Vô ngã.

Phải phân biệt Căn và Trần tiếp xúc với nhau phát sinh ra Thọ giống như Trống và Dùi tiếp xúc với nhau phát sinh ra Tiếng trống. Tiếng trống là khác mà Trống và Dùi là khác. Vì vậy nhãn thức thấy cảm giác hình ảnh (Thọ) chứ không phải nhãn thức thấy sắc trần; nhĩ thức nghe cảm giác âm thanh (Thọ) chứ không phải nghe thanh trần; tỉ thức cảm nhận cảm giác mùi (Thọ) chứ không phải là hương trần, thiệt thức cảm nhận cảm giác vị (Thọ) chứ không phải vị trần, thân thức cảm nhận cảm giác xúc chạm (Thọ) chứ không phải xúc trần; tưởng thức cảm nhận cảm giác pháp trần (Thọ) chứ không phải pháp trần. Vậy những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận là các cảm giác, là Thọ, là Tâm chứ không phải Cảnh, không phải là sắc thanh hương vị xúc pháp.

b./ Tuệ tri vị ngọt

Các cảm thọ có sáu loại nhưng nếu căn cứ theo tính chất có thể chia làm ba loại: cảm giác dễ chịu (lạc thọ),

Ai sẽ giải thoát?

cảm giác khó chịu (khổ thọ) cảm giác trung tính (bất khổ bất lạc thọ).

- Hạnh phúc chính là cảm giác dễ chịu hay lạc thọ. Khi cảm nhận một cảm giác dễ chịu như một cảm giác hình ảnh đẹp, một cảm giác vị ngon, một xúc chạm êm ái... con người thích thú các cảm giác dễ chịu đó thì đó là Hạnh phúc. Khi thích thú (tham) các cảm giác dễ chịu hay lạc thọ, thì hành vi thích thú thuộc về nội tâm do ý tiếp xúc với pháp phát sinh nơi tế bào thần kinh não bộ nhưng lượng thông tin này (thích thú) được lưu vào “kho chứa” cụ thể là cấu trúc ADN của tế bào thần kinh não bộ (trong cấu trúc ADN có 20% số lượng gene chứa thông tin di truyền còn 80% lượng gene chứa các lượng thông tin về Tâm) và được dẫn truyền tới các tế bào trong cơ thể. Tại các tế bào nội tạng như tim, gan, phổi, thận, ruột non, ruột già, dạ dày ... sẽ có sự tiếp xúc giữa lượng thông tin này và lượng thông tin trong tế bào của một nội tạng tương ứng làm phát sinh một cảm giác dễ chịu. Cảm nhận Hạnh phúc chủ yếu là cảm nhận cảm giác dễ chịu do nội xúc này gây nên. Như vậy Hạnh phúc chính là cảm giác dễ chịu do ngoại xúc và nội xúc gây nên, nó là Tâm chứ không phải là Cảnh. Vì hạnh phúc là cảm thọ nên hạnh phúc cũng vô thường, vô ngã (không có một cái Ta nào là chủ nhân của Hạnh phúc).
→→ Khổ đau cũng là các cảm giác khó chịu. Khi thấy, nghe, cảm nhận các cảm giác khó chịu thì con người chán ghét, lo lắng, sợ hãi, sầu bi khổ ưu não. Những hành vi như chán ghét, lo lắng, sợ hãi, sầu bi khổ ưu não phát sinh do ý tiếp xúc với pháp tại các tế bào thần kinh não bộ. Những

Ai sẽ giải thoát?

thông tin này được lưu vào ADN của tế bào thần kinh não bộ và được truyền dẫn đến ADN của các tế bào khắp cơ thể. Tại các tế bào nội tạng tương ứng như tim gan, phổi, thận, lá lách, dạ dày... phát sinh một nội xúc.. Do các nội xúc này mà phát sinh những cảm giác khó chịu. Tuy các cảm giác do nội xúc này phát sinh nơi nội tạng rất vi tế nhưng nó lại cực kỳ khó chịu. Ví như khi ngồi thiền do hai chân đè lên nhau mà phát sinh một cảm giác đau có thể rất dữ dội, rất khó kham nhẫn đối với nó, nhưng nếu lúc đó có một con gì đó rất nhỏ, nhỏ hơn con kiến nhỏ nhất, bò lên mặt và do vậy phát sinh một cảm giác. Tuy cảm giác này rất nhẹ, rất vi tế nhưng nó khó chịu hơn nhiều lần so với cảm giác đau ở nơi chân. Cũng y như vậy khi thấy, nghe, cảm nhận một cảm giác khó chịu do ngoại xúc phát sinh thì sau đó sẽ cảm nhận một cảm giác khó chịu rất vi tế nhưng cực kỳ ghê gớm do nội xúc gây nên. Đây chính là cảm nhận khổ đau. Vì vậy khổ là Tâm chứ không phải là Cảnh, khổ cũng Vô thường, Vô ngã.

Một đôi tình nhân ngoại tình đang ôm nhau say đắm. Họ cảm nhận hạnh phúc và nghĩ rằng hạnh phúc là ở nơi thân thể của người kia (cảnh). Nếu đèn bật sáng, người nhà hay vợ chồng của họ xuất hiện thì Hạnh phúc biến mất và Khổ đau xuất hiện. Nếu Hạnh phúc ở nơi thân thể thì nó vẫn còn đó, nó đâu có thể biến mất và xuất hiện đau khổ như vậy. Vậy thì Hạnh phúc và Khổ đau nó chỉ là các cảm giác, nó là Tâm chứ không phải là Cảnh.

c./ Tuệ tri sự nguy hiểm:

Ai sẽ giải thoát?

- Đối với kẻ phàm khi thấy, nghe, cảm nhận một Lạc thọ (hạnh phúc) thì khởi lên thích thú (thuật ngữ Phật học gọi là Tham), do có thích thú mà muốn có được nó và nắm giữ nó nên Ràng buộc với nó (thuật ngữ Phật học gọi là Thủ). Và như vậy khi Lạc thọ (hạnh phúc) vô thường, biến hoại, biến diệt, mất nó đi thì sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên.

Lạc thọ (hạnh phúc) Tham → Ràng buộc → Sầu bi khổ ưu não (hoại khổ).

Nếu thấy, nghe, cảm nhận một Lạc thọ (hạnh phúc) mà không thích thú thì sẽ không Ràng buộc với Lạc thọ đó nên khi nó biến diệt (mất đi) sầu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Vì vậy thích thú, tham ái hạnh phúc chính là nguyên nhân phát sinh đau khổ. Vì tham ái hạnh phúc mà tất cả nhân loại này đều sợ mất đi hạnh phúc vật chất và tinh thần đó chính là đau khổ và khi mất hạnh phúc thì lại càng đau khổ hơn.

- Hiểu biết của nhân loại là có Hạnh phúc thì mới chấm dứt được Đau khổ. Nhưng sự thực là Hạnh phúc có thể chấm dứt được Đau khổ này nhưng nó lại làm phát sinh một Đau khổ khác. Cho nên Hạnh phúc chỉ là thay đổi một nỗi khổ này bằng một nỗi khổ khác mà thôi. Ví như một cô gái đã nhiều tuổi chưa có người yêu, chưa có chồng, cô ta khổ vì cô đơn. Khi cô ta có người yêu vừa ý, cưới làm chồng thì đó là hạnh phúc. Hạnh phúc này làm chấm dứt nỗi khổ cô đơn nhưng nó lại là nguyên nhân phát sinh muôn vàn nỗi khổ khác của đời sống gia đình, con cái. Tất cả nhân loại (ngoại trừ các bậc Thánh) đang sống nhằm

Ai sẽ giải thoát?

thỏa mãn sự đòi hỏi của thân xác, thỏa mãn sự đòi hỏi của mắt tai mũi lưỡi thân ý, thỏa mãn sự đòi hỏi của ham muốn. Để thỏa mãn sự đòi hỏi đó phải có hạnh phúc vật chất và hạnh phúc tinh thần. Và để có được hạnh phúc vật chất và hạnh phúc tinh thần thỏa mãn được sự đòi hỏi đó thì không biết là bao nhiêu lao tâm khổ trí, không biết bao nhiêu cay đắng, sầu bi khổ não khởi lên.

- Vì khao khát tìm cầu Hạnh phúc mà đời sống của nhân loại này xảy ra biết bao thảm cảnh. Cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, vợ chồng tranh đoạt với nhau, người ta tạt a xít vào mặt nhau, người ta chế tạo và buôn bán ma túy để đầu độc nhau, người ta chế tạo ra bom đạn kể cả bom hạt nhân để tiêu diệt nhau. Vì khao khát và tìm cầu Hạnh phúc mà biết bao nhiêu lừa đảo, phá sản, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, biết bao cuộc chiến tranh tàn sát lẫn nhau kể cả chiến tranh tôn giáo. Nhiều kẻ nghiên cứu ra biết bao hóa chất, chất kích thích... đang đầu độc đời sống nhân loại, đang tự hủy diệt mình. Vì khát ái tìm cầu Hạnh phúc mà biết bao cô hoa hậu bán dâm, thậm chí đưa con trai giao cấu với mẹ đẻ của mình, ông bố hiếp dâm đứa con gái sáu tuổi... Những thảm cảnh đó, những đau khổ đó của nhân loại phát sinh do khát ái tìm cầu Hạnh phúc.

- Khát ái tìm cầu Hạnh phúc ở sự sống, sự hiện hữu (Hữu ái) làm phát sinh đau khổ khi mắc một chứng bệnh nặng, khi đối diện với cái chết đặc biệt nó là nguyên nhân phát sinh Thức tái sinh đưa đến khổ đau của luân hồi sinh tử.

Ai sẽ giải thoát?

- Khát ái tìm cầu Hạnh phúc ở Phi hữu (Phi Hữu ái) tức chấm dứt sự sống, sự hiện hữu để hưởng thụ Hạnh phúc tuyệt đối nơi thiên đường cực lạc như những kẻ cực đoan đánh bom tự sát để khi chết xong linh hồn được lên thiên đường hưởng lạc thú với 72 tiên nữ trinh nguyên. Đây cũng là một trong những cách “Dục hỷ Niết bàn” cũng là căn nguyên của Khổ.

Như vậy nguyên nhân của Khổ đau: “Khát ái tìm cầu hỷ lạc (Hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái” như trong bài Kinh Chuyển Pháp Luân Đức Phật đã giảng.

d./ Tuệ tri sự xuất ly của Thọ

Sự đoạn trừ tham, đoạn trừ sân, đoạn trừ si đối với các cảm thọ gọi là sự xuất ly của Thọ. Khi thực hành Tứ Niệm Xứ, lộ trình tâm Bát Chánh đạo khởi lên hành giả sẽ kinh nghiệm được các cảm thọ sinh lên rồi diệt đi nhưng không có tham đối với lạc thọ, không có sân đối với khổ thọ, không có si đối với bất khổ bất lạc thọ và cũng kinh nghiệm được không có dính mắc ràng buộc với các cảm thọ, không có khổ đau phiền não nào khởi lên. Khi các lộ trình tâm Bát chánh đạo khởi lên liên tục không gián đoạn, Bát tá đạo được nhiếp phục, không khởi lên thì trên các lộ trình tâm Bát chánh đạo, Chánh Tư duy khởi lên sẽ so sánh đối chiếu lộ trình tâm Bát chánh đạo hiện tại với các lộ trình tâm Bát tà đạo (có tham sân si, có dính mắc ràng buộc, có khổ đau phiền não xảy ra trước đây và được lưu vào kho chứa) và phát sinh kết luận. Kết luận này chính là

Ai sẽ giải thoát?

cái biết ý thức, biết như thật gọi là Chánh kiến: không có tham sân si, không có ràng buộc, không có khổ đau phiền não, hay biết như thật trên Bát chánh đạo này vắng mặt tham sân si, vắng mặt khổ đau phiền não. Chánh kiến như vậy cũng được gọi là Tuệ tri Khổ diệt hay Tuệ tri Niết bàn. Trong cái được tuệ tri đó (Niết bàn) chỉ là sự trống rỗng, sự không có mặt, sự vắng mặt cả Khổ đau lẫn Hạnh phúc. Vì rằng lộ trình tâm Bát chánh đạo không có tham sân si nên những nội xúc xảy ra nơi các tế bào nội tạng không có nên sự cảm nhận Hạnh phúc và Khổ đau cũng đều không có mặt. Tuệ tri sự xuất ly của Thọ là biết như thật sự đoạn trừ Tham, đoạn trừ Sân, đoạn trừ Si đối với Thọ cũng có nghĩa là tuệ tri Khổ diệt (Niết bàn). Có thể có một thí dụ, qua thí dụ này nhiều người sẽ hình dung ra Khổ diệt (Niết bàn) là như thế nào. Một người trước đây bị ghê lở, hắc lao và khổ khởi lên vì nhân duyên đó. Khi bị khổ chi phối, người đó muốn hết khổ nên bôi thuốc, gãi, hơ lửa... và cảm nhận hạnh phúc sung sướng khi thực hiện các hành vi đó. Bây giờ người đó đã hoàn toàn khỏi bệnh, người đó biết rõ bây giờ cái khổ đó đã đoạn diệt, người đó biết rõ bây giờ hoàn toàn vắng mặt cái khổ đó và cũng biết rõ rằng trong sự vắng mặt cái khổ đó không có một thứ hạnh phúc gì cả. Người đó cũng chỉ cần sự vắng mặt khổ như vậy mà thôi (gọi là yên ổn) chứ không cần một thứ hạnh phúc gì để mà diệt khổ nữa. Tuệ tri Niết bàn là cái biết ý thức Chánh kiến, biết như thật: sự trống không, sự vắng mặt cả Khổ đau và Hạnh phúc. Kẻ phàm không tuệ tri Niết bàn, không biết như thật Niết bàn mà với cái biết ý thức Vô minh tà kiến: “có hạnh phúc mới chấm dứt được khổ đau” nên suy diễn

Ai sẽ giải thoát?

Niết bàn phải là nơi có “Hạnh phúc tuyệt đối, phúc lạc toàn vẹn, pháp hỷ sung mãn...”

Tuệ tri sự xuất ly của Thọ cũng đồng thời tuệ tri được con đường đưa đến sự xuất ly đó là Bát chánh đạo. Đây chính là tuệ tri Diệt đế và Đạo đế.

3./ Khi tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ,, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cũng có nghĩa là giác ngộ Tứ Thánh Đế.

→ Khổ Đế: Khổ khởi lên theo lộ trình tâm Bát tà đạo (Năm Thủ Uẩn là khổ), khổ là Tâm chứ không phải ở nơi hoàn cảnh.

→ Tập đế: Nguyên nhân của khổ là khát ái tìm cầu hỷ lạc (hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như dục ái, hữu ái và phi hữu ái.

→ Diệt đế: Khổ diệt nay Niết bàn là sự vắng mặt của khát ái, sự vắng mặt của cả Khổ đau và Hạnh phúc.

→ Đạo đế: Là Bát chánh đạo. Sự giác ngộ của Đức Phật chỉ có như vậy, như đã được Ngài tuyên bố ở kinh Phạm Võng. Tuy có vẻ đơn giản như vậy nhưng lại là pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị chỉ có người trí mới có khả năng nhận hiểu. Còn quần chúng này đam mê ái dục, bị ái dục ràng buộc nên lý Duyên khởi là một điều rất khó lãnh hội và Niết bàn, sự chấm dứt khát ái, sự vắng mặt cả Khổ đau và Hạnh phúc cũng là một điều rất khó lãnh hội.

Ai sẽ giải thoát?

Đã là đệ tử của Đức Thế Tôn, hãy chú tâm vào những điều mà Ngài đã tuệ tri, đã giác ngộ,, còn nếu rời xa cái hiểu biết đúng sự thật về Khổ Tập Diệt Đạo đi tìm một cái hiểu biết vi diệu, cao siêu, siêu việt, bất khả tư nghì nào khác để thành Phật thì đó là đang đi tìm “lông rùa, sừng thỏ”, đó chỉ là dục hỷ Niết bàn, cũng là căn nguyên của khổ.

PHÁP CÚ 372

*Không trí tuệ không thiên
Không thiên không trí tuệ
Người có thiên có tuệ
Nhất định gần Niết bàn*

Ba câu đầu của pháp cú này lặp đi lặp lại chữ tuệ. Sự lặp lại ấy có ý nghĩa gì? Trí Tuệ là hiểu biết đúng như thật và có ba loại: Hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo do Nghe mà đạt được gọi là Văn Tuệ. Hiểu biết đúng như thật do tư duy về Khổ Tập Diệt Đạo được gọi là Tư Tuệ. Hiểu biết đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo do thực hành Bát Chánh Đạo mà đạt được gọi là Tu Tuệ.

Trí tuệ trong câu đầu được hiểu là Văn Tuệ và Tư Tuệ. Người có Văn Tuệ và Tư Tuệ hiểu rằng: Năm Thủ Uẩn là khổ nghĩa là Khổ phát sinh theo lộ trình Duyên Khởi. Do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh Già Bệnh Chết sâu bi khổ ưu não không thể kể xiết...Khổ phát sinh theo một lộ trình tâm Bát Tà Đạo. Khổ chính là Tâm chứ không phải là Cảnh, khổ không trú nơi cảnh, không từ nơi cảnh mà đến với con người. Nguyên nhân của Khổ là Khát Ái tìm cầu hỷ lạc (Hạnh phúc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Nó cũng chính là Tâm

Ai sẽ giải thoát?

chứ không phải là Cảnh, nó không trú nơi cảnh, không từ nơi cảnh đến với con người. Sự chấm dứt Khổ là sự chấm dứt khát ái ấy, nó không phải là Cảnh cũng không phải là Tâm, nó là sự vắng mặt cả Tâm lẫn Cảnh. Con đường chấm dứt Khổ là Bát Chánh Đạo cũng là Tâm, nghĩa là thay đổi Tâm chứ không thay đổi Cảnh. Lộ trình tâm Bát Chánh đạo bao gồm:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Kiến → Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Trục chính của lộ trình là: Chánh Niệm → Chánh Định → Chánh Kiến nói tắt là: Niệm → Định → Tuệ. Trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ không có mặt Tham Sân Si nhưng phải có mặt Chánh Định và Chánh Kiến vì thế phải tu thiền mới chấm dứt được Khổ

Một người không có Văn Tuệ sẽ có hiểu biết Khổ và Nguyên nhân của Khổ là ở nơi hoàn cảnh, từ nơi hoàn cảnh mà đến cụ thể đó là hoàn cảnh trung tính và khó chịu như là nghèo khổ, bệnh tật, lạc hậu, thiếu thốn, thiên tai, thất bại, chiến tranh... Hạnh phúc là sự chấm dứt Khổ, mà Hạnh phúc là những hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, sắc đẹp, thành đạt, đầy đủ tiện nghi... Hiểu Khổ, Nguyên nhân của Khổ, Sự chấm dứt Khổ ở nơi hoàn cảnh như vậy thì đương nhiên Con Đường chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh sống. Hiểu biết như vậy về Khổ Tập Diệt Đạo gọi là Vô Minh. Một người với Vô Minh như vậy sẽ hướng ngoại để

Ai sẽ giải thoát?

thay đổi Cảnh chứ không thiên để thay đổi Tâm, họ sẽ tìm cầu phước báo, họ sẽ tìm cầu một tha lực để thay đổi hoàn cảnh, họ sẽ tìm kiếm những năng lực kỳ diệu, những hiểu biết siêu việt, những cảnh giới kỳ diệu, một cái Ta chân thật không sinh không diệt...để an trú vào đó chứ không thể thiên để thay đổi Tâm từ Bát Tà Đạo sang Bát Chánh Đạo

Trí Tuệ ở câu thứ 2: Không thiên không trí tuệ là chỉ cho Tu Tuệ là hiểu biết (ý thức) đúng như thật do thực hành Bát Chánh Đạo mà có được. Tu Tuệ này còn được gọi là Minh hay còn gọi là Tuê tri. Đây là Chánh Kiến trên lộ trình: Chánh Niệm → Chánh Định → Chánh Kiến với nội dung: Tuệ tri Duyên khởi, Tuê tri Vô thường, Tuệ tri Vô ngã, Tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ, Vị ngọt, Sự nguy hiểm, Sự xuất ly của Thọ, Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo. Với Tu Tuệ này mới chứng ngộ và an trú Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát. Với Tu Tuệ này mới thành tựu mục đích của Phạm hạnh là chứng ngộ và an trú Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát. Một người có Văn Tuệ và Tư Tuệ nhưng nếu không thiên thì nó lại trở thành Sở Tri Chương làm cho Ngã mạn lớn thêm

Câu thứ ba: Người có thiên có tuệ ám chỉ một người thực hành Bát Chánh Đạo sẽ vừa có thiên tức có Chánh Định vừa có tuệ tức có Chánh Kiến cũng có nghĩa là vừa có Chỉ vừa có Quán. Nếu nói một cách chi tiết thì lộ trình tâm Bát Chánh Đạo bao gồm: Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Kiến...Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định thuộc về Định còn Chánh Tư Duy, Chánh Kiến thuộc về

Ai sẽ giải thoát?

Tuệ thì bao giờ trên một lộ trình tâm Bát Chánh Đạo cũng có Định và Tuệ hiện hữu song hành. Vì vậy sự thực hành là Chỉ Quán song hành chứ không có thực hành Thiền Định và Thiền Quán riêng biệt

Câu thứ tư: Nhất định gần Niết bàn. Một người thực hành Bát Chánh Đạo có Chỉ Quán song hành an trú Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát mới chỉ nhiếp phục Vô Minh, nhiếp phục Tham Sân Si, nhiếp phục Khổ chứ chưa phải Đoạn Tận cho nên nói là nhất định gần Niết bàn. Khi Tu Tuệ được tu tập được làm cho viên mãn thì chính Tuệ ấy. chính Minh ấy mới xoá bỏ được Vô Minh được cài đặt trong kho chứa tri thức hiểu biết, mới đoạn tận Vô Minh, đoạn tận Tham Sân Si, đoạn tận Khổ. Sự Đoạn Tận đó chính là Niết Bàn

PHÁP CÚ 243 (Vô Minh và Minh)

*Trong hàng cầu uế ấy
Vô Minh như tối thượng
Đoạn như ấy Tỷ kheo
Thành bậc không uế nhiễm*

Tham là cầu uế, Sân là cầu uế, Si là cầu uế, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, keo kiệt, bủn xỉn, ganh ghét, tị hiềm, ác ý, bạo tàn là cầu uế, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng là cầu uế, sầu bi khổ ưu não là cầu uế. Tại sao trong hàng cầu uế ấy Vô Minh lại là cầu uế tối thượng? Chính vì từ Vô Minh mà phát sinh Tham Sân Si và từ Tham Sân Si mà phát sinh các cầu uế khác. Vậy Vô Minh là gì mà lại là như tối thượng?

Vô Minh theo nghĩa rộng là hiểu biết không đúng như thật về các sự vật hiện tượng hay các pháp, theo nghĩa "những việc cần làm" là hiểu biết không đúng như thật về Khổ Tập Diệt Đạo. Đối lại Vô Minh là Minh là hiểu biết đúng như thật về các pháp và về Khổ Tập Diệt Đạo.

Ví như khi lưỡi tiếp xúc với hạt muối thì Thánh hay Phàm đều cảm nhận được vị mặn nhưng sẽ có hai loại hiểu biết Vô Minh và Minh về vị mặn sẽ khởi lên. Kẻ Phàm hiểu rằng vị mặn nằm trong hạt muối, vị mặn của hạt muối, vị mặn có thuộc tính vật chất. Hiểu biết vị mặn là vật chất

Ai sẽ giải thoát?

là Tâm biết Cảnh, vị mặn thường trú trong hạt muối là Thường kiến, vị mặn của hạt muối tức có chủ nhân gọi là Ngã kiến. Bậc Thánh giác ngộ Lý Duyên khởi nên hiểu biết rằng: hạt muối là một nhân, lưỡi là một nhân, có đầy đủ hai nhân nhưng chưa có sự tiếp xúc giữa hai nhân ấy thì chưa có vị mặn nào phát sinh cả. Khi Lưỡi tiếp xúc Hạt muối thì lập tức phát sinh Cảm giác vị mặn. Đây mới thực là vị mặn mà cả Thánh và Phàm đều cảm nhận được và nó là Cảm giác, nó là Tâm chứ không phải Vật. Xúc sinh cảm giác vị mặn sinh, Xúc diệt cảm giác vị mặn diệt. Cảm giác vị mặn sinh lên rồi diệt đi, nó Vô Thường, nó không thường hằng, không thường trú trong hạt muối. Cảm giác vị mặn cũng Vô Chủ, hạt muối không là chủ nhân, lưỡi cũng không là chủ nhân của cảm giác vị mặn, vì vậy cũng không có một cái Ta nào là chủ nhân của cảm giác vị mặn (Vô Ngã). Hiểu biết vị mặn là Cảm giác, nó là Tâm, nó Vô Thường, nó Vô Chủ (Vô Ngã) là hiểu biết đúng như thật về vị mặn nên gọi là Minh hay Trí Tuệ. Hiểu biết của kẻ Phàm là Tâm biết Cảnh, Thường kiến, Ngã kiến như vậy là không đúng sự thật nên gọi là Vô Minh vọng tưởng. Có quan niệm cho rằng Năm uẩn do Duyên khởi nên Năm uẩn không thật, chỉ là giả có. Đây cũng là một hiểu biết sai lạc, cũng là Vô Minh. Tuy Năm uẩn do Duyên khởi, nó Vô Thường, Vô Ngã nhưng kẻ Phàm và bậc Thánh đều Thấy, Nghe, Cảm nhận, Nhận thức được nó. Cái Không Thực ở đây là hiểu biết Vô Minh về Năm uẩn, chính hiểu biết Vô Minh về Năm uẩn làm khởi lên Năm Thủ uẩn. Năm Thủ uẩn mới là không thực, mới là "lông rùa sừng thỏ".Kẻ

Ai sẽ giải thoát?

Phàm đang sống với Năm Thủ uẩn tức đang sống với "lông rùa sừng thỏ".

Đối với Khổ Tập Diệt Đạo kẻ Phàm hiểu Khổ và Nguyên nhân của Khổ ở nơi hoàn cảnh, cụ thể là những hoàn cảnh trung tính và khó chịu như nghèo đói, lạc hậu, thiếu tiện nghi, thất học, chiến tranh, bất công, thiên tai...

Hạnh phúc chính là Sự chấm dứt Khổ, mà hạnh phúc là những hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, xinh đẹp, thành đạt, đầy đủ tiện nghi... Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh cụ thể là tìm cầu hoàn cảnh tốt đẹp để chấm dứt hoàn cảnh xấu. Hiểu biết Khổ Tập Diệt Đạo ở nơi Cảnh là Tâm biết Cảnh, là Thường kiến. Kẻ Phàm cũng khởi lên Ta đau khổ, Ta hạnh phúc, Ta đang làm để chấm dứt Khổ, (có một cái Ta chủ nhân) đây gọi là Ngã kiến. Hiểu biết như vậy gọi là Vô Minh. Hiểu biết Vô Minh chính là cái biết ý thức trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo, vì vậy khi đối diện một đối tượng Dễ chịu (Lạc thọ) Tham sẽ khởi lên, khi đối diện một đối tượng khó chịu (Khổ thọ) Sân sẽ khởi lên, khi đối diện một đối tượng trung tính Si sẽ khởi lên. Vô Minh là nhân phát sinh Tham Sân Si nên Vô Minh là nhơ tối thượng

Đối với Khổ Tập Diệt Đạo bậc Thánh quán sát theo Lý Duyên khởi: Căn Trần tiếp xúc với nhau gọi là Xúc, do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Khổ (sinh già bệnh chết) sầu bi khổ ưu não... không thể kể xiết. Như vậy khổ phát sinh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo, khổ là Tâm

Ai sẽ giải thoát?

chứ không phải Cảnh, khổ cũng Vô Thường, Vô Ngã. Nguyên nhân của Khổ là Khát Ái tìm cầu Hạnh phúc (hỷ lạc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Nguyên nhân của Khổ cũng là Tâm chứ không phải Cảnh, nó cũng Vô Thường, Vô Ngã. Sự chấm dứt Khổ là sự chấm dứt Khát Ái ấy và nó xảy ra trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo và nó xảy ra nơi Tâm chứ không xảy ra nơi Cảnh. Khổ diệt hay Niết bàn là pháp vô vi, nó vắng mặt cả Tâm lẫn Cảnh nên Thường hay Vô Thường, Ngã hay Vô Ngã cũng không áp dụng được ở đây. Con đường chấm dứt Khổ là Bát Chánh Đạo cũng là thay đổi Tâm chứ không thay đổi Cảnh, Bát Chánh Đạo cũng Vô Thường, Vô Ngã

Đối với người có Văn Tuệ (được nghe giảng Tứ Thánh Đế) thì không những thông tin về Vô Minh được lưu trong kho chứa “tri thức hiểu biết” mà thông tin về Minh cũng được lưu vào kho chứa đó. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, nếu thông tin Vô minh nổi trội thì Tà Niệm sẽ khởi lên và Bát Tà Đạo sẽ khởi lên và trên lộ trình tâm đó sẽ có Vô Minh, Tham Sân Si, sầu bi khổ ưu não. Nếu Minh được kích hoạt lên thì Minh sẽ nổi trội và Bát Chánh Đạo sẽ khởi lên và trên lộ trình tâm này sẽ có Minh và Giải Thoát. Đây chính là con đường hai ngã, đưa đến Hữu (Thế gian) và Phi Hữu (Niết bàn). Nếu lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên liên tục thì lộ trình tâm Bát Tà Đạo được nhiếp phục và Minh sẽ xoá dần Vô Minh trong kho chứa. Muốn đoạn như tối thượng này thì phải:

- Tuệ tri được Vô minh (biết như thật nội dung của Vô minh).

Ai sẽ giải thoát?

- Tuệ tri được sự tập khởi của Vô minh: Do Tà Niệm kích hoạt thông tin Vô minh trong kho chứa làm phát sinh Tà Tư Duy và Tà Tư Duy trên thông tin Vô minh đó mà phát sinh Tà Tri Kiến. Tà Tri Kiến chính là Vô minh.

- Tuệ tri sự đoạn diệt của Vô minh: Tà Niệm diệt thì Tà Tư Duy diệt do đó Tà Tri Kiến diệt tức Vô minh diệt.

- Tuệ tri con đường đoạn diệt Vô minh: Đó là Bát Chánh Đạo. Khi Chánh Niệm khởi lên kích hoạt Minh chứ không kích hoạt Vô minh nên Chánh Tư Duy sẽ tư duy trên thông tin về Minh đó đưa đến phát sinh Chánh Tri Kiến là Minh nên không còn Vô minh nữa.

Cho đến khi nào Minh được tu tập, được làm cho viên mãn thì lúc ấy thông tin Vô Minh trong kho chứa bị xoá sạch hoàn toàn, nhân của Tà Niệm và Bát Tà Đạo bị đoạn diệt hoàn toàn thì đó là đoạn nợ tối thượng. Lúc đó vị ấy thành bậc không uế nhiễm, một vị Alahan.

PHÁP CÚ 282

*Tu thiền trí tuệ sanh
Bỏ thiền trí tuệ diệt
Biết con đường hai ngã
Đưa đến Hữu, Phi Hữu
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí tuệ tăng trưởng*

Con đường hai ngã là con đường như thế nào? Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần phát sinh sáu cảm giác hay sáu cảm thọ và sáu cái biết trực tiếp, biết như thật sáu cảm thọ ấy gọi chung là Thọ và Tưởng viết tắt là: Xúc→Thọ (Cảm giác) → Tưởng (biết trực tiếp). Đến đây Niệm sẽ khởi lên. Nếu Niệm là Tà Niệm thì Bát Tà Đạo sẽ khởi lên. Nếu Niệm là Chánh Niệm thì Bát Chánh Đạo sẽ khởi lên vì vậy đây là chỗ rẽ của con đường hai ngã.

- Nếu Tà Niệm khởi lên sẽ phát sinh Tà Tư Duy, Tà Tư Duy sẽ phát sinh Tà Tri Kiến, sẽ phát sinh Tham Sân Si, sẽ phát sinh Tà Định, sẽ phát sinh Dục (mong muốn), sẽ phát sinh Tà Tinh Tấn, sẽ phát sinh Phi Như Lý tác ý, sẽ phát sinh Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng, và sẽ phát sinh Sầu Bi Khổ Ưu Não, Sinh Già Bệnh Chết...

Xúc → Thọ → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến → Tham Sân Si → Tà Định → Dục → Tà

Ai sẽ giải thoát?

Tinh Tấn → Phi Như Lý tác ý → Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng → Khổ uẩn

Trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo có Tà Tri Kiến (chính là cái biết ý thức Vô Minh vọng tưởng) có Tham Sân Si, có sâu bi khổ ưu não. Đây chính là con đường Thế gian, con đường đưa đến Hữu, con đường đưa đến Sinh Già Bệnh Chết sâu bi khổ ưu não

→ Nếu Chánh Niệm khởi lên sẽ phát sinh Chánh Tinh Tấn sẽ phát sinh Chánh Định, sẽ phát sinh Chánh Tư Duy, sẽ phát sinh Chánh Kiến, sẽ phát sinh Như Lý tác ý, sẽ phát sinh Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Tri Kiến → Như Lý tác ý → Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng

Trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ không có Vô Minh, không có Tham Sân Si, không có sâu bi khổ ưu não mà có Chánh Tri Kiến là cái biết ý thức đúng như thật gọi là Minh hay Trí Tuệ. Đây chính là con đường Niết bàn, con đường đưa đến Phi Hữu, con đường đưa đến chấm dứt Sinh Già Bệnh Chết sâu bi khổ ưu não.

Xem sơ đồ ở bài đầu.

Đây là con đường đưa đến Hữu, Phi Hữu. Trong Tương ưng bộ kinh ở bản kinh Cổ xe thù thắng Đức Phật ví Niệm là người đánh xe, nghĩa là nếu Tà Niệm thì xe sẽ

Ai sẽ giải thoát?

đi trên Bát Tà Đạo, nếu Chánh Niệm thì xe sẽ đi trên Bát Chánh Đạo. Có thể hình dung đi từ TP Hồ Chí Minh ra Hà Nội nếu đi đường bộ sẽ bắt gặp Nha trang, Đà Nẵng, Vinh (tương tự Bát Tà Đạo có Vô Minh, Tham Sân Si, sầu bi khổ ưu não) nhưng nếu đi đường hàng không sẽ không bắt gặp Nha trang, Đà Nẵng, Vinh đâu cả (tương tự Bát Chánh Đạo không có Vô Minh, Tham Sân Si, sầu bi khổ ưu não)

Tu thiền Trí Tuệ sanh nghĩa là khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, Thọ → Tưởng khởi lên nếu có Chánh Niệm khởi lên (nhớ đến chú tâm quán sát thân nơi thân, nhớ đến chú tâm quán sát thọ nơi thọ, nhớ đến chú tâm quán sát tâm nơi tâm, nhớ đến chú tâm quán sát pháp nơi pháp) thì Chánh Tinh Tấn sẽ khởi lên và sẽ phát sinh sự chú tâm quán sát Thân Thọ Tâm Pháp. Sự chú tâm này gọi là Chánh Định. Tu thiền trong Bát Chánh Đạo là để chỉ cho ba chi phần này: Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định. Khi Chánh Định khởi lên thì do nhân đó mà Chánh Tư Duy khởi lên làm phát sinh Chánh Kiến, đây là cái biết ý thức đúng như thật về Duyên Khởi, về Vô Thường, Vô Ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo. Chánh Kiến này là Minh hay Trí Tuệ. Tu thiền trí tuệ sanh là như vậy.

Bỏ thiền Trí Tuệ diệt nghĩa là khi sáu căn tiếp xúc sáu trần nếu Chánh Niệm không có mặt nghĩa là không nhớ đến chú tâm quán sát Thân Thọ Tâm Pháp thì sẽ không có Chánh Tinh Tấn và sẽ không có chú tâm quán sát tức không có Chánh Định sẽ không có Chánh Tư Duy nên sẽ không có Chánh Kiến tức Trí Tuệ diệt. Lúc này Tà Niệm

Ai sẽ giải thoát?

sẽ có mặt nên Bát Tà Đạo khởi lên và sẽ có Vô Minh, sẽ có Tham Sân Si, sâu bi khổ ưu não

Trí Tuệ được tăng trưởng ở đây là chỉ cho Tu Tuệ tức Chánh Kiến hay Minh trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Khi Trí Tuệ được tăng trưởng, được tu tập được làm cho viên mãn thì chính nó sẽ xóa bỏ Vô minh đưa đến giải thoát tối hậu, quả Alahan. Sự tu tập thiền là sự tu tập Chánh Định nhưng nó là một chi phần của Bát Chánh Đạo, nó nằm trong lộ trình tâm Bát chánh Đạo, nó không phải là toàn bộ Bát Chánh Đạo. Nếu rời Bát Chánh Đạo mà tu Định thì Định ấy là Tà Định vì vậy Chánh Định được Kinh đề cập bao gồm: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền còn Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ không phải là Chánh Định mà chỉ là tịch tịnh trú, nó không phát sinh Trí Tuệ

Lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, con đường độc nhất đoạn tận khổ đau không do một tha lực nào khởi lên mà phải do tự lực của mỗi người khởi lên con đường chưa bao giờ khởi, tu tập con đường chưa bao giờ được tu tập, chứng ngộ và an trú Giải Thoát chưa bao giờ được chứng ngộ và an trú. Đây chính là: Hãy tự mình nỗ lực.

PHÁP CÚ 294

*Sau khi giết mẹ cha
Giết hai vua Sát ly
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, phạm chí sống.*

1- Vô ưu, phạm chí sống là ám chỉ một người đã giải thoát hoàn toàn, một vị Alahan. Nhưng tại sao một vị Alahan được giải thoát hoàn toàn sau khi giết mẹ cha, giết hai vua Sát ly, giết vương quốc quần thần? Pháp cú này không được hiểu theo nghĩa đen, mà phải được hiểu theo nghĩa ẩn dụ. Cha Mẹ của chúng sanh là gì? Đó là Vô Minh và Hữu Ái. Vô Minh là Không Hiểu Biết Như Thật về Duyên Khởi, về Vô Thường, Vô Ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo. Do Vô Minh mà có Hành: Khát ái tìm cầu Hạnh phúc (hỷ lạc) chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Đặc biệt là Hữu ái nghĩa là khao khát tìm cầu hạnh phúc ở sự sống, sự hiện hữu nên khi đối diện cái chết Hữu ái sẽ khởi lên mãnh liệt. Chính Hành này, sự khao khát sống, bám víu sự sống, yêu thích sống là nhân phát sinh Thức Tái Sinh và phát sinh một Danh Sắc tiếp tục vòng luân hồi sinh tử của chúng sanh. Giết Cha Mẹ ám chỉ vị Alahan là vị đã đoạn tận Vô Minh và Hữu Ái, đã đoạn tận sự sinh khởi của Danh Sắc trong tương lai.

Ai sẽ giải thoát?

2- Giết hai vua Sát lỵ là ám chỉ sự đoạn tận Thường Kiến và Đoạn Kiến. Bậc Thánh Alahan đã giác ngộ Lý Duyên Khởi, đã biết như thật các pháp vô thường, vô ngã nên đã đoạn tận Thường Kiến và Đoạn Kiến. Đức Phật đã tuyên bố: Ai thấy Duyên Khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Ta. Và Ngài nói về Lý Duyên Khởi: Đa phần nhân loại cho các pháp là thường có (Thường Kiến) hoặc là không có (Đoạn Kiến) còn Như Lai thì xa lìa hai cực đoạn ấy mà thuyết pháp ở Trung Đạo nghĩa là: "Do cái này có, cái kia có. Do cái này sinh cái kia sinh. Do cái này không có cái kia không có, do cái này diệt cái kia diệt. "Lý Duyên Khởi được Đức Phật diễn tả một cách ngắn gọn nhưng dễ hiểu được điều ngắn gọn ấy phải quán sát nơi sự thật. Cái này là nhân và cái kia là quả. Nhân ở đây phải quán sát nơi sự thật thì không phải một nhân biến đổi thành quả, hay một nhân chính biến đổi thành quả có các nhân phụ trợ giúp, hay các duyên trợ giúp mà phải đầy đủ hai nhân và các nhân này phải tiếp xúc với nhau, đây gọi là duyên. Đầy đủ hai nhân và duyên như vậy mới phát sinh quả. Lộ trình của Nhân và Quả diễn ra theo quy luật Nhân diệt Quả sinh. Ví như có một gói thuốc nhuộm đỏ và một chậu nước trong, đây là đầy đủ hai nhân và hai nhân này bình đẳng không nhân nào chính, không nhân nào phụ. Cho hai nhân này tiếp xúc thì cả hai nhân đều diệt và phát sinh quả là chậu thuốc nhuộm đỏ. Có chậu thuốc nhuộm đỏ và cái áo trắng là đủ hai nhân và cho hai nhân đó tiếp xúc với nhau thì cả hai cùng diệt và phát sinh một cái áo đỏ và một chậu thuốc nhuộm đỏ khác (chậu thuốc nhuộm cũ diệt, chậu thuốc nhuộm mới sinh). Tất cả các Sắc pháp đều do duyên Xúc

Ai sẽ giải thoát?

mà sanh, cũng đều do duyên Xúc mà diệt (duyên Xúc đã nói lên phải đầy đủ hai nhân) vì vậy các Sắc pháp sinh lên rồi diệt đi không thường hằng, không thường trú ở đâu cả, nghĩa ấy gọi là Vô Thường. Biết các Sắc pháp không thường hằng, không vĩnh cửu là điều dễ biết, nhưng biết các Sắc pháp không thường trú là điều sâu kín, khó thấy, khó biết. Người xưa có nói: sinh không từ đâu đến diệt không đi về đâu là nghĩa không thường trú vậy. Có một bao thóc giống tiếp xúc với một thửa ruộng đã được cày bừa kỹ (hai nhân) phát sinh ruộng mạ, ruộng mạ lại tiếp xúc với các nhân khác, phát sinh ruộng lúa có bông, ruộng lúa có bông lại tiếp xúc với máy gặt làm phát sinh bao thóc, bao thóc tiếp xúc với máy xay làm phát sinh bao gạo... Trong diễn tiến của các lộ trình Nhân diệt Quả sinh sẽ thấy rõ: bao thóc diệt ruộng mạ sinh, ruộng mạ diệt ruộng lúa có bông sinh, ruộng lúa có bông diệt bao thóc sinh, bao thóc diệt bao gạo sinh... Như vậy tất cả các Sắc pháp đang sinh và diệt nên nó Vô Thường không thường hằng, thường trú ở đâu cả. Các Danh pháp hay Tâm phát sinh do hai nhân Căn và Trần tiếp xúc. Ví như khi có viên đường và có lưỡi (đầy đủ hai nhân) nhưng chưa tiếp xúc thì chưa có vị ngọt nào phát sinh cả nhưng khi lưỡi tiếp xúc với viên đường thì lập tức phát sinh Cảm giác vị (ngọt) và đồng thời phát sinh cái biết Trực Tiếp Giác Quan gọi là Thiệt thức biết như thật Cảm giác vị (ngọt) ấy. Cảm giác vị và Thân thức là Danh pháp hay Tâm sinh lên rồi diệt đi theo duyên Xúc, nó Vô Thường nghĩa là không thường hằng, không thường trú nơi viên đường hay nơi lưỡi. Tương tự như vậy Mắt tiếp xúc với Sắc Trần phát sinh

Ai sẽ giải thoát?

Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức. Tai tiếp xúc với Thanh trần phát sinh Cảm giác âm thanh và Nhĩ thức. Mũi tiếp xúc với Hương trần phát sinh Cảm giác mùi và Tỉ thức. Lưỡi tiếp xúc với Vị trần phát sinh Cảm giác vị và Thiệt thức. Thân tiếp xúc với Xúc trần phát sinh Cảm giác xúc chạm và Thân thức. Ý tiếp xúc với Pháp trần phát sinh Cảm giác pháp trần và Tưởng thức. Các Danh pháp hay Tâm khác như Niệm, Tư duy, Ý thức, Tham Sân Si, Tác ý... phát sinh do Ý tiếp xúc với Pháp (sự tương tác giữa hai lượng thông tin ngay bên trong tế bào thần kinh não bộ). Tất cả các Danh pháp hay Tâm đều phát sinh do duyên Xúc. Xúc sinh Tâm sinh, Xúc diệt Tâm diệt nên Tâm Vô Thường, không thường hằng không thường trú ở đâu cả. Giác ngộ Lý Duyên Khởi là hiểu biết như thật các Danh pháp và Sắc pháp phát sinh do duyên Xúc, các Danh pháp và Sắc pháp Vô Thường, Vô Chủ (Vô Ngã) thì sẽ đoạn trừ được Thường Kiến Và Đoạn Kiến là cái hiểu biết sai sự thật về các pháp

a- Đoạn trừ các Thường Kiến biểu hiện như sau:

- Hiểu biết xanh đỏ tím vàng... thường trú trong Sắc trần như màu đỏ nằm trong tấm vải đỏ, là của tấm vải đỏ. Mặn ngọt chua cay... thường trú trong Vị trần. Nóng lạnh cứng mềm thô mịn... thường trú trong Xúc trần... đây là Thường Kiến cứng chắc và phổ thông nhất của kẻ Phàm.

- Hiểu biết có một cái TA (Bản Ngã) chủ nhân của Thân và Tâm này là thường hằng đã có mặt trong quá khứ,

Ai sẽ giải thoát?

đang có mặt trong hiện tại và sẽ có mặt trong tương lai là Thường Kiến

- Hiểu biết Ta đã tạo nghiệp trong quá khứ và Ta đang gặt quả trong hiện tại, chính người đó tạo nghiệp và chính người đó gặt quả, người làm ra khổ và chính người đó chịu khổ... đó là Thường Kiến.

- Thường Kiến làm cho kẻ Phàm luôn luôn khao khát ổn định, mong cho mọi sự được ổn định lâu dài, mong an cư lạc nghiệp...

- Hiểu biết Khổ Tập Diệt Đạo ở nơi hoàn cảnh, thường trú nơi hoàn cảnh nên muốn chấm dứt khổ phải thay đổi hoàn cảnh là Thường Kiến

- Tuy Đức Phật giảng dạy sự thật Danh và Sắc vô thường và Phật Giáo Phát Triển cũng có pháp quán Tứ Niệm Xứ: "Quán Thân bất tịnh, Quán Tâm vô thường, Quán Pháp vô ngã, Quán Thọ là khổ" nhưng cũng có chủ trương sự tồn tại một Chân Tâm thường trú, không sinh không diệt, một Tánh Thấy Tánh Nghe không sinh không diệt. Chủ trương như vậy vừa trái với Đức Phật vừa tự mâu thuẫn với chính mình, nói là Tâm vô thường. Chủ trương như vậy sẽ rơi vào Tà Kiến vừa Vô Thường luận vừa Thường Trú luận với luận điểm: là mắt, là tai, là mũi... là vô thường, cái gì là tâm, là ý, là thức là thường, là không sinh không diệt. Chủ trương Tâm không sinh không diệt như vậy cũng sẽ rơi vào Tà Kiến không có nhân không có duyên sinh khởi Tâm và đó là Vô Nhân luận. Đây chính là

Ai sẽ giải thoát?

các Tà Kiến trong 62 tà kiến mà Kinh Phạm Võng đã liệt kê.

b- Đoạn trừ các Đoạn Kiến biểu hiện như sau:

- Chủ nhĩa Duy Tâm và các Tôn giáo nhất thần cho rằng các sự vật và hiện tượng (các pháp) do Thượng Đế Toàn Năng hoá hiện ra. Sự tồn tại và sự biến mất của các sự vật và hiện tượng tùy thuộc vào ý chí của Thượng Đế. Thượng Đế, Đấng Sáng Tạo, Đại Ngã... là các tên gọi khác nhau về một Năng Lực Tinh Thần tuyệt đối, sáng tạo và điều khiển mọi sự vật hiện tượng. Hiểu biết như vậy thì Các pháp không phát sinh theo duyên Xúc, không phát sinh theo quy luật Nhân Quả. Đây là Đoạn Kiến.

- Có chủ trương cho rằng: Các pháp do Tâm tạo và đương nhiên cái Tâm đó phải là Chân Tâm thường trụ không sinh không diệt, hay cái Tánh Không không sinh không diệt và do vậy phủ nhận Lý Duyên Khởi (các pháp phát sinh do duyên Xúc). Quan niệm về Chân Tâm hay Tánh Không như vậy thì chỉ khác nhau về ngôn từ còn nội dung thì chính là quan niệm Thượng Đế trong chủ nghĩa Duy Tâm và tôn giáo nhất thần mà thôi. Đây cũng là Đoạn Kiến

- Có những suy diễn cho rằng: Các Danh pháp và Sắc pháp sinh diệt trong một cái "Toàn Thể" Chính cái Toàn Thể ấy (được xem là Thế Giới hay Vũ Trụ) là bất sanh bất diệt. Suy diễn như vậy là cái "Lối Mòn" của tâm thức loài người đưa đến chủ trương Duy Tâm hay Duy Vật

Ai sẽ giải thoát?

tức quan niệm về khởi nguyên của Thế Giới là Vật chất có trước hay Tinh thần có trước. Khi xem cái Toàn Thể ấy là không sinh không diệt thì Duy Vật quan niệm cái Toàn Thể ấy là Vật Chất và nó không tự nhiên sinh ra, không tự nhiên mất đi mà nó chỉ biến đổi từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác mà thôi. Duy Tâm thì cho rằng cái Toàn Thể ấy là Tâm Thức Vũ Trụ, là Chân Tâm, là Tánh Không là Thượng Đế Toàn Năng, Đấng sáng tạo (muôn vật muôn loài) không sinh không diệt. Ở đây Duy Vật là Thường Kiến, Duy Tâm là Đoạn Kiến.

- Đức Phật không Giác Ngộ về cái Toàn Thể (Vũ Trụ hay Thế Giới) mà Ngài Giác Ngộ sự Sinh Diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, nhờ vậy Ngài được Giải thoát hoàn toàn khỏi các chấp thủ. Vì vậy khi được hỏi Thế giới là hữu biên hay vô biên, Thế giới là thường hay vô thường, Thế giới là một hay là khác... Ngài cho rằng đó là Kiến hoang vu, Kiến trù lâm, Kiến triền phược đưa đến nhiệt não, đưa đến ưu não, đưa đến phiền não... Kiến mà Ngài Giác Ngộ chỉ là: Đây là sự thật về Khổ. Đây là sự thật về Nguyên nhân của Khổ. Đây là sự thật về Chấm dứt Khổ. Đây là sự thật về Con đường chấm dứt Khổ.

- Vậy cái Toàn Thể ấy là như thế nào? Hãy để cái Toàn Thể ấy qua một bên vì đó không phải là mục đích của Phạm hạnh. Những việc cần làm là sử dụng Lý Duyên Khởi như là một công cụ để Giác Ngộ Tứ Thánh Đế, giác ngộ Khổ Tập Diệt Đạo. Khi đã giác ngộ Tứ Thánh Đế, đã hết khổ vị ấy sẽ không còn quan tâm đến cái Toàn Thể ấy

Ai sẽ giải thoát?

là gì nữa. Hãy chú tâm vào cái sự thật mắt thấy tai nghe: Còn Tham Ái thì còn Khổ, Ái diệt thì hết khổ đau.

3- Giết vương quốc quần thần là gì? Vương quốc quần thần ám chỉ: sáu căn, sáu trần, sáu thức cộng là mười tám giới. Vị Alahan không yêu thích, không chán ghét, độc lập không ràng buộc, giải thoát không hệ lụy đối với sáu căn, sáu trần và sáu thức nên gọi là giết vương quốc quần thần là vậy.

PHÁP CÚ 295

*Sau khi giết mẹ cha
Hai vua Bà la môn
Giết hổ tướng thứ năm
Vô ưu phạm chí sống*

Pháp cú này cũng được giải thích tương tự với hai câu đầu còn câu thứ ba Giết hổ tướng thứ năm ám chỉ Năm Thủ Uẩn. Kẻ Phàm chấp thủ một cái Ta là chủ nhân của Năm Uẩn làm khởi lên Năm Thủ Uẩn. Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận, Ta nhận thức, Ta đau, Ta đói, Ta hạnh phúc, Ta nói, Ta làm... Kẻ Phàm đang mang một gánh nặng và gánh nặng đó là Năm Thủ Uẩn. Một bậc Alahan đã đoạn tận, đoạn trừ, đoạn ly Năm Thủ Uẩn đã đặt gánh nặng xuống đã Giải Thoát hoàn toàn đó gọi là giết hổ tướng thứ năm.

TỨ THÁNH ĐẾ

Có một du sĩ ngoại đạo bạch hỏi Thế Tôn đại ý là phải đi với tốc độ như thế nào, phải đi với thời gian bao lâu mới có thể đi đến Niết bàn. Đức Thế Tôn trả lời cho dù đi với tốc độ nào và thời gian bao lâu cũng không tới được Niết bàn và Ngài nói tiếp: Nhưng này Hiền giả Ta tuyên bố: “Thế gian, Nguồn gốc Thế gian, Sự chấm dứt Thế gian và Con đường chấm dứt Thế gian đều nằm trong tám thân dài độ thước này cùng với Tướng và Thức”. Đây là một hình thức tuyên bố về Tứ Thánh Đế. Thế gian là đồng nghĩa với Khổ. Nguồn gốc Thế gian là đồng nghĩa với Nguyên nhân của Khổ. Sự chấm dứt Thế gian là đồng nghĩa với Sự chấm dứt Khổ. Con đường chấm dứt Thế gian là đồng nghĩa với Con đường chấm dứt Khổ. Tuyên bố của Đức Phật phải được hiểu theo nghĩa đen của các ngôn từ này chứ không được hiểu theo một nghĩa bóng gió nào hết. Theo nghĩa đen của các ngôn từ này thì Đạo Phật không phải là đạo nhập thế, không phải là xây dựng một Thế gian hạnh phúc cực lạc mà là đạo Xuất Thế gian, đạo chấm dứt Thế gian. Nghe đến đây nhiều người sẽ tròn xoe con mắt, sẽ rất ngạc nhiên và cũng giống các du sĩ ngoại đạo thời xưa sẽ khởi lên tư tưởng: Sa môn Gôtama chủ trương đoạn diệt Thế giới, chủ trương đoạn diệt các loài

Ai sẽ giải thoát?

hữu tình, chủ trương Hư vô chủ nghĩa. Tư tưởng này khởi lên vì không hiểu biết như thật Thế gian mà họ đồng nhất Thế gian với Thế giới khách quan Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần ở bên ngoài. Vậy Thế gian là gì? Thế gian là những gì được thấy, những gì được nghe, những gì được cảm nhận, những gì được nhận thức. Vì không giác ngộ Lý Duyên khởi nên kẻ Phàm cho rằng: Những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Sắc trần, Thanh trần, Hương trần, Vị trần, Xúc trần, Pháp trần là một Thế giới khách quan bên ngoài. Nhân loại cho rằng có một con người chủ quan bao gồm: Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý đang nhận thức một Thế giới khách quan bao gồm: Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần (Thế giới khách quan được phản ánh trong Ý thức chủ quan của con người). Đây là hiểu biết Nhị Nguyên: Tâm biết Cảnh không đúng sự thật nên gọi là Vô Minh.

Hiểu biết như thật về Lý Duyên Khởi sẽ biết rằng: Có sáu Căn và sáu Trần nhưng chưa có sự tiếp xúc thì chưa có Thấy Nghe Cảm nhận Nhận thức gì xảy ra cả. Đó là lúc ngủ say không mộng my, lúc bị gây mê trên bàn mổ hoặc ngất đi trong một tai nạn. Lúc đó Thế gian không có mặt. Khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần sẽ phát sinh sáu Cảm giác (hay sáu Thọ) bao gồm: Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm, Cảm giác pháp trần và sáu cái biết trực tiếp giác quan (gọi chung là Tưởng) bao gồm: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức biết như thật sáu cảm thọ ấy. Vậy thì cái được thấy, được nghe, được cảm nhận

Ai sẽ giải thoát?

là Thế giới các Cảm thọ, nó là Tâm chứ không phải là Cảnh, không phải là thế giới khách quan Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần bên ngoài như loài người hiểu.

Thế giới Cảm Thọ của người này và người kia, giữa loài này và loài kia là hoàn toàn sai khác chứ không giống nhau vì tuy Thế giới khách quan (sắc thanh hương vị xúc pháp trần) giống nhau nhưng Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý của người này với người kia, của loài này với loài kia lại khác nhau. Ví như cùng một thế giới Sắc pháp nhưng do cấu tạo của mắt khác nhau nên khi các sắc pháp ấy tiếp xúc với các mắt khác nhau sẽ phát sinh thế giới cảm giác hình ảnh khác nhau. Vì vậy loài Cú, loài Dơi, loài Chó, loàiẾch, loài Người sẽ thấy các Thế giới cảm giác hình ảnh khác nhau. Đối với hai người do con mắt họ có khác nhau nên thế giới cảm giác hình ảnh cũng khác nhau tuy sự khác nhau đó rất vi tế. Không dừng lại cái biết trực tiếp giác quan về các Cảm thọ sẽ có tư duy khởi lên phát sinh ý thức (hiểu biết cảm thọ), rồi từ hiểu biết phát sinh thái độ và sẽ phát sinh phản ứng đối với cảm thọ ấy. Toàn bộ lộ trình Tâm ấy gọi là Bát Tà Đạo tuần tự sinh khởi như sau:

Xúc → Thọ (cảm giác) → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến (ý thức) → Tham Sân Si → Tà Định → Dục → Tà Tinh Tấn → Phi Như Lý Tác Ý → Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng → Sầu bi khổ ưu não khổ (sinh già bệnh chết) không thể kể xiết.

Vậy thì Thế gian là những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Tâm chứ không phải là

Ai sẽ giải thoát?

Cảnh không phải là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần ở bên ngoài. Thế gian chính là lộ trình tâm Bát Tà Đạo mà lộ trình này có toàn bộ khổ uẩn nên Thế gian là đồng nghĩa với Khổ là như vậy. Trên Bát Tà Đạo có Vô Minh và Tham ái đó cũng là Nguyên nhân phát sinh Bát Tà Đạo cũng đồng nghĩa với Nguyên nhân của Khổ là như vậy. Lộ trình Bát Tà Đạo phát sinh do Thân này (sáu căn) tiếp xúc với Thế giới khách quan (sáu trần) trong đó có Tưởng (cái biết trực tiếp giác quan) và Thức (ý thức) nên nói rằng Thế gian, Nguồn gốc Thế gian ở nơi tám thân dài độ thước mấy này cùng với Tưởng và Thức.

Khi tu tập Bát Chánh Đạo lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ khởi lên và lộ trình Bát Tà Đạo sẽ được đoạn trừ. Bát Tà Đạo được đoạn trừ như vậy gọi là Sự chấm dứt Thế gian và cũng đồng nghĩa với Sự chấm dứt Khổ. Bát Chánh Đạo chính là Con đường chấm dứt Thế gian cũng đồng nghĩa với Con đường chấm dứt Khổ. Lộ trình Bát Chánh Đạo cũng phát sinh khi sáu căn tiếp xúc sáu trần nên cũng nói Sự chấm dứt Thế gian và Con đường chấm dứt Thế gian ở nơi tám thân dài độ thước mấy này cùng với Tưởng và Thức. Lộ trình đó là:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Kiến (ý thức) → Như Lý Tác Ý → Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng

Những người học Phật nếu vẫn bị Vô minh che đậy cũng sẽ diễn giải lời dạy của Đức Thế tôn một cách sai lạc

Ai sẽ giải thoát?

theo Tâm biết Cảnh. Họ cho rằng đối tượng của Tham ái là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần như Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. Đức Thế tôn nói rằng: do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh Già Bệnh Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não... Vậy đối tượng của Ái là Thọ chứ không phải là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Đức Thế tôn là bậc Giác Ngộ giảng dạy trước sau như một không bao giờ tự mâu thuẫn với chính mình. Hãy quán sát lộ trình Bát Tà Đạo cũng như Bát Chánh Đạo, cái được thấy (cảm giác hình ảnh), cái được nghe (cảm giác âm thanh), cái được cảm nhận (cảm giác mùi, cảm giác vị, cảm giác xúc chạm, cảm giác pháp trần) là Thọ, tư duy cũng là tư duy về Thọ, hiểu biết (ý thức) là hiểu biết về Thọ, thái độ (tham sân si) là thái độ đối với Thọ, phản ứng (tà ngữ tà nghiệp tà mạng) cũng là phản ứng đối với Thọ và cảm nhận sầu bi khổ ưu não cũng là cảm nhận Thọ. Đức Phật đã tuyên bố trong Kinh Phạm Võng là Ngài giác ngộ là giác ngộ Thọ. “Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của các Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các Thọ. Nhờ tuệ tri như vậy, này các tỷ kheo Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ”. Chính vì sự giác ngộ của Đức Thế tôn là giác ngộ về Thọ nên trong Tiểu Kinh Đoạn Tận Ái, Ngài dạy pháp hành tóm tắt trong một câu. “Do biết rõ ràng tất cả pháp nên một cảm thọ nào khởi lên, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ vị ấy sống quán vô thường, sống quán ly tham, sống quán đoạn diệt (vô ngã), sống quán xả ly nơi cảm thọ ấy”. Trong Tứ Niệm Xứ cho dù là Ngài dạy quán Thân Thọ Tâm Pháp để biết

Ai sẽ giải thoát?

như thật về Thân Thọ Tâm Pháp nhưng thực chất cũng là quán sát các khía cạnh khác nhau của Thọ mà thôi. Quán Thân nơi Thân để biết các cảm thọ trên thân với cái biết Tỉnh giác. Quán Thọ nơi Thọ để biết các loại cảm thọ đang xảy ra với cái biết Tỉnh giác. Quán Tâm nơi Tâm để biết các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Tâm (cũng là thọ). Quán Tâm nơi Tâm cũng để biết tâm có khởi lên thái độ gì với Thọ hay không? Quán Pháp nơi Pháp như quán vô thường, quán vô ngã, quán ly tham, quán buông xả... cũng để biết các Thọ ấy vô thường, vô ngã, ly tham...

Chính vì sự giác ngộ của Đức Thế tôn là giác ngộ về Thọ nên trong Kinh Năm Ba Ngài lại tuyên bố: Vô thượng tịch tịnh, tối thắng đạo được Như Lai Chánh Đẳng Giác sau khi như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của sáu xúc xú. Vì vậy hãy chú tâm quán sát để như thực tuệ tri sáu xúc xú, nếu rời điều này sẽ không như thật tuệ tri Lý Duyên Khởi và sẽ đi đến diễn giải sai lời dạy của Đức Thế tôn và sự thực hành sẽ không đi đến kết quả nào.

THẤY THỰC TẠI NHƯ CHÚNG ĐANG LÀ

Đây là một tựa đề mà nhiều người đề cập đến. Tựa đề này cần sửa đổi một chút thì ý nghĩa sẽ sáng rõ thêm. Đó là thấy Như thật thực tại đang là. Với tựa đề này có ba vấn đề cần đề cập. Một là Thực tại đang là là gì? Hai là thấy thực tại đang là không đúng như thật là như thế nào? Ba là thấy thực tại đang là đúng như thật là như thế nào?

1→ Thực tại đang là là cái gì? Đó chính là đời sống của mỗi người bao gồm Cái thấy, Cái nghe, Cái cảm nhận, Cái nhận thức và Những gì được thấy, Những gì được nghe, Những gì được cảm nhận, Những gì được nhận thức. Nếu nói gọn lại như tựa đề thì đó là Cái thấy và Cái được thấy. Khi một người ngủ say không mộng mị, khi bị gây mê để mổ, khi ngất đi trong một tai nạn lúc đó không có Cái Biết cũng như Cái Được Biết nghĩa là Thực tại không có mặt.

Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sẽ xuất hiện Cái biết và Cái Được Biết. Vậy thì Thực tại chính do sáu căn và sáu trần tiếp xúc mà phát sinh ra. Như vậy Thực tại của người này sẽ khác với Thực tại của người kia vì tuy sáu trần Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần là chung nhưng sáu căn Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý của con người khác

nhau. Tuy rằng Thực Tại của con người mỗi mỗi khác nhau (tuy sự khác nhau rất nhỏ, rất vi tế) nhưng có thể phân thành hai nhóm chính: Thực Tại của kẻ Phàm và Thực Tại của bậc Thánh. Nhưng tại sao lại gọi là Thực Tại “đang là”? Bởi cái Thực Tại ấy do duyên Căn Trần mà phát sinh, nghĩa là Xúc sinh Thực Tại sinh, Xúc diệt Thực Tại diệt vì vậy Thực Tại quá khứ đã diệt, Thực Tại tương lai chưa sinh, Thực Tại chỉ hiện hữu trong giây lát hiện tại và rồi nó sẽ diệt đi.

2→ Thấy Thực Tại đang là không đúng như thật là Cái Thấy của kẻ Phàm:

Đó là sau khi thấy, nghe, cảm nhận một đối tượng hiểu biết về đối tượng đó khởi lên. Nội dung của hiểu biết đó có: Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận. Đối tượng đó của Ta (hoặc không phải của Ta) và Ta hơn, Ta kém hay Ta bằng đối tượng đó. Đây gọi là phần Chủ Thể của hiểu biết (có một cái Ta là chủ nhân của hiểu biết) mà trong Kinh gọi là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Nội dung thứ hai của hiểu biết này là đối tượng được biết là Cảnh trần (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần) được xác định là: dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Đây là cái biết Ý thức Nhị nguyên gồm hai phần: Chủ Thể biết và Đối tượng được biết. Triết học đưa ra nhận định: Con người chủ quan nhận thức Thế giới khách quan. Với quan điểm này Tâm biết thuộc về con người là Chủ thể nhận thức và Thế giới khách quan là Đối tượng nhận thức. Cái biết này gọi là Nhị nguyên Tâm biết Cảnh. Với cái biết Nhị nguyên này những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức

Ai sẽ giải thoát?

đều là Cảnh, thường hằng thường trú nơi Cảnh, Cảnh là chủ nhân của nó (hữu chủ). Tất cả nhân loại (trừ các bậc Thánh) đang thấy Thực Tại bằng cái thấy Nhị nguyên này. Ví như:

Khi mắt tiếp xúc với bông hoa (nhãn thức) thấy đối tượng đó rồi Ý thức khởi lên: Ta thấy bông hoa đẹp (Tâm biết Cảnh) và như vậy Đẹp chính là thuộc tính của bông hoa, Đẹp thường trú thường hằng trong bông hoa, Đẹp là của bông hoa (bông hoa là chủ nhân của Đẹp)

Khi lưỡi tiếp xúc với thức ăn cảm nhận một vị ngon thì Ý thức khởi lên: Ta đang nếm một Thức ăn ngon (Tâm biết Cảnh) và như vậy Ngon là thuộc tính của thức ăn, Ngon thường trú thường hằng trong thức ăn, Ngon là của thức ăn (thức ăn là chủ nhân của Ngon)

Khi thân xúc chạm với cục nước đá cảm nhận một cảm giác lạnh rồi Ý thức khởi lên: Ta biết cục nước đá này rất lạnh (Tâm biết Cảnh) và như vậy Lạnh là thuộc tính của cục nước đá, Lạnh thường hằng thường trú nơi cục nước đá, Lạnh là của cục nước đá (nước đá là chủ nhân của Lạnh)

Khi cảm nhận Hạnh phúc Ý thức khởi lên Hạnh phúc chính là hoàn cảnh tốt đẹp này (giàu có, xinh đẹp...) nghĩa là Tâm biết Cảnh thì đương nhiên Hạnh phúc thường hằng thường trú trong hoàn cảnh tốt đẹp, Hạnh phúc là của hoàn cảnh tốt đẹp (hữu chủ)

Ai sẽ giải thoát?

Khi cảm nhận một Đau khổ Ý thức khởi lên: Đau khổ chính là hoàn cảnh tôi tị này, Đau khổ thường hằng thương trú trong hoàn cảnh tôi tị này, Đau khổ là của hoàn cảnh tôi tị này.

Nói tóm lại khi thấy (nhãn thức), nghe (nhĩ thức), cảm nhận (tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức) các đối tượng (thực tại) thì Ý thức nhị nguyên khởi lên hiểu biết Thực Tại đó là Cảnh, nó thường hằng thương trú, nó Hữu chủ (Hữu ngã). Cái hiểu biết của Ý thức nhị nguyên như vậy gọi là Thường Kiến và Ngã Kiến. Cái biết Ý thức Nhị nguyên này chấp thủ một cái Ta là chủ nhân của cái biết, chấp thủ Cái được biết là Cảnh, Cái được biết thường hằng thương trú trong Cảnh, Cái được biết Hữu chủ. Đây chính là Vô Minh (Thường Kiến, Ngã Kiến), và vì sao Ý thức nhị nguyên này là Vô Minh xem phần sau sẽ rõ.

3- Thấy như thật Thực Tại đang là là cái Thấy (biết) của bậc Thánh đã Giác ngộ Lý Duyên Khởi. bậc Thánh thấy như thật Thực Tại của kẻ Phàm cũng như thấy như thật Thực Tại của bậc Thánh.

a- Thấy như thật Thực Tại đang là của kẻ Phàm: Sáu căn tiếp xúc với sáu trần gọi là sáu xúc gồm: Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỉ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc và Ý xúc. Do có sáu xúc mà phát sinh sáu Cảm giác (Cảm thọ) và sáu cái biết trực tiếp giác quan biết như thật sáu cảm thọ ấy

- Nhãn xúc phát sinh: Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức

Ai sẽ giải thoát?

- Nhĩ xúc phát sinh: Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức
- Tỉ xúc phát sinh.: Cảm giác mùi → Tỉ thức
- Thiệt xúc phát sinh: Cảm giác vị → Thiệt thức
- Thân xúc phát sinh: Cảm giác xúc chạm → Thân thức
- Ý xúc phát sinh: Cảm giác pháp trần → Tưởng thức

Viết chung thành một công thức chung: Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng

Ví như có một cục nước đá và bàn tay là hai nhân (Căn và Trần) nhưng chưa có sự tiếp xúc thì chưa có cái Lạnh nào phát sinh cả. Khi bàn tay tiếp xúc với cục nước đá thì Lạnh lập tức phát sinh và đồng thời có một cái biết (gọi là Thân thức) phát sinh Biết cái Lạnh đó. Đây mới là Lạnh thực mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được. Lạnh này là cảm giác nó là Tâm chứ không phải Cảnh. Xúc sinh Cảm giác lạnh và Thân thức sinh, Xúc diệt Cảm giác lạnh và Thân thức diệt. Cảm giác lạnh và Thân thức sinh lên rồi diệt nên nó không thường hằng không thường trú ở trong cục nước đá hay trong tay nên nó Vô Thường. Cảm giác lạnh và Thân thức cũng không có cái gì là chủ nhân của nó nên nó Vô Chủ hay Vô Ngã. Như vậy cái biết là Tâm và cái được biết là Thực Tại đều là Tâm và nó Vô Thường, Vô Ngã. Diễn tiến của Thực Tại không dừng lại đây mà sẽ tiếp tục phát triển. Đối với kẻ Phàm thì Tà Niệm và Tà Tư

Ai sẽ giải thoát?

Duy sẽ khởi lên để tìm hiểu về đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận. Tà Niệm sẽ tìm kiếm và kích hoạt các thông tin Thường Kiến và Ngã Kiến được lưu trong “kho chứa” và Tà Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu đối tượng đó với những thông tin được Tà Niệm kích hoạt và làm phát sinh cái biết Ý thức hiểu biết về đối tượng đó. Cái biết Ý Thức này mang nội dung Thường Kiến, Ngã Kiến gọi là Ý thức nhị nguyên không đúng với sự thật vì Thực Tại là Tâm, nó Vô Thường, Vô Ngã nhưng Ý thức nhị nguyên lại cho là Cảnh, Thường hằng thường trú và Hữu Chủ (Hữu Ngã) như đã phân tích trong cái biết không như thật thực tại. Lộ trình sẽ là:

Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến (Ý thức)

Đây là lộ trình khởi lên cái biết bao gồm: Cái biết trực tiếp (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức) không tri thức khái niệm, không phân biệt đối đãi biết như thật đối tượng và Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính, còn Ý thức gọi là Nhận thức lý tính lại là hiểu biết không đúng sự thật về đối tượng nên gọi là Tà Tri Kiến. Trong Kinh Pháp Môn Căn Bản gọi cái biết trực tiếp (thấy nghe cảm nhận) là Tưởng tri và Ý thức gọi là Thức tri có tính chất là không liễu tri (không biết như thật). Thực tại của kẻ Phàm không dừng lại đây mà sẽ diễn tiến tiếp. Khi Ý thức xác định đối tượng là Dễ chịu thì Tham khởi lên, là khó chịu thì Sân khởi lên, là không dễ chịu không khó chịu thì Si khởi lên. Nếu Tham và Sân thì sẽ bị thu hút và chú tâm vào đối tượng, nếu Si sẽ tác ý tìm

Ai sẽ giải thoát?

kiếm một đối tượng dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính. Sự chú tâm do Tham và Sân khởi lên này gọi là Tà Định và do Tà Định mà khởi lên mong muốn có được đối tượng dễ chịu hoặc xa lánh đối tượng khó chịu đó (gọi là Dục.) Do có Dục mà phát sinh nỗ lực cố gắng để đạt được Dục gọi là Tà Tinh Tấn và do có Tà Tinh Tấn mà phát sinh tác ý để đưa đến lời nói, hành động. Tác ý này cũng do từ Tà Tri Kiến nên gọi là Phi Như Lý Tác Ý và do Phi Như Lý Tác Ý mà Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng khởi lên và do Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng mà Khổ (của Sinh Già Bệnh Chết) sâu bi ưu não không thể kể xiết khởi lên.

Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến → Tham Sân Si → Tà Định → Dục → Tà Tinh Tấn → Phi Như Lý Tác Ý → Tà ngữ Tà nghiệp Tà mạng → Khổ uẩn

Ví như có một thanh niên đang đi bộ trên đường bỗng nhiên Mắt tiếp xúc với một cô gái đang đi ở một quãng xa trước mặt làm phát sinh một cảm giác hình ảnh và nhãn thức cũng phát sinh thấy cảm giác hình ảnh đó rồi Tà Niệm, Tà Tư Duy khởi lên đưa đến Tà Tri Kiến: Ta thấy một cô gái đẹp và thích thú (Tham) khởi lên. Do có Tham mà chú tâm vào hình ảnh đó (Tà Định) và Dục (muốn xem mặt) khởi lên và sẽ nỗ lực cố gắng (Tà Tinh Tấn) đưa đến Tác Ý (chạy nhanh lên) nên phát sinh hành động chạy nhanh. Do chạy nhanh mà căng thẳng và sự căng thẳng đó chính là khổ thân khổ tâm vậy.

Ai sẽ giải thoát?

Đây là Thực Tại của kẻ Phàm chính là lộ trình Tâm Bát Tà Đạo mà Đức Phật nói một cách vắn tắt là: Xúc→Thọ → Ái → Thủ → Hữu → Sinh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não...

Trong Thực Tại này mỗi một Danh pháp đều đang sinh và diệt nên nó Vô thường, Vô ngã và cả lộ trình cũng sinh lên và diệt đi theo lý Duyên Khởi. Xúc diệt Thọ Tướng sinh, Thọ Tướng diệt Tà Niệm sinh, Tà Niệm diệt Tà Tư Duy sinh, Tà Tư Duy diệt Tà Tri Kiến sinh... Mỗi một lộ trình này khởi lên rồi diệt chỉ trong phần trăm đến phần nghìn giây và nó xảy ra liên tiếp như vậy. Vì vậy cả lộ trình cũng Vô thường, Vô ngã. Trong Thực Tại Đang Là này có Vô Minh (Tà Tri Kiến), có Tham Sân Si, có Sầu bi khổ ưu não nghĩa là có Khổ và có Nguyên nhân của Khổ. Thấy biết như thật Thực Tại Đang Là của kẻ Phàm cũng là Thấy biết như thật về Khổ và Nguyên nhân Khổ gọi là Khổ Đế và Tập Đế. Như vậy Khổ và Nguyên nhân Khổ là Tâm và nó cũng Vô thường, Vô ngã. Thực Tại này của kẻ Phàm nhưng kẻ Phàm không giác ngộ được nó mà chỉ bậc Thánh mới giác ngộ được.

b- Thấy như thật Thực Tại Đang Là của bậc Thánh.

Thực Tại Đang Là của bậc Thánh cũng do Sáu Căn và Sáu Trần tiếp xúc mà phát sinh ra. Đó chính là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo:

Ai sẽ giải thoát?

Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng → Chánh Niệm
→ Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) →
Chánh Tư Duy → Chánh Kiến → Như Lý Tác Ý → Chánh
ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng

Thực Tại Đang Là này cũng là Tâm và nó cũng Vô
thường, Vô ngã. Thấy như thật Thực Tại Đang Là này xảy
ra theo hai cấp độ: Nhận thức cảm tính (trực tiếp giác
quan) và Nhận thức lý tính (ý thức)

→ Thấy như thực với cấp độ Nhận thức cảm tính:
Khi một Hành giả thực hành Niệm Thân và Niệm Thọ thì
khi cổ các cảm giác và cái biết trực tiếp khởi lên, Chánh
niệm: nhớ đến chú tâm quán sát các cảm thọ nơi Thân (đối
với Niệm Thân), nhớ đến chú tâm quán sát các cảm thọ
(đối với Niệm Thọ) khởi lên sẽ phát sinh Chánh Tinh Tấn.
Chánh Tinh Tấn sẽ phát sinh sự chú tâm trên cảm thọ đó.
Sự chú tâm đó là Chánh Định. Do có Chánh Định mà lộ
trình tâm dừng lại đây. Lộ trình tâm dừng lại đó lại là
duyên cho lộ trình tâm sau cũng trên đối tượng ấy khởi lên
tương tự và nhiều lộ trình tâm như vậy khởi trên cùng đối
tượng ấy nên cảm thọ và cái biết trực tiếp được “kéo dài” ra
nên Hành giả sẽ kinh nghiệm được cái biết trực tiếp một
cách rõ ràng minh bạch. Lộ trình Tâm đó được diễn tả như
sau:

Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng → Chánh Niệm
→ Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác).

Ai sẽ giải thoát?

Lúc này lộ trình tâm chỉ có cái biết trực tiếp giác quan (Tuồng) là duy nhất không có Ý thức và được gọi bằng một tên mới là Tỉnh Giác. Đây là cái biết như thật các cảm thọ không tri thức khái niệm, không phân biệt đối đãi, không ngôn từ chế định. Cái biết Tỉnh Giác này còn có một tên gọi khác là Không tánh hoặc trong Kinh Pháp Môn Căn Bản gọi là Thắng tri. Hãy hình dung một đứa trẻ mới sinh tức thì sáu căn của nó tiếp xúc sáu trần thì nó vẫn Thấy Nghe Cảm Nhận nhưng Ý thức nó chưa khởi lên nên nó không biết cái đó là cái gì. Tương tự cái biết Tỉnh Giác cũng như vậy, là cái Thấy, Nghe, Cảm Nhận thuần túy của đứa trẻ kia và lúc đó Hành giả mới kinh nghiệm được Thấy chỉ là thấy, Nghe chỉ là nghe, Cảm nhận chỉ là cảm nhận. Thấy, Nghe, Cảm nhận này Thánh hay Phàm đều như nhau nhưng kẻ Phàm không thể tách bạch nó ra khỏi cái biết Ý thức nên không thể kinh nghiệm được nó một cách minh bạch nên cái Thấy, Nghe, Cảm nhận đó gọi là Tuồng tri. Thực Tại Đang Là của bậc Thánh lúc này chỉ có Tỉnh Giác nên Vô Minh, Tham Sân Si, Khổ không có mặt. Sự không có mặt của Khổ và Nguyên nhân Khổ này chính là Giải Thoát và sự giải thoát này do Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn, chánh Định mà có nên gọi là Tâm Giải Thoát. Lộ trình này gọi tắt là Chánh Niệm Tỉnh Giác.

- Thấy như thật với cấp độ Nhận thức lý tính (Ý thức): Đó là khi Hành giả thực hành Niệm Tâm và Niệm Pháp. Khi các cảm thọ và cái biết trực tiếp khởi lên thì Chánh Niệm sẽ khởi lên. Chánh Niệm ở đây là: nhớ đến quán sát đối tượng là Tâm (đối với Niệm Tâm), nhớ đến

Ai sẽ giải thoát?

quán sát đối tượng đó vô thường, đối tượng đó vô ngã, đối tượng đó ly tham, đối tượng đó buông xả (đối với Niệm Pháp) thì sau khi thấy nghe, cảm nhận cảm thọ với cái biết Tỉnh Giác thì Chánh Tư Duy sẽ khởi lên. Đối với một Hành giả Tứ Niệm Xứ Văn Tuệ đã được lưu giữ trong “kho chứa” bao gồm: hiểu biết như thật về Duyên Khởi, về Vô Thường, Vô ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo (gọi là Minh) sẽ được Chánh Niệm kích hoạt lên (không kích hoạt Vô Minh, Thường Kiến, Ngã Kiến) nên Chánh Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về cảm thọ do Tỉnh Giác cung cấp với Minh nên phát sinh cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Kiến biết đối tượng đó là Tâm, đối tượng đó Vô thường, đối tượng đó Vô ngã, đối tượng đó được ly tham, đối tượng đó được buông xả. Lộ trình này là:

Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Kiến → Như Lý Tác Ý → Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng.

Thực Tại Đang Là này không có Vô Minh, không có Tham Sân Si, không có Sầu bi khổ ưu não và như vậy là không có Khổ cũng như Nguyên nhân của Khổ. Đó chính là Khổ Diệt (Niết bàn) đó chính là Giải Thoát. Giải Thoát này do Chánh Kiến mà chứng ngộ và an trú nên gọi là Tuệ Giải Thoát. Sự thực hành Tứ Niệm Xứ đặc biệt là Niệm Tâm và Niệm Pháp sẽ làm cho Chánh Kiến được tu tập được làm cho viên mãn sẽ dẫn đến “đột chuyển” tức Minh sẽ xóa bỏ Vô Minh đã được cài đặt lâu ngày trong “kho chứa” và đó là lúc thành đạt đạo quả Ala hán.

Ai sẽ giải thoát?

Như vậy Thực Tại Đang Là của bậc Thánh hữu học và vô học không có Khổ và Nguyên nhân của Khổ mà có Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát. Đó chính là Khổ Diệt hay Niết bàn và chính Thực Tại đó là Con Đường Chấm Dứt Khổ. Thấy như thật Thực Tại Đang Là của bậc Thánh có nghĩa là Giác Ngộ Diệt Đế và Đạo Đế.

Thấy không như thật Thực Tại Đang Là là thấy Thực Tại ấy là Cảnh, Thực Tại ấy thường hằng thường trú, Thực Tại ấy hữu chủ (hữu ngã) đó là Vô Minh

Thấy như thật Thực Tại Đang Là là thấy Thực Tại ấy là Tâm, Thực Tại ấy Vô thường, Thực Tại ấy Vô ngã. Thấy như thật Thực Tại Đang Là chính là Giác Ngộ Tứ Thánh Đế.

VÔ THƯỜNG LÀ KHỔ HAY LÀ LẠC

Mở đầu bài viết này xin trích dẫn một đoạn trong Lời nói đầu khi xuất bản Kinh Trung Bộ của Hoà thượng Thích Minh Châu: "... Chúng tôi cũng không có trách nhiệm nêu lên cho độc giả rõ, đoạn nào là nguyên thủy, đoạn nào không phải nguyên thủy. Chỉ có người đọc, sau khi tự mình đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quán sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân, mới có thể tự mình hiểu và thấy đoạn nào là thật sự nguyên thủy. Trách nhiệm tìm hiểu, chứng nghiệm cá nhân là trách nhiệm của người đọc, không phải của người dịch vì Đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chứ không phải Đạo đến để nhờ người khác thấy hộ, đạo của người có mắt, không phải Đạo của người nhắm mắt, Đạo của người thấy, của người biết, không phải Đạo của người không thấy không biết". Trong Kinh điển đặc biệt Kinh Ví dụ con rắn thuộc Kinh Trung Bộ Đức Phật nhấn mạnh: Sau khi học Pháp phải quán sát ý nghĩa các pháp với trí tuệ (đối chiếu với sự thật) nếu không sẽ nắm giữ ý nghĩa các pháp một cách sai lạc và điều đó sẽ đưa đến tự hại giống như người bắt rắn ngu si nắm lấy đuôi con rắn. Vì vậy người học Pháp và hành Pháp phải quán sát ý nghĩa lời giảng bằng cách đối chiếu với sự thật và đối chiếu với lời dạy "Nhất quán xuyên suốt Kinh điển" của Đức Phật và sau khi biết đó là sự thật, biết nó phù hợp với "Nhất quán xuyên suốt Kinh

Ai sẽ giải thoát?

điển” thì mới chấp nhận và thực hành. Với tinh thần đó hãy quán sát một đoạn Kinh sau:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, sắc là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn

- Những gì vô thường là khổ hay là lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn

- Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn

- Những gì vô thường, là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn

- Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

- Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

Ai sẽ giải thoát?

Đoạn Kinh này chỉ có thể hiểu theo nghĩa đen chứ không thể hiểu theo nghĩa bóng gió nào cả. Theo nghĩa đen của đoạn Kinh này thì: Sắc thọ tướng hành thức là vô thường, Vì sắc thọ tướng hành thức là vô thường nên sắc thọ tướng hành thức là khổ, sắc thọ tướng hành thức là vô ngã. Nguyên nhân của sắc thọ tướng hành thức khổ là do nó vô thường, vì vậy nguyên nhân của khổ là vô thường. Từ nội dung này những tư duy hợp lý, đúng logic “tam đoạn luận” sẽ khởi lên như sau: Sắc thọ tướng hành thức của Phàm hay Thánh đều vô thường và như vậy đều là khổ. Nếu vậy sẽ không có Khổ Diệt và Con đường đưa đến Khổ Diệt nơi sắc thọ tướng hành thức. Nếu Sắc thọ tướng hành thức là vô thường, khổ sẽ không hợp lý nếu xem những cái đó là của ta, là ta, là tự ngã của ta. Tư duy như vậy thì vẫn có một cái Ta để mà suy diễn và dựa trên luận đề đó một suy diễn hợp lý sẽ khởi lên, vậy cái gì thường còn sẽ là lạc và cái đó mới là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta

Cái thường còn và lạc đó phải ở ngoài sắc thọ tướng hành thức. Vì thế bậc Thánh giải thoát Khổ an trú Niết bàn thì Niết bàn ắt hẳn là Thường Lạc Ngã Tịnh như một số người chủ trương hay Niết bàn là Thường Lạc Vô Ngã Tịnh như một số khác chủ trương. Cũng từ đoạn Kinh này mà xuất hiện quan điểm: có ba đặc điểm hay ba dấu ấn để khẳng định đó là Chánh pháp (Tam pháp ấn) là các pháp Vô thường → Khổ → Vô ngã.

1- Nếu thấy như thật Lý Duyên Khởi nghĩa là phải có đủ hai nhân tiếp xúc với nhau rồi cùng diệt mới phát sinh quả, thì quả ấy là Pháp duyên khởi, quả ấy sinh lên rồi

Ai sẽ giải thoát?

diệt, không thường hằng thường trú ở đâu cả (gọi là vô thường) và quả ấy vô chủ, không có một pháp nào là chủ nhân vì thế cũng không có một cái Ta là chủ nhân pháp ấy (gọi là vô ngã). Sắc thọ tưởng hành thức là vô thường, ở đây không có suy diễn nào có thể khởi lên. Nhưng vì Sắc...

Thức vô thường, khổ nên không thể xem Sắc thọ tưởng hành thức là của Ta, là Ta thì vẫn tồn tại một cái Ta, và như vậy vẫn có một khoảng trống lớn cho các suy diễn khác khởi lên. Một trong các suy diễn đó là, vậy cái gì thường, không sinh không diệt đương nhiên là lạc sẽ là của Ta, là Ta và như vậy sẽ kích thích suy nghĩ tìm kiếm rồi tưởng tượng ra một Chân Tâm thường trú không sinh không diệt, một Tánh Thấy Tánh Nghe không sinh không diệt và chấp thủ đó là cái Ta chân thật không sinh không diệt hằng thấy hằng biết, một Chân Ngã. Trong Kinh Giới Phân Biệt kinh số 143 thuộc Kinh Trung Bộ Đức Phật có nói: Ta là... là một vọng tưởng, Ta không phải là... là một vọng tưởng. Chấm dứt vọng tưởng sẽ trở thành một ẩn sĩ tịch tịnh. Lời dạy này đã rất rõ ràng: Ta là... và Ta không phải là... đều là các tư tưởng phát sinh trên sự chấp thủ một cái Ta (Bản Ngã), khi chấm dứt hai vọng tưởng này thì chấm dứt chấp thủ cái Ta, (Bản ngã) nghĩa là không có cái Ta nào hết. Đây mới là cách giảng giải về Vô Ngã toàn triệt nhất.

2- Vấn đề Khổ và Nguyên nhân Khổ: Theo đoạn văn này thì sắc thọ tưởng hành thức là khổ và nguyên nhân khổ là do sắc thọ tưởng hành thức vô thường. Nếu Sắc pháp là khổ thì hòn đá đang khổ, mặt trăng, mặt trời, trăng

Ai sẽ giải thoát?

sao, ánh sáng... đang khổ. Vậy có ai trong loài người này dù là Phàm hay Thánh cảm nhận được hòn đá, mặt trăng, mặt trời... đang khổ không? Nếu không ai cảm nhận được các sắc pháp ấy đang khổ thì sắc thọ tướng hành thức là khổ chính là hoang tưởng, một chứng bệnh, bệnh Vô Minh. Vô Minh là thấy Khổ và Nguyên nhân Khổ ở nơi hoàn cảnh.

Đức Phật không nói Năm uẩn là khổ mà ngay bài kinh Chuyển Pháp Luân Ngài đã nói: Năm Thủ Uẩn là khổ nghĩa là chấp thủ Năm Uẩn mới phát sinh Khổ. Duyên khởi lên Khổ đã được thuyết minh rất rõ ràng: Do có Xúc (sáu căn tiếp xúc sáu trần) mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Khổ (của Sinh Già Bệnh Chết) sâu bi ưu não không thể kể xiết. Đây chính là thuyết minh một cách tóm tắt lộ trình tâm Bát Tà Đạo. Xúc sinh thì Khổ sinh, Xúc diệt thì Khổ diệt, sâu bi khổ ưu não là Tâm chứ không phải Cảnh và nó thuộc Hành uẩn, nó sinh diệt Vô thường, không thường trú ở đâu cả, không thường trú trong sắc thọ tướng hành thức. Khổ cũng vô ngã nghĩa là không có một cái gì, không có một cái Ta nào là chủ nhân, sở hữu Khổ. Đức Phật đã nói: Khi khổ sinh thì biết là khổ sinh, khi khổ diệt thì biết là khổ diệt, trí là trí của người đó không duyên một ai khác. Nghĩa là khi có Khổ sinh thì Thánh hay Phàm đều cảm nhận được Khổ nhưng hiểu biết của kẻ Phàm thì Khổ là Cảnh, thường trú nơi Cảnh, và có chủ nhân (Hữu ngã→Ta khổ) gọi là Vô minh còn bậc Thánh thì hiểu biết Khổ do

Ai sẽ giải thoát?

duyên Xúc, Khổ là Tâm, nó Vô thường, Vô ngã đây gọi là Minh.

Cũng chính trong Kinh Chuyển Pháp Luân Ngài đã tuyên bố: Nguyên nhân Khổ là khát ái tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi Hữu ái. Như vậy Đức Phật nói nguyên nhân Khổ là Tham ái chứ không phải là vô thường. Sự thật về Khổ và Nguyên nhân Khổ này được Đức Phật tuyên thuyết Nhất Quán trong toàn bộ Kinh điển vì vậy đoạn văn trên mâu thuẫn với sự thật, mâu thuẫn với lời dạy của Ngài.

Đức Phật không bao giờ lại tự mình mâu thuẫn với chính mình nên biết đoạn văn trên không phải là lời của Phật.

3- Vô thường là khổ hay là lạc? Bây giờ hãy đổi chiều ý nghĩa của đoạn văn trên với sự thật. Khi sáu căn và sáu trần tiếp xúc phát sinh thực tại của kẻ Phàm thì cái thực tại là vô thường bao gồm cái thấy, cái nghe, cái cảm nhận, cái nhận thức và nhưng gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức. Những đối tượng được thấy, nghe, cảm nhận là các cảm thọ được chia làm ba trạng thái: dễ chịu (lạc thọ), khó chịu (khổ thọ), trung tính (bất khổ bất lạc thọ).

- Nếu dễ chịu hay lạc thọ vô thường nghĩa là mất nó thì đó là khổ như mất đi tài sản, danh tiếng, sức khỏe, thân mạng...

Ai sẽ giải thoát?

- Nếu đối tượng là khó chịu hay khổ thọ thì khi vô thường mất nó thì lúc đó là lạc chứ không phải khổ. Ví như trời nắng ba tháng dữ dội thì khi mưa xuống là lạc, khi một cơn đau đã kéo dài thì khi nó chấm dứt, vô thường đó là lạc, khi nấu cơm hạt gạo diệt phát sinh cơm thì vô thường là lạc, khi gieo lúa giống, hạt thóc diệt phát sinh cây mạ, vô thường này cũng là lạc...

- Nếu một đối tượng trung tính hay bất khổ bất lạc thọ thì khi nó vô thường cũng có thể khởi lên lạc hoặc khổ hoặc không khổ không lạc.

Khi đối chiếu với sự thật như vậy thì kết luận "Cái gì vô thường là khổ" không đúng với sự thật, là cái thấy thiên lệch, một chiều chắc chắn không phải là lời dạy của bậc đã Giác Ngộ Sự Thật. Rất nhiều chỗ trong Kinh điển Ngài nói rằng: Nếu thực tại chỉ có khổ mà không có lạc thì chúng sanh sẽ không tham đắm thực tại ấy và vì thực tại có lạc nên chúng sanh mới tham đắm thực tại ấy. Ngài nói Ta đã Tuệ tri vị ngọt là vị ngọt nghĩa là Ngài xác nhận vị ngọt là có thật tuy nó vô thường vô ngã và nó là một cảm giác dễ chịu (lạc thọ). Nhưng Ngài cũng nói luôn rằng: Ta đã Tuệ tri sự nguy hiểm nghĩa là vị ngọt vô thường nếu thích thú (Tham) và nắm giữ nó thì khi nó vô thường, biến hoại, biến diệt sâu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Nếu một cảm giác dễ chịu mà không thích thú thì sẽ không nắm giữ thì khi nó mất đi sâu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Như vậy chính Tham ái là Nguyên nhân Khổ chứ không phải là vô thường.

4- Thường còn là lạc hay là khổ? Đối với vấn đề này cũng phân ra ba trường hợp để khảo sát:

- Đối tượng dễ chịu: ví như có một món ăn ngon hợp khẩu vị người đó thích thú thưởng thức nhưng nếu bắt người đó bữa nào cũng phải ăn món khoái khẩu đó liên tục không được đổi món kéo dài ra cả năm trời (chưa phải là vĩnh viễn) thì đó là một điều kinh khủng, rất là khổ. Một khuôn viên rất mát mẻ, đẹp mê hồn với các nàng tiên, với rượu tiên, âm nhạc tiên, món ăn tiên, lạc thú của tiên... và những thứ đó không thay đổi cứ lặp đi lặp lại từ ngày này sang ngày khác làm cho hai anh chàng Lưu Nguyễn chỉ chịu đựng được hai năm và phải trốn về trần gian vô thường thay đổi. Sự thật là những điều dễ chịu mà nó kéo dài quá mức cũng là khổ kinh khủng chứ chưa nói là nó vĩnh viễn như vậy.

- Một đối tượng khó chịu mà nó thường hằng vĩnh viễn thì làm sao chịu nổi

- Một đối tượng trung tính mà kéo dài thì con người cũng phát điên vì khổ

Vậy thì thường là khổ tuyệt đối chứ không như vô thường vừa khổ vừa lạc. Đối với kẻ Phàm thì vô thường hay thường đều có khổ vì Nguyên nhân Khổ là Vô minh và Tham ái.

5- Thực hành Thiền Minh Sát với mục đích thấy Khổ hay thấy Khổ Diệt? Pháp hành trong Phật giáo là để

Ai sẽ giải thoát?

thấy Sự thật Vô Thường, Sự thật Vô Ngã là điều không cần bàn luận. Vấn đề cần làm sáng rõ là mục đích của pháp hành là để thấy Khổ hay để thấy Khổ diệt. Theo chủ trương thực hành Thiền Minh Sát của một số người thì mục đích là thấy Tam Tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã và như vậy họ chủ trương thấy Khổ. Vì vậy khi Thiền sinh trình pháp câu hỏi của họ là đã thấy khổ chưa? Một số hướng dẫn Thiền sinh phải thấy cho được Thân Tâm đang biến đổi, đang sinh diệt nên đó là khổ. Thậm chí có Thiền sư giảng giải một vị A La Hán thấy được sự sinh diệt liên tục nên các vị ấy cũng thấy khổ liên tục và do vậy các vị cũng "ngán" nên các vị phải nhập vào Diệt Thọ Tướng định để an trú. Nếu một người không tu, họ không thấy sinh diệt họ không có cái khổ như người tu thấy được sinh diệt là khổ như vậy, thì cách tu như vậy chẳng có lợi ích gì. Một người bị chứng bệnh trầm cảm họ cũng thấy tất cả đều là khổ vì vậy họ đều có ý định kết liễu cuộc đời, đó là chứng bệnh hoang tưởng. Thời Phật tại thế có một số vị Tỷ kheo quán thân bất tịnh nhưng do họ hiểu sai ý nghĩa lời dạy của Phật nên họ chán ghét, ghê tởm, xấu hổ với cái thân bất tịnh nên hàng loạt Tỷ kheo đã tự sát. Đó cũng là một chứng bệnh, bệnh hoang tưởng.

Trong Tứ Thánh Đế đã được giảng rõ: Khổ cần phải Biết (Liễu tri), Tập cần phải đoạn, Đạo cần phải tu, Diệt cần phải chứng. Vậy thì khi thực hành Tứ Niệm Xứ hay Thiền Minh Sát thì cũng là thực hành Bát Chánh Đạo với mục đích là chứng ngộ và an trú Khổ Diệt. Khi lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên sẽ nhiếp phục lộ trình tâm Bát Tà

Ai sẽ giải thoát?

Đạo (đối với hữu học) và Chánh Kiến trên lộ trình Bát Chánh Đạo sẽ kinh nghiệm được không có Tham Sân Si tức không có Nguyên nhân Khổ nên cũng không có Khổ, đó chính là kinh nghiệm Khổ Diệt. Vì vậy thực hành Tứ Niệm Xứ hay Minh Sát Tuệ không phải để thấy Khổ mà là để thấy Hết Khổ hay là Khổ Diệt.

Tiểu Kinh Đoạn Tận Ái là bản kinh tóm tắt lời dạy trong 45 năm của Đức Phật bằng 5 câu mà pháp hành nằm trọn trong một câu: “Do biết rõ ràng tất cả pháp nên bất kỳ một cảm thọ nào khởi lên, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ vị ấy sống quán vô thường, sống quán ly tham, sống quán đoạn diệt, sống quán xả ly nơi cảm thọ ấy”. Quán đoạn diệt là đoạn diệt Năm thủ uẩn nghĩa là đoạn diệt một cái Ta chủ nhân Năm uẩn, cũng có nghĩa là quán vô ngã. Quán ly tham, quán buông xả để thấy không có Tham Sân Si đối với cảm thọ cũng có nghĩa là thấy Khổ Diệt. Như vậy pháp hành mục đích để thấy Vô thường, Vô ngã và Khổ Diệt.

Khi một Hành giả quán pháp với Chánh Niệm: quán vô thường, thì sau khi thấy, nghe, cảm nhận đối tượng với cái biết Tỉnh Giác, Chánh Tư Duy sẽ khởi lên. Chánh Tư Duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về đối tượng được Tỉnh Giác cung cấp với những thông tin vô thường (được pháp học lưu trong kho chứa) đã được Chánh Niệm kích hoạt. Hành vi tư duy này sẽ phát sinh cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Kiến biết đối tượng đó vô thường. Trong cái biết Chánh Kiến này cũng có mặt nội dung về sự nguy hiểm nghĩa là đối tượng đó vô thường,

Ai sẽ giải thoát?

nếu thích thú và nắm giữ nó thì khi nó biến hoại biến diệt sâu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Với Chánh Kiến vô thường như vậy thì Tham Sân Si không thể khởi lên. Ví như khi một người đang khát nước, thấy một cốc nước và nếu anh ta hiểu biết cốc nước này an toàn uống vào sẽ hết khát thì anh ta sẽ uống nhưng nếu hiểu biết của anh ta là cốc nước có độc uống vào sẽ rất nguy hiểm thì anh ta sẽ không uống. Chánh Kiến vô thường khởi lên như vậy thì lộ trình tâm sẽ dừng lại đó không diễn tiến nào tiếp theo và Chánh Kiến cũng kinh nghiệm được lúc đó: không yêu thích, không chán ghét, độc lập, không ràng buộc, giải thoát không hệ lụy với đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức ấy. Đó chính là Khổ diệt, chính là Giải thoát. Giải thoát này do Chánh Kiến Vô thường mà kinh nghiệm và an trú nên gọi là Tuệ Giải Thoát.

Khi Chánh Kiến vô thường khởi lên thì cũng kinh nghiệm ngay Giải Thoát nên pháp này không có thời gian là vậy chứ không phải Bát Chánh Đạo là nhân, Giải Thoát là quả. Vì rằng nếu Bát Chánh Đạo là nhân, Giải Thoát là quả thì khi Bát Chánh Đạo diệt thì Giải thoát sinh và như vậy Giải Thoát là pháp bị chi phối bởi thời gian, là pháp hữu vi thì không phải là giải thoát. Hành giả phải thực hành quán vô thường không chỉ lúc tọa thiền mà phải thực hành mọi tư thế sao cho từ lúc thức dậy cho đến khi nằm ngủ, một dòng Chánh Kiến vô thường khởi lên liên tục. Dòng Chánh Kiến vô thường liên tục nhiều ngày như vậy mới có thể xoá bỏ Vô minh Thường kiến đã được cài đặt từ rất lâu trong “kho chứa”, mới đưa đến quả A La Hán. Như

vậy Thấy Vô thường là Thấy Khổ Diệt chứ không phải thấy khổ.

6- Tam Pháp Ấn hay Tứ Pháp Ấn? Pháp Ấn là khái niệm phát sinh sau này, còn trong Kinh điển không có khái niệm này. Pháp ấn là gì? Là những đặc điểm, dấu hiệu để phân biệt Chánh Pháp do Đức Thế Tôn thuyết giảng với giáo pháp không do Đức Thế Tôn thuyết giảng. Vậy những đặc điểm nào, những dấu ấn nào để khẳng định đó là Chánh Pháp? Bốn mươi lăm năm thuyết giảng đức Phật chỉ có nói đến hai đề mục: Lý Duyên Khởi và Tứ Thánh Đế. Lý Duyên Khởi nói đến Sự Thật Vô Thường, Sự Thật Vô Ngã. Tứ Thánh Đế nói đến Sự Thật Khổ, Sự Thật Nguyên Nhân Khổ, Sự Thật Khổ Diệt và Sự Thật Con Đường đưa đến Khổ Diệt. Như vậy đặc điểm hay dấu ấn để khẳng định đó là Chánh Pháp phải có sáu. Trong Kinh Đức Phật luôn khẳng định: Xưa nay Ta chỉ nói về Khổ và Sự chấm dứt Khổ. Đức Phật đã nói gọn lại như vậy nên đặc điểm hay dấu ấn của Chánh Pháp nói gọn lại là có bốn: Vô thường, Vô ngã, Khổ và Khổ diệt. Đây gọi là Tứ Pháp Ấn. Nếu nói Tam Pháp Ấn là Vô thường, Khổ, Vô ngã thì Giáo lý như vậy không phải là Chánh Pháp vì không có Khổ diệt mà mục đích của Chánh Pháp là Khổ diệt

TÁNH KHÔNG

Trong Tăng Chi Bộ Kinh chương hai pháp, phẩm Hội chúng có nêu rõ: "Ở đây, này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lóng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển thì vẫn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, khéo lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng"

Vậy những Kinh nào thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không? Trong 45 năm thuyết giảng Đức Thế Tôn chỉ nói về Duyên Khởi và Tứ Thánh Đế. Thực chất là Duyên Khởi lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu và Duyên Khởi lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh. Trên Bát Tà Đạo có sự thật về Khổ và sự thật Nguyên nhân Khổ tức Khổ Đế và Tập Đế. Trên Bát Chánh Đạo có sự

Ai sẽ giải thoát?

thật Khổ Diệt và Con Đường đưa đến Khổ Diệt tức Diệt Đế và Đạo Đế. Khổ Đế và Tập Đế là hai sự thật thuộc về Thế gian, Diệt Đế và Đạo Đế là hai sự thật thuộc Xuất Thế gian hay là Siêu Thế. Những Kinh thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, liên hệ đến không là những Kinh có đề cập Diệt Đế, đề cập đến chứng ngộ Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát. Đây là những kinh đề cập đến nghĩa Không, là chứng ngộ của bậc Thánh. Trong Trung Bộ Kinh có kinh Tiểu Không và Đại Không liên hệ trực tiếp tới nghĩa Không, nhưng không phải chỉ có như vậy mà Đức Phật đề cập tới nghĩa Không với rất nhiều chỗ khác nữa. Nghĩa Không này chính là Niết bàn, là sự không có mặt, sự trống không các pháp hữu vi (Phi Hữu). Đó là Không, Vô Tướng, Vô Tác, Vô Ngã, Vô Thường, Không Tham, Không Sân, Không Si, Không Khổ, Không Nguyên nhân Khổ, Không Ràng buộc, Không nắm giữ, Không xua đuổi, Không Sinh Già Bệnh Chết. Đối với vị hữu học Chánh Kiến trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo sẽ chứng ngộ và an trú một phần Không này còn vị vô học Chánh Kiến đã chứng ngộ và an trú hoàn toàn Không này. (Vô cũng có nghĩa là Không). Các nghĩa Không này có thể được thuyết minh trong ba cái Không chính, đó là Không, Vô Tướng, Vô Tác

Thế nào là Không, Vô Tướng, Vô Tác hay là Không Giải Thoát, Vô Tướng Giải Thoát, Vô Tác Giải Thoát?

1- Không Giải Thoát: Trong cái biết của con người có hai cấp độ: Cái biết trực tiếp giác quan và cái biết Ý thức mà trong Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính. Cái biết trực tiếp giác quan hay Nhận

Ai sẽ giải thoát?

thức cảm tính bao gồm: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức chính là thấy (nhãn thức), nghe (nhĩ thức), cảm nhận (tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức) các đối tượng. Đối với người Phàm sau khi thấy, nghe, cảm nhận đối tượng, sẽ suy nghĩ (tư duy) về đối tượng, sẽ đối chiếu Ta với đối tượng, sẽ so sánh Ta hơn, kém hay bằng đối tượng, đối tượng đó là cái gì, dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Trong Kinh Pháp Môn Căn Bản, Đức Phật gọi cái thấy, nghe, cảm nhận đó là Tưởng tri và suy nghĩ đưa đến cái biết Ý thức kia là Thức tri và khẳng định Ý thức là không liễu tri tức không đúng sự thật. Trong lộ trình tâm Bát Tà Đạo của người Phàm, Tưởng tri khởi lên thì Ý thức cũng khởi lên ngay, nên phát sinh Thái độ và Phản ứng ngay với đối tượng. Vì thế người Phàm không thể nào tách bạch Cái biết trực tiếp ra khỏi cái biết Ý thức nên không thể nào kinh nghiệm được Cái biết trực tiếp một cách minh bạch được

Đối với một Hành giả thực hành Tứ Niệm Xứ đặc biệt là khi Niệm Thân hoặc Niệm Thọ thì khi một cảm giác (cảm thọ) khởi lên, sau khi thấy, nghe, cảm nhận cảm thọ ấy, Chánh Niệm nhớ đến chú tâm quán sát các cảm thọ nơi thân (đối với Niệm Thân) và nhớ đến chú tâm quán sát các cảm thọ (đối với Niệm Thọ) khởi lên, thì sẽ phát sinh Chánh Tinh Tấn. Chánh Tinh Tấn này sẽ làm phát sinh sự chú tâm quán sát các cảm thọ ấy. Sự chú tâm này là Chánh Định và do sự chú tâm này mà lộ trình tâm sẽ dừng lại chỗ đó. Sự chú tâm gọi là Chánh Định này không những làm cho lộ trình tâm kết thúc tại đây mà nó còn là nhân duyên

Ai sẽ giải thoát?

cho lộ trình tâm sau cũng trên đối tượng đó sinh khởi. Diễn tiến như vậy cứ tiếp tục cho nên có rất nhiều lộ trình tâm giống nhau như vậy trên đối tượng liên tiếp xảy ra. Khi có một Xúc khác mạnh hơn xảy ra thì lộ trình tâm trên đối tượng đó kết thúc và diễn tiến tương tự sẽ xảy ra trên đối tượng mới. Do các lộ trình tâm diễn tiến như vậy nên Cái biết trực tiếp được “kéo dài” ra và không có cái biết Ý thức nên Hành giả sẽ kinh nghiệm được Cái biết trực tiếp một cách trọn vẹn, minh bạch.

Lộ trình tâm này được diễn tả như sau:

Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng → Chánh Niệm
→ Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác)

Cái biết trực tiếp (thấy, nghe, cảm nhận) trong trường hợp như vậy không còn gọi là Tưởng tri nữa mà gọi là Thắng tri như Kinh Pháp Môn Căn Bản hay gọi là Tĩnh Giác. Hãy hình dung một đứa trẻ mới đẻ, tức thì sáu căn nó tiếp xúc sáu trần, lúc đó nó vẫn thấy, vẫn nghe, vẫn cảm nhận các đối tượng nhưng nó không biết đó là cái gì vì Ý thức của nó chưa khởi lên được. Đây là cái biết trực tiếp thuần túy không có Ý thức đan xen vào. Cái biết Tĩnh Giác cũng y như vậy, là cái biết như thật các cảm thọ, do Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh ra, không do học hỏi, là cái biết không tri thức, khái niệm, không ngôn ngữ chế định. Cái biết này còn có một tên gọi khác là Không tánh. Gọi là Không Tánh bởi cái biết này không tri thức khái niệm, không phân biệt đối đãi, không ngôn ngữ chế định, không có khái niệm vuông tròn, to nhỏ, dài ngắn, xanh vàng đỏ

Ai sẽ giải thoát?

trắng, không có khái niệm mặn ngọt chua cay, không có khái niệm mất tai mũi lưỡi thân ý, không có khái niệm sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm nhãn giới cho đến ý thức giới, không có khái niệm vô minh cũng như hết vô minh, không có khái niệm khổ tập diệt đạo, không có khái niệm chứng đắc... (cũng có thể gọi nó là cái biết vô niệm). Khi an trú Không Tánh này Chánh Kiến sẽ kinh nghiệm được, đối với những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, không tìm hiểu, không phán đoán, không phán xét, không yêu thích không chán ghét, không dính mắc, không ràng buộc, không phiền não. Đây chính là Giải Thoát và gọi là Không Giải Thoát. Giải thoát này nhờ có Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định mà chúng ngộ và an trú, và là ba chi phần thuộc về Định của Bát Chánh Đạo nên còn gọi là Tâm Giải Thoát. Các vị đã Giác Ngộ phần lớn an trú Không Giải Thoát này.

2- Vô Tướng Giải Thoát hay Không Tướng Giải Thoát: Một Hành Giả thực hành Tứ Niệm Xứ, khi Niệm Tâm hoặc Niệm Pháp thì khi các cảm thọ và cái biết trực tiếp khởi lên, thì Chánh Niệm: nhớ đến quán sát đối tượng ấy là tâm (đối với Niệm Tâm), nhớ đến quán sát đối tượng ấy vô thường, vô ngã, ly tham, buông xả (đối với Niệm Pháp) khởi lên làm phát sinh Chánh Tinh Tấn. Chánh Tinh Tấn làm phát sinh sự chú tâm trên đối tượng (gọi là Chánh Định) và biết đối tượng với cái biết Tỉnh Giác thì Chánh Tư Duy khởi lên sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu thông tin về đối tượng được Tỉnh Giác cung cấp với những thông tin trong "kho chứa" (bao gồm Lý Duyên Khởi, Vô thường,

Ai sẽ giải thoát?

Vô ngã, Khổ Tập Diệt Đạo) đã được Pháp học lưu vào và được Chánh Niệm kích hoạt lên. Chánh Tư Duy như vậy sẽ phát sinh cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Kiến biết đối tượng đó là Tâm, đối tượng đó Vô thường, Vô ngã, không có Tham Sân Si với đối tượng... Chánh Kiến như vậy khởi lên thì cũng kinh nghiệm được không yêu thích, không chán ghét, độc lập không ràng buộc, giải thoát không hệ lụy đối với những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức. Chánh Kiến còn có một tên gọi khác là Vô Tướng vì Chánh Kiến biết rõ các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Tâm chứ không phải Cảnh và vì Cảnh thì có tướng còn Tâm thì Vô Tướng. An trú Vô Tướng này chính là an trú Giải Thoát và giải thoát này gọi là Vô Tướng Giải Thoát hay là Tuệ Giải Thoát. Chánh Kiến hay Cái Biết Vô Tướng không phải là Trí vô sư, không phải như Cái biết Không tánh không do học hỏi mà có, mà nó được phát triển đúng theo lộ trình Văn→Tư→Tu mới chứng ngộ và an trú Vô Tướng. Tuy Đức Phật không thầy chỉ dạy nhưng sự sắc sảo của Ngài đã giúp Ngài tự học bằng sự quán sát Sự Thật, các bậc Thanh Văn thì phải theo trình tự Văn Tư Tu mà Ngài đã chỉ dạy. Chánh Kiến là cái biết Ý thức nên vẫn là cái biết có tri thức, khái niệm, phân biệt đối đãi, có ngôn từ chế định nhưng là cái biết Ý thức đúng như thật, không phải như Cái biết Ý thức Vô minh của Phàm phu, chính Chánh kiến (Minh) mới giác ngộ Tứ Thánh Đế mới xoá bỏ được Vô Minh (Thường kiến, Ngã kiến) trong "kho chứa", mới đạt thành đạo quả A La Hán. Chính vì vậy Không

Ai sẽ giải thoát?

Tướng (Vô Tướng) là Đại Không còn Không Tánh là Tiểu Không. Lộ trình tâm diễn tiến như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh
Tỉnh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy
→ Chánh Kiến.

3→ Vô Tác Giải Thoát (không tạo tác): Lộ trình
Bát Chánh Đạo có trường hợp dừng lại Tỉnh Giác và an trú
Không Giải Thoát, có trường hợp dừng lại Chánh Kiến thì
an trú Vô Tướng Giải Thoát nhưng cũng có khi phát sinh
lời nói, hành động gọi là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh
mạng và như vậy toàn bộ Tám chi phần khởi lên đầy đủ.
Lộ trình như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh
Tỉnh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy
→ Chánh Kiến → Như lý tác ý → Chánh ngữ, Chánh
nghiệp, Chánh mạng.

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng do Chánh
Kiến, do Trí Tuệ khởi lên không có Tham Sân Si nên
không còn tạo tác, không còn là Nghiệp như Tà ngữ, tà
nghiệp, tà mạng của Phàm phu nữa nên gọi là Vô Tác Giải
Thoát.

Trong Pháp Cú có đoạn:

*Không vì mình, vì người
Không cầu được con cái
Không tài sản quốc độ*

Ai sẽ giải thoát?

*Không cầu mình thành tựu
Với việc làm phi pháp
Vị ấy thật trì giới
Có trí tuệ đúng pháp.*

Vị ấy trì giới không vì mình, không vì người, không vì một mục đích nào cả, đó chính là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo. Vì mình hoặc vì người là tư tưởng phát sinh do chấp thủ Ta, chấp thủ Ngã còn khi Chánh Kiến khởi lên thì hoàn toàn Vô Ngã nên Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là Vô Tác Giải Thoát.

Như vậy Tánh Không bao gồm: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Tánh Không này chỉ có trong Thực tại của bậc Thánh tức là Tâm Bát Chánh Đạo và chỉ bậc Thánh mới giác ngộ Tánh Không còn Phàm phu thì Thực tại là Tâm Bát Tà Đạo không thể có Tánh Không mà chỉ có Tánh Vô Minh, Tánh Chấp Thủ. Vì thế không có chuyện Thấy Tánh thành Phật nơi Tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu mà muốn Kiến Tánh thành Phật thì phải có Pháp học, Pháp hành đầy đủ, chính xác theo lộ trình Văn Tư Tu mới khởi lên Thực Tại Bát Chánh Đạo của bậc Thánh, mới giác ngộ Tánh Không.

ĐỐI ĂN KHÁT UỐNG

Đây là một thành ngữ được sử dụng rộng rãi trong Thiền tông Trung Hoa và được du nhập vào Việt nam. Rất nhiều người hiểu thành ngữ "đối ăn khát uống" trong ngữ cảnh ăn uống, bởi họ không biết xuất xứ, không biết ngữ cảnh của thành ngữ này. Nếu như không biết ngữ cảnh của câu nói "cửa miệng" của Thiền tông Trung Hoa thì sẽ hiểu sai lạc thành ngữ đó, cho là nói chuyện ăn, chuyện uống. Ví như một người bà nói với cháu khi đùa vui: cha bố mày, hoặc khi giận giữ cũng nói: cha bố mày. Hai câu nói đó có ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau vì ngữ cảnh khác nhau.

Trong văn học Thiền Việt nam thành ngữ này được nhắc đến hai lần (theo sự hiểu biết của người viết) đó là trong bài Cư Trần Lạc Đạo của Trần Nhân Tông và trong lần gặp gỡ của Từ Đạo Hạnh với sư Sùng Phạm.

- Với Cư Trần Lạc Đạo:

*Ở đời vui đạo, mặc tùy duyên
Lúc đói thời ăn, mệt ngủ liền
Của báu đầy nhà thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm, chẳng hỏi thiền.*

Có thể có nhiều cách giải thích, nhiều cách hiểu ý nghĩa của đoạn thơ này tùy theo hiểu biết và kinh nghiệm riêng của mỗi người, nhưng ý nghĩa thật sự của bài thơ thì chỉ Trần Nhân Tông mới biết. Sau đây là một lý giải về bài

thơ đó. "Ở đời vui đạo " là một công thức sống, một triết lý sống rất cao đẹp. Đời là bể khổ, đời vui ít khổ nhiều, náo nhiều mà sự nguy hiểm lại càng nhiều hơn, cái vui của đời chỉ là phù du giả tạm, không thể vui với cái vui ấy. Vậy thì hãy tìm niềm vui trong sự tu hành, vui ấy mới là cái vui cao thượng. Đây là một triết lý sống cao thượng, hãy tuân thủ và tôn sùng triết lý cao thượng ấy, hãy gắn chặt cuộc sống của mình vào triết lý cao thượng ấy. Nhưng câu trả lời của bài thơ này là Không. Bởi một triết lý, một lý tưởng, một hệ tư tưởng có cao đẹp, có hoàn hảo bao nhiêu đi nữa vẫn là sản phẩm sáng tạo của bộ óc con người với cái hiểu biết một chiều, phiến diện, cực đoan và sai sự thật và vì vậy chính cái triết lý đó, cái lý tưởng, hệ tư tưởng cao đẹp đó sẽ trói buộc con người, chính con người tự giam hãm mình bằng chính cái tự mình tạo nên. Triết lý, lý tưởng, hệ tư tưởng càng cao đẹp bao nhiêu thì càng trói chặt con người bấy nhiêu

Nguyên bản tiếng Hán là: Cư trần lạc đạo thả tùy duyên. Thả có nghĩa là thả ra, buông ra nghĩa là mặc kệ nó, không màng đến cái triết lý cao siêu kia. Vậy phải sống như thế nào? Phải tùy duyên nghĩa là phải thích nghi với mọi hoàn cảnh dễ chịu cũng như khó chịu. Thích nghi cũng có nghĩa là không yêu thích, không chán ghét bất kỳ một hoàn cảnh nào, bình thản với mọi hoàn cảnh. Khi đối diện với hoàn cảnh mà tâm thích nghi, không yêu thích (không có Tham), không chán ghét (không có Sân) bình thản thì sẽ rất bình an, đó chính là hết Khổ. Nhưng phải sống tùy duyên như thế nào? Sự tùy duyên phải xảy ra một cách "Tự

Ai sẽ giải thoát?

nhiên như nhiên “không cần nỗ lực cố gắng như là đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ không cần một cố gắng nỗ lực nào hết. Vậy thì câu: Lúc đói thì ăn mệt ngủ liền, là bỏ ngữ cho hai chữ tùy duyên, nói lên phải đạt được tùy duyên một cách tự nhiên như nhiên chứ ý nghĩa của nó không phải là ăn gì hay ăn như thế nào.

Của báu đầy nhà thôi tìm kiếm, ý nói: một người đã sống tùy duyên được như vậy thì đã hết Khổ, người đó không cần bất cứ một cái gì khác nữa. Đối với người Phàm cho rằng phải có nhiều của báu, vì của báu sẽ làm cho họ hết Khổ và do vậy họ khát khao tìm cầu của báu. Đối với người đã hết Khổ, họ sẽ không còn tìm của báu nữa.

Đối cảnh vô tâm chẳng hỏi thiền. Câu này thì hoàn toàn mơ hồ không thể biện minh được. Vô tâm hay là không có tâm chỉ xảy ra khi người đó ngủ say không mộng mỵ, gây mê sâu khi mổ hoặc ngất đi trong một tai nạn, còn ngoài các trường hợp đó ra, đối cảnh nhất định là có thấy, có nghe, có cảm nhận, có nhận thức nghĩa là có tâm chứ không thể vô tâm. Các bậc Giác Ngộ có lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, khi đối cảnh các vị thấy nghe, cảm nhận với cái biết Tỉnh Giác, vẫn có Chánh Tư Duy, Chánh Kiến, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Đối với chư vị không có Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si, không có Tâm Khổ mà thôi. Lúc không có Tham Sân Si Khổ thì đang ở trong Bát Chánh Đạo, đang ở trong Chánh Định thì đâu còn hỏi thiền nọ với thiền kia. Vô tâm phải được hiểu là không có tâm Tham, tâm Sân, tâm Si

Ai sẽ giải thoát?

- Với Từ Đạo Hạnh và sư Sùng Phạm: Từ Đạo Hạnh vân du tìm kiếm một bậc cao minh chỉ giáo, hầu giải quyết nghi vấn của mình. Gặp vị nào ông cũng chỉ dùng một bài kệ để hỏi Đạo.

*Lặn trong bụi đời tự bấy lâu
Chân Tâm vàng ngọc biết tìm đâu
Cúi xin chỉ rõ bày phương tiện
Thấy được Chân như sạch khổ sầu.*

Ông đã gặp nhiều vị cao tăng nhưng không ai giải quyết được cho ông cái nghi vấn ấy. Đến một ngày ông gặp sư Sùng Phạm và dùng kệ để hỏi thì Sùng Phạm quắc mắt lên và hỏi lại: Thế cái gì không phải là Chân tâm? Hốt nhiên Đạo Hạnh tỏ ngộ, sụp xuống lạy và hỏi: Làm thế nào để giữ gìn? Sùng Phạm trả lời: Đói ăn khát uống. Đoạn văn này có thể lý giải như sau: Từ Đạo Hạnh vân du tìm thầy hỏi đạo với một mối nghi đã kết khối, một nghi tình làm ông không ăn ngủ được vì nó. Đó là "Chân Tâm là cái gì"? Câu hỏi này chiếm cứ tâm ông đến nỗi ông không còn quan tâm tới bất cứ cái gì trên đời, mà chỉ xoay quanh, hay trực chỉ nghi tình để phá vỡ nó. Nhân sự quắc mắt và lặp lại câu hỏi của sư Sùng Phạm mà hốt nhiên khối nghi tình đột nhiên rơi rụng, và lộ rạng một khoảng "lặng". Khoảng "lặng" đó chính là Xả, nó đầy bình an. Đã bao lâu ông khổ sở vì chỉ duy nhất một mối nghi tình đó, những cái khác ông không quan tâm, đã buông xả nay thì cái ràng buộc cuối cùng cũng được cắt đứt. Đó cũng chính là Giải Thoát và Từ Đạo Hạnh tỏ ngộ là tỏ ngộ cái giây lát có khoảng lặng, tức là Tâm Xả ấy chứ không phải hiểu ra Chân Tâm

Ai sẽ giải thoát?

là gì. Rồi khoảng lặng ấy biến mất, vì vậy Từ Đạo Hạnh mới hỏi: Làm thế nào để giữ gìn (cái khoảng lặng ấy)? Sùng Phạm trả lời: Đói ăn khát uống, nghĩa là nó phải xảy ra một cách tự nhiên như nhiên như là đói ăn khát uống.

Thiền tông Trung Hoa đã dùng rất nhiều phương cách, sáng tạo ra rất nhiều thủ thuật để giúp Thiền sinh có được khoảng lặng và kinh nghiệm khoảng lặng đó. Đặc biệt là các công án, nó tạo ra một khối nghi tình và Thiền sinh đau khổ, vật vã với khối nghi đó, toàn bộ cuộc sống của họ hoà làm một với khối nghi, mọi chuyện khác đều được dẹp bỏ, không dính mắc, không ràng buộc. Khi khối nghi lên đến đỉnh điểm thì hoặc phát điên (nếu thần kinh yếu) hoặc là tự động rơi xuống. Lúc đó xuất hiện khoảng lặng, đó chính là buông xả khối nghi tình, cũng là buông xả tất cả (những cái khác đã buông trước đó), đây là Xả, một trạng thái bình an, hết Khổ. Nó là một trạng thái khác hẳn trước đó, đầy nghi ngờ, căng thẳng khổ sở nên Thiền sinh sẽ cảm nhận nó đầy cảm hứng. Trạng thái này kéo dài bao lâu thì tùy thuộc vào nghi, nghi lớn ngộ lớn, nghi nhỏ ngộ nhỏ nghĩa là ngộ lớn hay nhỏ là thời gian của khoảng lặng đó kéo dài bao lâu. Trạng thái Xả này cũng có thể xảy đến một cách tự nhiên không cần công án. Ví như khi một người đàn bà đau đẻ, lúc đó cơn đau quá lớn chi phối toàn bộ tâm nên họ chỉ chú tâm trên cơn đau, nỗ lực chịu đựng cơn đau, mọi thứ còn lại dường như không tồn tại nên khi đứa con tụt ra, cơn đau cùng với sự nỗ lực cũng chấm dứt. Lúc ấy khoảng "lặng" xuất hiện đầy bình an vắng mặt khổ đau. Đó cũng chính là Xả là giải thoát nhưng nó chỉ tồn tại

Ai sẽ giải thoát?

trong 5 đến 10 giây gì đó thôi. Trong cuộc sống của đời thường khi có một việc làm gì phải cố gắng quá sức, khi kết thúc nó thì cũng có một khoảng lặng nhỏ tương tự xảy ra.

Khái niệm ngộ của Thiền tông là kinh nghiệm trạng thái Xả và kinh nghiệm này chỉ tồn tại trong những khoảng khắc ngắn ngủi nên câu hỏi được đặt ra là làm thế nào để giữ gìn, sống thường xuyên với trạng thái Xả ấy. Các vị Tổ trả lời không thể có cố gắng nỗ lực mà giữ được, mà phải tự nhiên như nhiên như là đói ăn khát uống vậy. Tuy câu này trở thành một thành ngữ, một câu nói cửa miệng của Thiền tông nhưng vẫn là một thách đố: làm thế nào để nó khởi lên tự nhiên như nhiên như là đói ăn khát uống. Không có một diễn giảng, một phân tích, một hướng dẫn thực hành nào được nói lên. Vì thế các vị Tổ Thiền tông cũng chỉ dùng từ Ngộ chứ không có ai nói Giác Ngộ. Nổi tiếng như Triệu Châu ngộ lớn, ngộ nhỏ trên dưới 20 lần nhưng rõ ràng chưa sống được thường xuyên với trạng thái Xả ấy, nên mới ngộ đi ngộ lại như vậy. Chính vì không sống được thường xuyên với trạng thái Ngộ ấy nên Thiền tông mới tuyên bố: Lý tuy đôn ngộ, sự phải tiệm tu.

Trạng thái Xả mà Thiền tông Trung Hoa kinh nghiệm do các thủ thuật mà có được, không có con đường, không có một phương pháp, một định luật phổ quát để đạt được và an trú lâu dài, nó là kinh nghiệm cá nhân không phải là sự thật phổ quát. Xả đó cũng giống như Xả của Tam thiền và Tứ thiền nhưng Xả của Tam thiền và Tứ thiền lại có phương pháp, nếu tu tập đúng lời dạy của Đức

Ai sẽ giải thoát?

Thế Tôn thì bất kỳ ai cũng có thể chứng ngộ và an trú bao lâu tùy theo ý muốn vì thế Xả của Tam thiên và Tứ thiên là Sự Thật phổ quát, là Chân Lý chứ không phải kinh nghiệm cá nhân. Xả của Tam thiên hoặc Tứ thiên có thể an trú liên tục và bao lâu thời gian tùy theo ý muốn nhưng nó phải do tu tập Chánh Định mới chứng ngộ và an trú, chưa phải khởi lên một cách tự nhiên như nhiên.

Có một Xả còn cao hơn Xả của Tứ thiên đó là Xả trong Xả Giác Chi, là Giải Thoát viên mãn nhất. Xả này phát sinh do Chánh Kiến là Trí Tuệ trong lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, theo lộ trình Văn Tư Tu. Khi Chánh Kiến được tu tập, được làm cho viên mãn bao gồm: Hiểu biết như thật về Duyên khởi, về Vô thường, Vô ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo thì buông xả (Xả) sẽ xảy ra một cách tự nhiên như nhiên như là đói ăn khát uống vậy. Ví như có một người đi đường nhìn thấy một bao ni lông đen bóng mượt, căng phồng, buộc chặt đặt ở ven đường vắng vẻ không ai qua lại. Người này dừng lại tò mò tự hỏi: không biết là của ai, trong đó có gì nhỉ? Càng nhìn sự tò mò càng tăng thêm, muốn biết nó đựng cái gì càng tăng trưởng và do không thấy có ai, anh ta mở ra xem thử. Hối hộp chờ đợi nhưng khi mở ra thấy chỉ là rác rưởi dơ thối người ta quăng bỏ thì anh ta mới bỏ đi không ngoái đầu nhìn lại. Cũng y như vậy khi Thấy biết như thật Duyên khởi, Thấy biết như thật Tứ Thánh Đế thì sự buông xả cũng xảy ra như vậy, một cách tự nhiên như nhiên như đói ăn khát uống.

NĂM UẨN VÀ NĂM THỦ UẨN

1- Năm uẩn

Năm uẩn và Năm Thủ uẩn là những thuật ngữ Phật học nói về hai khái niệm phổ thông trong Phật học, nhưng phần đông hiểu nó một cách mơ hồ trừu tượng. Đa phần cho nó như năm thành tố kết hợp với nhau để tạo thành một chúng sinh giống như cột, kèo rui mè ngói... kết hợp với nhau để tạo thành một căn nhà. Năm uẩn là Thực tại của mỗi chúng sinh, cũng là tất cả pháp của một người (Danh và Sắc) được chia thành Năm nhóm: Sắc Thọ Tướng Hành và Thức mà tiếng Hán gọi là Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn. Đối với một người ngũ say không mộng my, gây mê sâu khi mê, ngất đi trong một tai nạn lúc đó vẫn có Sắc tức thân thể đang sống nhưng sáu căn không hoạt động và Danh là lượng thông tin tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm học hỏi tích lũy được lưu trong "kho chứa" Trong các trường hợp này không có Thọ Tướng Hành Thức. Khi một người thức tỉnh, sáu căn tiếp xúc sáu trần phát sinh sáu cảm thọ và sáu cái biết trực tiếp biết như thật sáu cảm thọ ấy. Đó là: Cảm thọ hình ảnh, Cảm thọ âm thanh, Cảm thọ mùi, Cảm thọ vị, Cảm thọ xúc chạm, Cảm thọ pháp trần và Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức. Sáu cái biết trực tiếp này chính là thấy nghe cảm nhận đối tượng (sáu cảm thọ) gọi là nhận thức cảm tính. Tiếp đến Tư duy khởi lên tìm hiểu đối tượng, tư duy sẽ phân tích so sánh đối chiếu thông

Ai sẽ giải thoát?

tin về đối tượng được nhận thức cảm tính cung cấp với những thông tin về tri thức hiểu biết đã tích lũy trong "kho chứa". Nhưng không thể nào đối chiếu với tất cả lượng thông tin khổng lồ này nên phải có Niệm kích hoạt, dò tìm thông tin cần thiết để đối chiếu (niệm nói nôm na là trí nhớ). Niệm và Tư duy như vậy sẽ phát sinh cái biết Ý thức biết đối tượng đó là cái gì, dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Do có cái biết Ý thức như vậy mới phát sinh thái độ Thích hay Ghét (Tham hay Sân) đối với đối tượng Dễ chịu hay Khó chịu hoặc tìm kiếm một đối tượng Dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính (gọi là Si). Đối với trường hợp Tham và Sân sẽ tiếp tục phát sinh hành vi chú tâm vào đối tượng (gọi là Định) và khởi lên mong muốn có được đối tượng hoặc xa lánh đối tượng (gọi là Dục). Có Dục như vậy sẽ phát sinh nỗ lực cố gắng để đạt được Dục (gọi là Tinh Tấn). Tiếp đến sẽ tác ý làm phát sinh lời nói, hành động để đạt được Dục và do vậy mà phát sinh Khổ thân và Khổ tâm. Lộ trình kết thúc tại đây nhưng một Xúc khác lại phát sinh và một lộ trình tương tự lại tiếp diễn... Đây là Thực tại của người Phàm và đây cũng là Tất Cả Pháp bao gồm Danh và Sắc. Sơ đồ của lộ trình này gọi là Bát Tà Đạo như sau:

Căn

Trần \supseteq Xúc \rightarrow Thọ \rightarrow Tưởng \rightarrow Tà Niệm \rightarrow Tà Tư
Duy \rightarrow Tà Tri Kiến (Ý thức) \rightarrow Tham Sân Si \rightarrow Tà Định
 \rightarrow Dục \rightarrow Tà Tinh Tấn \rightarrow Phi Như Lý tác ý \rightarrow Tà ngữ Tà
nghiệp Tà mạng \rightarrow Sầu bi khổ ưu não Sinh Già Bệnh Chết.

Ai sẽ giải thoát?

Toàn bộ Thực tại hay toàn bộ Danh và Sắc này có thể được chia làm năm nhóm Sắc Thọ Tướng Hành Thức cho dễ gọi, dễ diễn tả và thuật ngữ Hán Việt gọi là Năm Uẩn.

- Nhóm Sắc bao gồm: sáu căn và năm trần cụ thể là Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý và Sắc trần, Thanh trần, Hương trần, Vị trần, Xúc trần.

- Nhóm Thọ bao gồm sáu thọ: Cảm thọ hình ảnh, Cảm thọ âm thanh, Cảm thọ mùi, Cảm thọ vị, Cảm thọ xúc chạm và Cảm thọ pháp trần.

- Nhóm Tướng bao gồm sáu cái biết trực tiếp giác quan:

Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức.

- Nhóm Hành bao gồm: Tà Niệm, Tà Tư duy, Tham Sân Si, Tà Định, Dục, Tà Tinh Tấn, Phi hỷ lý tác ý, Tà ngữ Tà nghiệp, Tà mạng, Khổ.

- Nhóm thức chính là Ý thức (Tà Tri Kiến)

a- Năm uẩn vô thường: Tất cả các pháp thuộc Năm uẩn do duyên Xúc mà phát sinh theo Lý Duyên Khởi: Hai nhân tiếp xúc với nhau cùng diệt mới phát sinh quả (nhân diệt quả sinh) ví như gói thuốc nhuộm đỏ và chậu nước trong tiếp xúc với nhau rồi cùng diệt đi mới phát sinh chậu thuốc nhuộm đỏ hay một bì thóc giống tiếp xúc với đám

Ai sẽ giải thoát?

ruộng được cày bừa kỹ, sau vài ba ngày phát sinh ruộng mạ, khi đó bao thóc và thửa ruộng được cày bừa kỹ đã diệt, cũng tại đó khi ruộng lúa có bông xuất hiện thì ruộng mạ diệt, khi bao thóc xuất hiện (gặt) thì ruộng lúa có bông diệt, khi bao thóc đổ diệt (xay xát) thì bao gạo mới phát sinh...

- Căn Trần tiếp xúc rồi cùng diệt sẽ phát sinh Thọ → Tướng (cùng Căn Trần mới), Thọ → Tướng diệt Tà Niệm sinh, Tà Niệm diệt Tà Tư Duy sinh, Tà tư Duy diệt Tà Tri Kiến sinh, Tà Tri Kiến diệt Tham Sân Si sinh... Như vậy đây là lộ trình sinh diệt theo thứ lớp, tuần tự chứ không phải tất cả cùng sinh lên rồi cùng diệt đi. Và như vậy Tâm là một phạm trù bao gồm nhiều Danh pháp đang sinh lên rồi diệt đi liên tiếp nhau và tại một thời điểm chỉ có một Danh pháp duy nhất. Thí dụ như tại thời điểm có Tà Định thì những gì đằng trước nó (như Tà Tri Kiến, Tham Sân Si chẳng hạn) đã diệt và những Danh pháp đằng sau nó chưa sinh nên chỉ có Tà Định là duy nhất không có một Danh pháp nào khác nữa và rồi Tà Định diệt, Dục sinh lên cũng duy nhất y như vậy. Như vậy Năm uẩn là một lộ trình sinh diệt theo tuần tự: Sắc Thọ Tướng Hành Thức Hành chứ không phải là năm yếu tố cùng đồng thời tồn tại cấu thành một chúng sinh. Thấy Pháp sinh diệt là thấy sự sinh diệt của Năm uẩn. Pháp Cú có nói:

*Ai sống một trăm năm
Không thấy Pháp sinh diệt
Tốt hơn sống một ngày
Thấy được Pháp sinh diệt.*

Ai sẽ giải thoát?

- Lộ trình sinh diệt của Bát Tà Đạo cũng là lộ trình sinh diệt của Năm uẩn và nó không xảy ra nhất nhất giống nhau mà nó có thể kết thúc ở một chỗ nào đó. Có những lộ trình kết thúc ở Tưởng, có lộ trình ở Ý thức, có lộ trình ở Dục... tùy theo Xúc tiếp theo như thế nào.

- Trong ba trường hợp, ngủ say không mộng mỵ, gây mê sâu khi mổ, ngất đi trong tai nạn thì không có lộ trình tâm nào hết, biểu hiện là không có cái biết nào hết, vì lúc đó các Căn ngưng hoạt động nên không có Xúc.

b- Năm uẩn vô ngã: Khi một Danh pháp trong Năm uẩn sinh lên thì chỉ trợ trợ một mình nó nên nó độc lập, không có bất kỳ pháp nào sở hữu, chủ nhân nó. Vì vậy nó vô chủ cũng có nghĩa không có một cái Ta nào là chủ nhân của nó nên nó vô ngã

2- Năm Thủ uẩn: Vì không biết như thật Năm uẩn vô thường, vô ngã nên kẻ Phàm chấp thủ một cái Ta là chủ nhân của Năm uẩn làm khởi lên Năm Thủ uẩn. Đó chính là Tà Tri Kiến là Ý thức vô minh trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo khởi lên:

- Sắc này là của Ta, là Ta: Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý là của Ta, là Ta. Nhà của Ta, xe của Ta, con của Ta, đất nước của Ta, quả đất của Ta... Những tư tưởng đó chính là Sắc Thủ uẩn.

Ai sẽ giải thoát?

- Thọ này là của Ta, là Ta như Ta đau, Ta ngứa, Ta đói, Ta hạnh phúc, Ta đau khổ... Những tư tưởng đó là Thọ Thủ uẩn

- Tưởng này là của Ta, là Ta như Ta thấy, Ta nghe, Ta ngửi, Ta nếm, Ta xúc chạm... Những tư tưởng đó chính là Tưởng Thủ uẩn

- Hành này là của Ta, là Ta: Ta tư duy, Ta nhớ nghĩ, Ta nói, Ta làm, Ta muốn Ta nỗ lực... Những tư tưởng như vậy là Hành Thủ uẩn

- Ta nhận thức, Ta hiểu biết, hiểu biết này là của Ta. Đây là Thức Thủ uẩn.

Như vậy Năm Thủ uẩn chính là Tà kiến không có thật như lông rùa sừng thỏ, như hoa đốm hư không do mắt nhậm tạo ra. Tất cả kẻ Phàm đang sống với Năm Thủ uẩn, sông với cái không có thật, sông với lông rùa sừng thỏ. Năm uẩn tuy vô thường, vô ngã nhưng nó có thật nên Năm uẩn không thể là Không mà chính Năm Thủ uẩn mới không có thật mới là Không. Năm Thủ uẩn sẽ khởi lên Khổ nên nói Năm Thủ uẩn là Khổ, Năm Thủ uẩn là gánh nặng. Quán đoạn diệt tức là đoạn diệt Năm Thủ uẩn, đoạn diệt chấp thủ một cái Ta (Bản Ngã) là chủ nhân, chủ sở hữu Năm Uẩn.

CHÁP NGÃ TỪ ĐÂU SANH?

Các Pháp đều vô ngã, nghĩa là các Pháp vô hộ, vô chủ, vô sở hữu, nghĩa là không có bất kỳ một cái gì bảo hộ, chủ nhân, chủ sở hữu pháp đó, cũng có nghĩa là không có một cái Ta nào là chủ nhân, chủ sở hữu pháp đó nên gọi là Vô Ngã (tiếng Việt gọi là Ta, tiếng Hán gọi là Ngã). Đây là sự thật không phải Đức Phật sáng tạo ra mà là Đức Phật phát hiện ra. Sự thật vô ngã sẽ được mỗi người tự biết khi quán sát Lý Duyên Khởi: Hai nhân tiếp xúc với nhau rồi cùng diệt mới phát sinh quả. Quả ấy phát sinh do hai nhân tiếp xúc với nhau (duyên Xúc) mà phát sinh nên gọi là Pháp duyên khởi. Ví như gói thuốc nhuộm đỏ tiếp xúc với chậu nước trong rồi cả hai cùng diệt và phát sinh chậu thuốc nhuộm đỏ. Chậu thuốc nhuộm đỏ lúc này không có quan hệ gì với hai nhân đã diệt, nó độc lập, vô chủ, vô sở hữu. Tiếp đến chậu thuốc nhuộm đỏ tiếp xúc với cái áo trắng và cả hai cùng diệt phát sinh cái áo đỏ và một chậu thuốc nhuộm đỏ mới khác. Đối với lúc này, cái áo trắng và chậu thuốc nhuộm là hai nhân bình đẳng nhau, không nhân nào là chính, không nhân nào là phụ và giữa chúng không có cái nào là chủ nhân của cái nào, không cái nào sở hữu cái nào mà chỉ là chúng tương tác với nhau (Xúc) rồi cùng diệt. Như vậy quán sát theo thời gian và không gian chậu thuốc nhuộm đều vô chủ, vô sở hữu (vô ngã). Các Sắc pháp đều phát sinh theo Duyên khởi như vậy và các Danh pháp cũng phát sinh tương tự. Ví như có viên đường và lưỡi là hai nhân khi tiếp xúc với nhau thì cả hai cùng diệt và phát

Ai sẽ giải thoát?

sinh cảm giác vị ngọt (lưỡi cũ "diệt" lưỡi mới "sinh"). Cảm giác vị này là Danh pháp nó hoàn toàn vô chủ, vô sở hữu, không có cái Ta nào chủ nhân của nó, sở hữu nó, điều khiển nó, có thể kéo dài nó ra được nên nó Vô ngã. Tất cả các Sắc pháp và Danh pháp được chia làm năm nhóm Sắc Thọ Tưởng Hành Thức hay Năm Uẩn đều là Pháp duyên khởi và đều có tính chất Vô Ngã.

Đối với kẻ Phàm, hiểu biết của họ là có một cái Ta (Ngã) là chủ nhân, chủ sở hữu của Năm Uẩn và họ sống với hiểu biết: Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận, Ta nhận thức, Ta đói, Ta no, Ta nói năng, Ta hành động, Ta hạnh phúc, Ta khổ đau, Ta tạo nghiệp, Ta gặt hái quả của nghiệp, nhà của Ta, xe của Ta, đất nước của Ta, cuộc sống của Ta, quả đất của Ta... Hiểu biết đó gọi là Năm Thủ Uẩn. Khi sống với hiểu biết có một cái Ta như vậy thì xung đột sẽ xảy ra. Mẹ nghĩ con là của Ta thì mẹ sẽ thương yêu, săn sóc, lo lắng cho con nhưng Ta sẽ điều khiển con, con phải nghe và làm theo Ta. Nhưng con cũng nghĩ mẹ là của Ta, Ta sẽ chăm sóc, thương yêu, phục vụ mẹ nhưng mẹ phải nghe Ta, mẹ phải làm theo Ta, Ta điều khiển mẹ. Và như vậy hai cái Ta đó điều khiển nhau và xung đột phải xảy ra. Nguyên nhân của sự xung đột trong một gia đình, trong một gia tộc, trong một đất nước, trong một tôn giáo, hay giữa các gia đình, giữa các gia tộc, giai cấp, quốc gia, tôn giáo chính do chấp vào cái Ta, cái Bản Ngã này. Cuộc sống của con người xoay quanh cái Ta đó, vinh danh cái Ta đó, phục vụ, bảo vệ cái Ta đó, và đặc biệt là tìm cầu hạnh phúc cho cái Ta ấy. Chính sự khao khát tìm cầu hạnh

phúc (hỷ lạc) chỗ này chỗ kia như Dục Lạc (gọi là Dục hỷ Dục lạc), như ở sự sống, sự Hiện Hữu (Gọi là Dục hỷ Hữu), như ở Niết bàn (gọi là Dục hỷ Niết bàn) chính là Nguyên nhân phát sinh Khổ nên kinh nói: Năm Thủ Uẩn là khổ, Năm Thủ Uẩn là gánh nặng.

1- Năm Uẩn vốn vô ngã, vậy chấp ngã như vậy từ đâu sanh? Đức Phật đã giảng điều này trong bài Kinh Pháp Môn Căn Bản, bản kinh số một của Trung Bộ Kinh. Nội dung của Kinh đề cập đến cái biết của bốn hạng người là: Phàm phu, Hữu học, A La Hán và Như Lai. Đối với cái biết của Phàm phu Đức Phật đã giới thiệu cái biết với rất nhiều đối tượng nhưng xảy ra theo cùng một kiểu: kẻ Phàm phu tưởng tri địa đại là địa đại, do tưởng tri địa đại là địa đại, người ấy nghĩ đến địa đại, người ấy đối chiếu tự ngã với địa đại, người ấy nghĩ địa đại là của ta, người ấy nghĩ ta là địa đại, dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói rằng người ấy không liễu tri địa đại. Ý nghĩa của đoạn kinh này như sau: Sau khi thấy, nghe, cảm nhận đối tượng (tức biết đối tượng với cái biết Trực tiếp giác quan hay Nhận thức cảm tính) thì tư duy tìm hiểu đối tượng khởi lên (nghĩ đến địa đại). Tư duy tìm hiểu sẽ phát sinh cái biết Ý thức có nội dung: Ta biết đối tượng (đối chiếu tự ngã với địa đại) đây là Ngã kiến, đối tượng là của Ta, là Ta (địa đại là ta, là của ta) đây là Ngã sở kiến và có một nội dung nữa là Ta hơn, kém hay bằng đối tượng (đối chiếu tự ngã với địa đại) gọi là Ngã mạn tùy miên. Đây là cái biết Ý thức nhị nguyên có chủ thể biết là một cái Ta có nội dung mà Kinh thường đề cập là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Cái Ta

Ai sẽ giải thoát?

này xuất hiện khi Tư duy về các đối tượng được thấy, nghe, cảm nhận. Hãy quán sát tỉ mỉ hơn về lộ trình này. Trước tiên hãy hiểu về Pháp trần. Mỗi một người phải có một "kho chứa" lượng thông tin về những cái đã biết trong quá khứ vì nếu lượng thông tin đó không được lưu lại thì không thể nhớ gì về quá khứ được. Ví như một người chưa từng học đi xe đạp, chưa có kinh nghiệm đi xe đạp thì nếu bây giờ đã 80 tuổi nhưng vẫn khoẻ mạnh ngồi lên xe đạp không thể nào điều khiển đạp xe đi được. Nếu một người lúc nhỏ đã đi xe đạp thành thạo bỏ đi 60 năm không đạp xe, bây giờ nếu còn khoẻ mạnh người đó vẫn đạp xe đi như thường. Điều này chứng tỏ kinh nghiệm đi xe đạp phải được lưu giữ trong kho chứa không hề mất. Một đứa trẻ lúc mới đẻ không biết to nhỏ xanh vàng đỏ trắng mặn ngọt chua cay, chưa biết nói, chưa biết chữ...nó phải học hỏi và những thông tin đó được lưu vào kho chứa. Những thông tin trong kho chứa bao gồm những tri thức, kinh nghiệm, thói quen, tính cách, đam mê...đặc biệt là những hiểu biết không đúng sự thật về vô thường, vô ngã, không đúng sự thật về Khổ Tập Diệt Đạo gọi là Vô Minh, những tư tưởng ta, của ta như thân này, tâm này, mắt tai mũi lưỡi thân ý này là của ta, là ta, nhà của ta, xe của ta, quê hương ta, đất nước ta, quả đất ta... Lượng thông tin này gọi là Pháp trần là đối tượng của Ý cần được lưu giữ trong một kho chứa tương tự như ổ cứng máy vi tính. Những gì được thấy nghe, cảm nhận, nhận thức đều được lưu vào kho chứa.

Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần phát sinh sáu loại cảm giác (cảm thọ) và sáu cái biết trực tiếp, biết như thật sáu

Ai sẽ giải thoát?

cảm thọ ấy. Đó là nhãn thức (thấy), nhĩ thức (nghe), tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tướng thức (cảm nhận) là cái biết không tri thức, khái niệm, không phân biệt đối đãi, không ngôn từ chế định. Cái biết này giống như một đứa trẻ mới đẻ tức thì nó vẫn thấy nghe, cảm nhận đối tượng nhưng không biết đó là cái gì nên sau đó tư duy khởi lên để tìm hiểu đối tượng. Tư duy là hành vi phân tích, so sánh, đối chiếu lượng thông tin do cái biết trực tiếp cung cấp với lượng thông tin trong kho chứa và sẽ phát sinh kết luận cái đó là cái gì, chính cái biết đó là Ý thức. Nhưng vì lượng thông tin trong kho chứa quá lớn không thể nào đối chiếu với tất cả được nên sẽ có một hành vi dò tìm, tìm kiếm lượng thông tin cần thiết cho tư duy. Hành vi đó theo từ Hán Việt là Niệm tương tự như trên mạng, lượng thông tin khổng lồ được lưu giữ trong các máy chủ khi một người cần tìm một thông tin ẩn Tìm kiếm thì công cụ dò tìm sẽ làm việc và máy sẽ cung cấp thông tin đó. Lộ trình được diễn tả bằng sơ đồ:

Xúc → Thọ (Cảm giác) -- Tướng → Niệm → Tư Duy → Ý Thức.

Trong sơ đồ này Thọ là sáu cảm giác và Tướng là sáu cái biết trực tiếp, biết như thật các cảm thọ đó. Ví như mắt tiếp xúc với Sắc trần (tỉ vi) phát sinh cảm giác hình ảnh và nhãn thức, nhãn thức thấy hình ảnh nhưng không biết đó là cái gì, Niệm sẽ kích hoạt các loại hình ảnh được lưu trong kho chứa, nếu trước đây đã từng thấy và biết hình ảnh tương tự, thì tư duy đối chiếu và kết luận, đây là cái tỉ

Ai sẽ giải thoát?

vi. Nếu trước đó chưa từng thấy ti vi thì niệm và tư duy sẽ kết luận không biết là cái gì

Ý thức do Niệm và Tư duy mà phát sinh nên nội dung của nó phản ánh nội dung các thông tin trong kho chứa, là những hiểu biết được thu thập trong quá khứ. Nội dung của Ý thức có hai phần: phần chủ thể biết và phần đối tượng được biết nên gọi là Ý thức nhị nguyên. Chủ thể biết là một cái Ta bao gồm: Ta biết, của Ta, Ta hơn, kém hay bằng như ngôn ngữ Hán Việt là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Đối tượng được biết là thế giới trần cảnh bên ngoài (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần) được xác định là dễ chịu, khó chịu hay trung tính (không dễ chịu, không khó chịu). Cả hai phần Chủ Thể và Đối Tượng đều sai sự thật vì các pháp là vô chủ, vô sở hữu nên không có cái Ta nào là chủ nhân, chủ sở hữu cái biết và đối tượng được biết là cảm thọ, là Tâm chứ không phải là Cảnh. Vậy cái biết Ý thức nhị nguyên sai sự thật, nó chính là Vô minh và trên lộ trình tâm này Vô minh đã xuất hiện còn lượng thông tin Vô minh trong kho chứa chỉ là nhân cho Vô minh hiện khởi ở đây.

Cái Ta xuất hiện trong cái biết Ý thức là do Niệm và Tư Duy nghĩa là Niệm kích hoạt các thông tin Vô minh, Ta, của Ta như mắt thấy sắc trần, tai nghe thanh trần, mũi ngửi hương trần... mắt của Ta, tai của Ta... và Tư duy đối chiếu với những thông tin đó làm phát sinh Ý thức nhị nguyên có Ta biết, có của Ta, có Ta hơn kém bằng. Ý thức nhị nguyên này lại được lưu vào kho chứa và nó lại làm nhân cho Niệm và Tư duy ở các lộ trình tâm sau. Vì vậy

Ai sẽ giải thoát?

Niệm này là Tà Niệm, Tư Duy này là Tà Tư Duy và Ý thức nhị nguyên này là Tà Tri Kiến,

Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà Tri Kiến (Ý thức). Khi cái biết Ý thức nhị nguyên đã khởi lên như vậy sẽ phát sinh Thái độ và Phản ứng với đối tượng và sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Đây chính là lộ trình tâm Bát Tà Đạo. Cái Ta không có thực, nó do Tà Niệm, Tà Tư Duy tạo ra, nó là lông rùa sừng thỏ. Ví như có người chồng đang chửi mắng đánh đập vợ con ngay trong ngôi nhà của mình thì tại thời điểm đó Niệm chỉ kích hoạt thông tin Thân Tâm này là Ta còn vợ con, tài sản không phải là Ta nên Ý thức cũng biết như vậy mới phát sinh hành vi đánh đập chửi rủa vợ con, anh ta sẽ không tự tay tát vào mặt mình vì đó là Ta. Xong đó anh ta đi ra đường và nếu có ai đó xúc phạm vợ con hoặc tài sản của anh ta thì anh ta sẽ phản ứng rất quyết liệt bởi lúc đó Niệm sẽ kích hoạt thông tin vợ con tài sản là của Ta và Ý thức biết như vậy nên phản ứng không phải như ở trong nhà. Tối hôm đó anh ta xem một trận đấu chung kết bóng đá giữa Việt nam và Thái lan nếu Việt nam thắng, anh ta reo mừng hớn hờ, bia rượu toi bời và giả sử có gặp người mà anh ta to tiếng lúc chiều thì anh ta vẫn vui vẻ mời rượu bia bởi bây giờ Niệm kích hoạt thông tin là từ Ải Nam quan tới mũi Cà mâu đều là của Ta. Cũng chính anh ta khi bay vào tàu vũ trụ, khi nhìn về quả đất thì tất cả quả đất này là Ta không còn phân biệt Việt nam hay Thái lan nữa. Một cái Ta thật sự vô lỗi như vậy chỉ là do Tà Niệm, Tà Tư Duy tạo ra mà thôi.

Ai sẽ giải thoát?

Nhiều người cho rằng tu là sửa đổi tâm này, thay đổi tâm này, làm chủ tâm này vì họ coi tâm như một thực thể mà không biết tâm là các lộ trình sinh diệt. Bản chất các lộ trình ấy Vô ngã nghĩa là không có Thượng đế, Đại ngã, một cái Ta nào hay bất cứ một ai có thể làm chủ, có thể thay đổi được nó, hễ lộ trình tâm Bát Tà Đạo khởi lên thì lập tức xuất hiện Cái Bản Ngã ảo tưởng. Nếu tu hành với tâm của Phàm phu với cái biết nhị nguyên này thì cho dù cố gắng gò ép, dùng một kỷ luật sắt đá để đàn áp bắt buộc nó bố thí, trì giới, tham thiền, làm việc từ thiện để trở thành người thánh thiện, một người hoàn hảo, một bậc thánh trước mặt người khác thì cũng đang tu để trở thành, trở thành một Bản ngã cao siêu, vĩ đại hơn, một Đại ngã. Bản chất tâm Bát Tà Đạo là chấp ngã nên càng thông thái bao nhiêu, càng thành tựu bao nhiêu, càng nổi tiếng bao nhiêu thì những thông tin ấy khi được lưu vào kho chứa là chất liệu cho Tà Niệm Tà Tư Duy vẽ ra một Bản ngã vĩ đại. Một người có Văn Tuệ và Tư Tuệ sâu sắc, đầy đủ về Duyên khởi, về vô thường, vô ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo nhưng không thực hành, lộ trình tâm vẫn là Bát Tà Đạo thì cũng Ngã mạn hơn người.

2- Con đường chấm dứt chấp ngã: không phải tu là sửa đổi BTĐ mà là đoạn diệt BTĐ, nghĩa là khi Tà Niệm diệt thì Tà Tư Duy diệt, lúc đó Tà Tri Kiến diệt, lúc đó chấp ngã diệt và cái Ta ảo tưởng diệt, Tham sân si diệt và toàn khối đau khổ diệt. Muốn BTĐ diệt (Diệt với ý nghĩa không khởi lên) thì Bát Chánh Đạo phải khởi lên. Vậy BCĐ khởi lên như thế nào?. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần

Ai sẽ giải thoát?

xảy ra lộ trình: Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng → đến đây Niệm sẽ khởi lên, nếu Niệm là Tà Niệm thì toàn bộ BTĐ sẽ tự động khởi lên theo nguyên lý duyên khởi, nếu Niệm là Chánh Niệm thì toàn bộ BCD sẽ tự động khởi lên theo nguyên lý duyên khởi. BCD sẽ khởi lên như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Kiến → Như Lý Tác Ý → Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng.

a- Khi một Hành giả toạ thiền với Niệm Thân hay Niệm Thọ: Mỗi một cảm giác khởi lên với cái biết trực tiếp thì Chánh Niệm (nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác nơi thân đối với Niệm Thân, nhớ đến chú tâm quán sát các cảm giác đối với Niệm Thọ) khởi lên sẽ phát sinh Chánh Tinh Tấn. Chánh Tinh Tấn sẽ phát sinh sự chú tâm quán sát các đối tượng (gọi là Chánh Định). Nhờ có sự chú tâm như vậy nên lộ trình tâm kết thúc tại đó, nhưng sự chú tâm đó cũng là duyên cho lộ trình tâm sau y như vậy trên cùng đối tượng phát sinh. Diễn tiến tiếp tục như vậy cho đến khi có một Xúc khác phát sinh thì lộ trình tâm trên đối tượng đó kết thúc và lộ trình tâm tương tự sẽ khởi lên nơi đối tượng mới. Lộ trình như vậy được diễn tả như sau:

Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác)

Nhờ sự chú tâm nên nhiều lộ trình tâm "nhảy đi nhảy lại" trên cùng đối tượng nên cảm thọ và cái biết trực

Ai sẽ giải thoát?

tiếp được "kéo dài" ra nên Hành giả kinh nghiệm được cái biết trực tiếp một cách minh bạch. Cái biết trực tiếp giác quan hay là nhận thức cảm tính này bây giờ có một tên gọi khác là Tỉnh Giác. Đa phần lộ trình tâm lúc tọa thiền với Niệm Thân và Niệm Thọ là như vậy nên lúc này chỉ có cái biết duy nhất là Tỉnh Giác, cái biết không tri thức khái niệm, không phân biệt đối đãi, không ngôn ngữ chế định nên Hành Giả kinh nghiệm được lúc đó không tồn tại một cái Ta nào hết, không có Ngã kiến, không có Ngã sở kiến, không có Ngã mạn tùy miên.

b- Khi Hành Giả Niệm Tâm và Niệm Pháp:

Sau khi thấy nghe, cảm nhận đối tượng, Chánh Niệm khởi lên (nhớ đến chú tâm quán sát tâm nơi tâm hoặc nhớ đến quán sát pháp nơi pháp) thì sẽ phát sinh Chánh Tỉnh Tấn và CTT sẽ làm phát sinh Chánh Định và do vậy sẽ biết đối tượng với cái biết Tỉnh Giác sau đó Chánh Tư Duy khởi lên. Nhưng bây giờ kho chứa của một Hành giả có Văn tuệ và Tư tuệ đã lưu thông tin Minh, tức hiểu biết như thật về Duyên khởi, về Vô thường, Vô ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo nên Chánh Niệm sẽ kích hoạt Minh chứ không kích hoạt Vô Minh, nên Chánh Tư Duy sẽ phân tích so sánh đối chiếu thông tin về đối tượng được Tỉnh giác cung cấp với Minh nên phát sinh cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Kiến không còn Ta, của Ta, Ta hơn, kém, bằng nữa. Phải quán sát thật kỹ để thấy Niệm kích hoạt thông tin gì thì nội dung của Ý thức thể hiện nội dung đó. Ví dụ như một người Mỹ da trắng không ăn thịt chó thì trong kho chứa của họ có thông tin: ăn thịt chó là hạ liệt, là

Ai sẽ giải thoát?

đê tiện, là ghê tởm. Khi người đó đi du lịch khám phá ẩm thực Việt nam, có người chơi khăm nên dẫn anh ta vào một cửa hàng thịt chó nguy trang rất kỹ lưỡng và mời anh ăn món ăn đặc sản. Vì háo hức khám phá món ăn Việt nên anh ta ăn món thịt chó xong khen ngon đáo để. Lúc đó mở hết nguy trang để cho anh biết là vừa ăn thịt chó thì anh ta ghê tởm và có thể nôn oẹ ra tại chỗ. Điều này cho thấy như sau: lúc đầu cảm nhận cảm giác vị ngon, Niệm sẽ kích hoạt các thông tin ngon dở trong kho chứa và Tư duy so sánh đối chiếu sẽ đưa đến Ý thức món ăn rất ngon, lúc sau khi tưởng lại và cảm nhận cái cảm giác vị đó thì Tư duy sẽ đối chiếu với thông tin được Niệm kích hoạt lần sau là ăn thịt chó là hạ liệt là đê tiện... Cũng y như vậy nếu Tà Niệm kích hoạt Vô Minh sẽ phát sinh Tà Tư Duy, sẽ phát sinh Tà Tri Kiến và sẽ có Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Nếu Chánh Niệm kích hoạt Minh sẽ phát sinh Chánh Tư Duy, sẽ phát sinh Chánh Kiến không có Ngã kiến, không có Ngã sở kiến, không có Ngã mạn tùy miên. Lộ trình khởi lên như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh
Tỉnh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy
→ Chánh Kiến.

Như vậy trên Bát Chánh Đạo, nhận thức cảm tính là cái biết Tỉnh Giác và nhận thức lý tính là Ý thức Chánh Kiến đều không có Ngã kiến, ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên tức không có sự Chấp Ngã.

Ai sẽ giải thoát?

Vậy con đường chấm dứt chấp ngã là Bát Chánh Đạo cũng là con đường chấm dứt Khổ. Để cho BCD khởi lên thì chỉ cần làm cho Chánh Niệm khởi lên nên các bài Kinh nói đến sự thực hành như Tứ Niệm Xứ, Niệm hơi thở vô, hơi thở ra và Thân Hành Niệm đều là sự thực hành Chánh Niệm. Nhưng Chánh Niệm cũng vô ngã không ai điều khiển được, vậy phải làm cách nào? Khi lượng thông tin do cái biết trực tiếp giác quan được truyền dẫn về các tế bào thần kinh não bộ sẽ xảy ra sự tương tác (Xúc) giữa nó với lượng thông tin Pháp trần (được lưu trong cấu trúc ADN của các tế bào trong đó có tế bào thần kinh não bộ) và do tương tác đó mà phát sinh Niệm. Nếu Vô Minh nổi trội hơn Minh thì Niệm đó là Tà Niệm, nếu Minh nổi trội hơn Vô Minh thì niệm đó là Chánh Niệm. Vậy duyên cho Chánh Niệm khởi lên là làm cho thông tin Minh nổi trội hơn Vô Minh bằng giữ giới, bằng trau dồi Văn Tuệ và Tư Tuệ.

Bát Chánh Đạo là con đường độc nhất chấm dứt chấp Ngã, chấm dứt Khổ không có một con đường thứ hai nào hết. Trong Kinh Kim Cương của Phật Giáo phát triển cũng bàn luận về Vô Tướng và Hữu Tướng. Kinh đó khẳng định: Bồ tát mà còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ tát. Ly tất cả tướng (đó) là Chư Phật tức không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Với lời văn này rất khó hiểu trọn vẹn ý nghĩa, nhưng có thể hiểu ý nghĩa đoạn văn trên như sau. Nếu thấy (biết) mà còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì cái thấy

Ai sẽ giải thoát?

(biết) đó là hư vọng, đó chính là thấy biết hữu tướng. Thấy biết của Chư Phật ly tất cả tướng, tức không có tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả gọi là thấy biết vô tướng. Thấy biết Hữu tướng là gì và tại sao nó là hư vọng? Đó chính là Ý thức nhị nguyên trong lộ trình tâm Bát Tà Đạo, ví như: Ta thấy ngôi nhà của Ta, ngôi nhà hình chóp rất to, màu vàng, rất đẹp. Cái thấy này là hữu tướng, tức đối tượng được thấy có tướng: chóp, to, vàng, đẹp. Các tướng này là thuộc tính của ngôi nhà và nó là vật chất, là tướng trạng của ngôi nhà. Các tướng này thường trú nơi ngôi nhà, là của ngôi nhà. (thấy như vậy gọi là Thường kiến và Ngã kiến). Sự thực các tướng ấy không phải của đối tượng được thấy mà đó là các Khái Niệm thuộc tâm thức áp đặt cho cái được thấy. Khi mới để ra đưa trẻ vẫn thấy hình ảnh đó nhưng trong cái thấy trực tiếp đó không có khái niệm: chóp, to, vàng, đẹp và đó là cái thấy như thật về đối tượng được thấy. Các khái niệm chóp, to, vàng, đẹp là các khái niệm được học hỏi, được lưu vào kho chứa, nó là tâm nhưng bị áp đặt cho hình ảnh được thấy và được chấp thủ là Cảnh, thường trú trong Cảnh, là của Cảnh. Với cái biết nhị nguyên như vậy thì sẽ chấp thủ cái được thấy là Cảnh, là Sắc pháp nên chấp thủ Sắc pháp đó là Ta (Đó là thấy tướng Ngã), chấp thủ Sắc pháp đó là Người khác (đó là thấy tướng Nhân) chấp thủ các Sắc pháp đó là Chúng Sanh (đó là thấy tướng Chúng Sanh) chấp thủ Sắc pháp và Danh pháp đó là Thọ Giả (Đó là thấy tướng Thọ Giả). Đây là cái biết có Tướng (tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng Sanh, tướng Thọ Giả) là Tà Tri Kiến trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo, là hư vọng. Trên lộ trình tâm Bát Chánh

Ai sẽ giải thoát?

Đạo, Chánh Kiến khởi lên là cái biết Ý thức đúng như thật không có Ta, của Ta, Ta hơn, kém, bằng, biết các đối tượng đó là các cảm thọ, là Tâm, nó Vô thường, Vô ngã, nó được ly tham. Cái biết Chánh Kiến này được gọi là Vô Tướng bởi nội dung của cái biết này là các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Tâm nên không có tướng, không còn chấp thủ các đối tượng đó là Cảnh, nên không còn tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng sanh, tướng Thọ giả. An trú cái biết Vô Tướng là an trú Vô Tướng Giải Thoát hay Tuệ Giải Thoát. Nếu rời sự thực hành Bát Chánh Đạo, rời lời dạy "nguyên chất" của Phật, tìm kiếm một phương pháp khác để chấm dứt chấp ngã thì cũng chỉ là Bát Tà Đạo và nó chỉ bành trướng ngã chấp mà thôi.

NĂNG KIẾN VÀ SỞ KIẾN

Năng kiến và sở kiến hay nói tắt là Năng và Sở là những thuật ngữ Phật học bằng tiếng Hán nhưng nếu hiểu theo tiếng Việt thì Năng kiến là Cái biết và Sở kiến là Cái bị biết hay Đối tượng của Cái biết

A→ Cái biết không phải chỉ có một loại mà nó có hai loại: Cái biết trực tiếp giác quan và cái biết Ý thức mà trong Tâm lý học gọi là Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính. Trong Cái biết trực tiếp giác quan lại có sáu cái tương ứng với các giác quan: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức gọi là nhóm Tưởng hay Tưởng uẩn.

1- Cái biết trực tiếp giác quan phát sinh do sáu căn tiếp xúc với sáu trần (duyên). Mắt duyên Sắc trần phát sinh Nhãn thức, Tai duyên Thanh trần phát sinh Nhĩ thức, Mũi duyên Hương trần phát sinh Tỉ thức, Lưỡi duyên Vị trần phát sinh Thiệt thức, Thân duyên Xúc trần phát sinh Thân thức, Ý duyên pháp trần phát sinh Tưởng thức. Một cách khác gọi cái biết trực tiếp này là Thấy (nhãn thức), Nghe (nhĩ thức), Cảm nhận (tỉ thức, thiệt thức, thân thức, tưởng thức). Một cách nói khác là Tưởng tri đối tượng (cái biết Tưởng) như trong Một số Kinh định nghĩa Tưởng là nhận biết đối tượng tức cũng đồng nghĩa với thấy nghe cảm nhận đối tượng.

Ai sẽ giải thoát?

Đây là cái biết như thực đối tượng ở cấp độ cảm tính, một cái biết không tri thức khái niệm, không phân biệt đối đãi, không ngôn từ chế định, không do học hỏi mà có mà người hay súc vật đều có. Trong cái biết trực tiếp giác quan này không có khái niệm to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm thô mịn... không có khái niệm mắt tai mũi lưỡi thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm nhân giới cho đến ý thức giới, không có khái niệm vô minh cũng như hết vô minh, không có khái niệm khổ tập diệt đạo.. Có thể hình dung ra nó là cái Thấy, Nghe, Cảm nhận của một đứa trẻ mới đẻ ra tức thì, nó vẫn Thấy Nghe, Cảm nhận các đối tượng nhưng không có biết đó là cái gì. Đây chính là Nhận thức cảm tính hay Cái biết trực tiếp giác quan thuần túy vì khi đó chưa có cái biết Ý thức xen vào. Đối với Nhận thức cảm tính này Thánh hay Phàm đều như nhau. Đối với người Phàm nó được gọi là Cái biết trực tiếp, Nhận thức cảm tính hay Tướng tri còn đối với bậc Thánh thì gọi là Tỉnh Giác, là Thắng tri hay Không tánh.

2- Cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính phát sinh do Tư duy tìm hiểu, xác định đối tượng được thấy, nghe, cảm nhận là gì, đối tượng đó dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Hành vi Tư duy là: phân tích, tổng hợp, so sánh, phán đoán, kết luận, trừu tượng, khái quát, nhưng hiểu một cách cơ bản là phân tích so sánh lượng thông tin của Cái biết trực tiếp với lượng thông tin về các đối tượng đã được biết trong quá khứ được lưu giữ trong "kho chứa". Hành vi Tư duy xảy ra được, phải do một hành vi là Niệm được hiểu

Ai sẽ giải thoát?

như một công cụ dò tìm thông tin cần thiết vì lượng thông tin trong kho chứa quá lớn không thể nào đối chiếu với tất cả được. Ví như trên mạng, lượng thông tin khổng lồ được lưu trong các máy chủ, khi cần tìm thông tin gì, người đó ấn Tìm kiếm thì lập tức "công cụ dò tìm" sẽ tìm kiếm trong các máy chủ và cung cấp thông tin đó. Như vậy Niệm và Tư duy sẽ làm phát sinh hiểu biết về đối tượng và đó là Cái biết Ý thức. Cái biết trực tiếp xảy ra nơi các giác quan bên ngoài còn Niệm, Tư duy, Ý thức phát sinh do Ý tiếp xúc với Pháp trần (tức lượng thông tin trong kho chứa). Nội dung của Ý thức phản ánh nội dung của các thông tin trong kho chứa, tức là những hiểu biết, kinh nghiệm, thói quen, xu hướng của người đó trong quá khứ đã được lưu trong kho chứa (còn được gọi là nghiệp) và như vậy Ý thức của người này khác với người kia, Thánh khác với Phàm, loài người khác loài vật, giữa các loài vật cũng hoàn toàn khác nhau. Sự khác nhau của Ý thức do hai nguyên nhân: Thứ nhất do lượng thông tin trong kho chứa phản ánh hiểu biết, kinh nghiệm, xu hướng... của con người trong quá khứ khác nhau nên Ý thức trong hiện tại sẽ khác nhau. Ví như một người ăn mắm tôm khen ngon, người khác thì xem là ghê tởm bởi những thông tin này đã lưu trong kho chứa từ trước. Ba anh thanh niên cùng thấy một cô gái nhưng một người cho là đẹp, người thứ hai cho là xấu còn người thứ ba cho là không đẹp không xấu vì lượng thông tin về lĩnh vực đó trong kho chứa của ba người khác nhau. Thứ hai do Niệm kích hoạt loại thông tin nào thì Tư duy sẽ đối chiếu với thông tin đó mà phát sinh Ý thức sai khác. Ví như một người đang thân thiết với một người khác thì lúc

Ai sẽ giải thoát?

đó Niệm chỉ kích hoạt các thông tin tốt đẹp của người này (tuy trong kho chứa vẫn đầy đủ cả thông tin tốt đẹp cũng như xấu xa của người đó) nên Ý thức xem là người tốt nhưng khi giận dữ người đó thì Niệm chỉ kích hoạt những thông tin xấu xa nên Ý thức xem là người xấu.

a- Cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính của người

Phàm: hiểu biết của con người là hiểu biết không đúng như thật các sự vật, hiện tượng (các pháp) trong đó có hiểu biết không đúng như thật về Khổ, Nguyên nhân Khổ, về Khổ Diệt và Con đường đưa đến Khổ Diệt gọi là Vô minh, chấp thủ một cái Ta là chủ nhân, chủ sở hữu của Danh và Sắc nên có các tư tưởng: cái này là của Ta, là Ta. Những thông tin Vô Minh, Ta của Ta này được cài đặt trong kho chứa và là thông tin nổi trội nhất trong kho chứa nên khi Niệm khởi lên bao giờ cũng kích hoạt thông tin Vô Minh, Ta của Ta trước nhất và Tư Duy sẽ đối chiếu với các thông tin đó nên nội dung của cái biết Ý thức xuất hiện một cái Ta chủ nhân, chủ thể biết, xuất hiện nội dung của Ta, Ta hơn, Ta kém, Ta bằng. Nội dung này Kinh thường đề cập là Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Vậy Ý thức hay Nhận thức lý tính của kẻ Phàm chấp Ngã, không đúng sự thật nên gọi là Vô Minh, Vọng tưởng. Kẻ Phàm sống với: Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận, Ta nhận thức, Ta nói, Ta làm, Ta ăn, Ta tạo nghiệp, Ta đi, Ta đứng... Chính do Niệm và Tư duy đưa đến Ý thức Vô Minh, Vọng tưởng này nên Niệm này là Tà Niệm, Tư duy này là Tà Tư Duy và Ý thức này là Tà Tri Kiến. Lộ trình tâm đưa đến Ý thức Vô Minh này là Bát Tà Đạo và nó là Vọng Tâm.

b- Cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính của vị Hữu học (đang học và tu Đạo): Đối với vị Hữu học đã có Văn Tuệ nghĩa là nghe giảng hoặc nghiên cứu lời dạy của Đức Phật mà có hiểu biết đúng như thật về Lý Duyên Khởi, hiểu biết đúng như thật về Vô Thường, Vô Ngã, về Khổ Tập Diệt Đạo và các thông tin đó được lưu vào kho chứa gọi là Minh. Như vậy trong kho chứa của vị Hữu học có cả hai loại thông tin Vô minh và Minh. Nếu vị Hữu học tu tập Tứ Niệm Xứ thì Niệm sẽ kích hoạt Minh và Niệm như vậy gọi là Chánh Niệm, do đó Tư Duy sẽ đối chiếu với Minh chứ không đối chiếu với Vô Minh nên đưa đến Cái biết Ý thức đúng như thật gọi là Chánh Tri Kiến không còn Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Như vậy khởi lên Chánh Tri Kiến của vị Hữu học là phải có Chánh Niệm, Chánh Tư Duy. Nếu vị đó ngưng thực hành Tứ Niệm Xứ, lúc đó Chánh Niệm không có mặt thì Tà Niệm khởi lên sẽ kích hoạt Vô Minh và Tà Tư Duy sẽ so sánh, đối chiếu với Vô Minh đưa đến Ý Thức là Tà Tri Kiến.

c- Cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính của vị Vô học tức vị A La Hán: Đối với một vị A La Hán, Minh hay Trí Tuệ đã được tu tập, đã được làm cho viên mãn nên Minh đã xóa bỏ hoàn toàn Vô Minh trong kho chứa nên Niệm chỉ có một nội dung duy nhất là Minh nên luôn luôn là Chánh Niệm nên Ý Thức luôn luôn là Chánh Tri Kiến. Đây chính là Chân Tâm.

Như vậy Năng Kiến của người Phàm và bậc Thánh có sự giống nhau: . Cái biết trực tiếp giác quan hay Tưởng (sự nhận biết đối tượng) Thánh Phàm đều như nhau nhưng

cái biết đó của bậc Thánh có tên gọi khác là Tỉnh Giác hay Thắng tri hay Không tánh. Nhưng Năng Kiến của Phàm và Thánh có sự khác nhau ở cái biết Ý thức: Ý thức của người Phàm thì chấp Ngã, nghĩa là có Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên. Ý thức của bậc Thánh không có chấp Ngã nên không có Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên.

B- Cái bị biết hay cái được biết hay đối tượng của cái biết đều đồng một nghĩa và cũng là Sở Kiến: đối tượng của cái biết có ba loại gồm: đối tượng của Cái biết trực tiếp, đối tượng của Ý thức Tà Tri Kiến và đối tượng của Ý thức Chánh Tri Kiến.

1- Đối tượng của Nhận thức cảm tính: Cái biết và Cái được biết đều phát sinh do sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần cụ thể:

- Nhãn xúc phát sinh: Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức
- Nhĩ xúc phát sinh: Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức
- Tỉ xúc phát sinh: Cảm giác mùi → Tỉ thức
- Thiệt xúc phát sinh: Cảm giác vị → Thiệt thức
- Thân xúc phát sinh: Cảm giác xúc chạm → Thân thức

Ai sẽ giải thoát?

- Ý xúc phát sinh: Cảm giác pháp trần → Tưởng thức

Nếu viết gộp thành một công thức tổng quát sẽ là:

Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng.

Ở đây Tưởng là sự nhận biết đối tượng và đối tượng được nhận biết chính là Thọ (Cảm giác). Trong kinh Mật Hoàn thuộc Trung Bộ Kinh có khẳng định: Những gì có Thọ thời có Tưởng tức Thọ và Tưởng là hai quả đồng thời khi Căn Trần tiếp xúc. Cụ thể đối tượng của nhãn thức là Cảm giác hình ảnh tức Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần. Đối tượng của nhĩ thức là Cảm giác âm thanh tức Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh chứ không phải Nhĩ thức nghe Thanh trần. Đối tượng của tỉ thức là Cảm giác mùi tức Tỉ thức cảm nhận Cảm giác mùi chứ không phải Tỉ thức nhận biết Hương trần. Đối tượng của thiệt thức là Cảm giác vị tức Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị chứ không phải Thiệt thức biết Vị trần. Đối tượng của thân thức là Cảm giác xúc chạm tức Thân thức nhận biết Cảm giác xúc chạm chứ không phải Thân thức biết Xúc trần. Đối tượng của Tưởng thức là Cảm giác pháp trần nghĩa là Tưởng thức nhận biết Cảm giác pháp trần chứ không phải biết Pháp trần. Quán sát sự thật để biết rõ đối tượng của nhận thức cảm tính, của cái biết trực tiếp giác quan hay Tưởng (sự nhận biết đối tượng) là các Cảm giác (hay Cảm thọ gọi tắt là Thọ) là Tâm chứ không phải là Cảnh (Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần). Quán sát sự thật này để thấy hiểu biết của nhân loại là Tâm

Ai sẽ giải thoát?

biết Cảnh tức Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỉ thức nhận biết Hương trần, Thiệt thức nhận biết Vị trần, Thân thức nhận biết Xúc trần, Tưởng thức nhận biết Pháp trần là không đúng sự thật, là Vô minh. Vô minh căn bản hay Vô Minh gốc là không biết như thật về sáu xúc xứ nên trong Kinh Năm Ba thuộc Trung Bộ Kinh đức Phật đã khẳng định: Vô thượng tịch Tĩnh, tối thắng đạo được Như Lai chánh đẳng giác sau khi như thật Tuệ tri Sáu Xúc Xứ.

2- Đối tượng của Nhận thức lý tính hay Ý thức: là những hiểu biết (nhận thức) về các đối tượng của Nhận thức cảm tính, xác định nó là cái gì, tính chất như thế nào...

Những hiểu biết này được gọi là Pháp trần. Ở đây có một sự vi tế cần phải quán sát để thấy rõ. Năm Căn (Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân) tiếp xúc Năm Trần phát sinh năm Cảm thọ và năm cái biết trực tiếp nhận biết năm Cảm thọ, rồi lượng thông tin đó được truyền dẫn vào các tế bào thần kinh não bộ. Tại đây sẽ xảy ra sự tiếp xúc (Xúc) giữa các lượng thông tin mà phát sinh Niệm, Tư Duy và sẽ phát sinh Ý thức. Ý thức là cái biết, biết các thông tin về đối tượng do Tư duy phát sinh ra, tức hiểu biết về đối tượng gọi là Ý thức biết Pháp trần. Đây là quá trình xử lý các thông tin từ năm giác quan từ bên ngoài vào, và quá trình này phát sinh Ý thức và Pháp trần. Ngoài năm Căn tiếp xúc Năm Trần thì bên trong, nội trong tế bào thần kinh não bộ xảy ra Ý tiếp xúc với Pháp trần, thực chất là Ý tiếp xúc với lượng thông tin Pháp trần được lưu trong ADN của tế bào thần kinh não bộ. Nội xúc này sẽ phát sinh Cảm giác pháp trần

Ai sẽ giải thoát?

và Tưởng thức (Cảm giác pháp trần là đối tượng nhận biết của Tưởng thức) và quá trình xử lý các thông tin này tiếp tục tương tự như lượng thông tin từ các giác quan bên ngoài đưa vào. Như vậy Ý tiếp xúc với Pháp phát sinh Cảm giác pháp trần và Tưởng thức cũng phát sinh Pháp trần và Ý thức. Các lộ trình này được diễn tả:

Xúc → Thọ (Cảm giác) → Tưởng → Niệm → Tư duy → Ý thức.

Như vậy Niệm và Tư duy khởi lên là để tìm hiểu về Cảm giác hay Thọ nên nội dung của hiểu biết đó là về Thọ chứ không phải là về Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, không phải là một thế giới khách quan bên ngoài.

a- Sở kiến hay đối tượng nhận thức lý tính của người Phàm: Hiểu biết của người Phàm là cái biết của các Căn và cái được biết là Cảnh (cái biết Thiệt thức là của Lưỡi biết vị ngon dở của Thức ăn) nghĩa là Mắt thấy Sắc trần, Tai nghe Thanh trần, Mũi ngửi Hương trần, Lưỡi nếm Vị trần, Thân biết Xúc trần, vì vậy Sở kiến hay đối tượng của Nhận thức Lý tính là Thế giới. Điều này có nghĩa là con người chủ quan nhận thức về một Thế giới khách quan hay Thế giới khách quan được phản ánh trong Ý thức chủ quan của con người. Với Sở kiến này thì tất cả các sự vật hiện tượng mà thuật ngữ Phật học gọi là các Pháp đều thuộc về Thế giới khách quan tách biệt, đối lập với Chủ thể nhận thức. Đây gọi là Nhị Nguyên, Tâm và Cảnh hay Tâm và Vật. Tất cả các pháp như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, cứng mềm, thô mịn, mặn ngọt chua cay,

Ai sẽ giải thoát?

đất nước gió lửa, không gian thời gian... đều là Thế giới khách quan.

Từ Sở kiến này sẽ phát sinh hai quan điểm: Một là các Pháp là thường hằng, thường có, không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi mà chỉ biến đổi từ vật này thành vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác. Hai là các Pháp là không có thật mà chỉ do một năng lực Tâm Linh tuyệt đối sáng tạo ra, các Pháp do Tâm tạo. Ví dụ: khi mắt tiếp xúc với cây mía phát sinh cảm giác hình ảnh và nhãn thức, sau khi nhãn thức thấy cảm giác hình ảnh Ý thức khởi lên biết cây mía này ngọt. Với hiểu biết này ngọt là một pháp là Vật chất, ngọt thường trú trong cây mía, ngọt là của cây mía (ngọt Hữu Chủ). Khi cây mía bị ép ra nước mía thì ngọt lại thường trú trong nước mía, khi nước mía được nấu thành đường thì ngọt thường trú trong đường, đưa đường làm ra kẹo bánh thì ngọt thường trú trong kẹo bánh, khi nước mía lên men thành giấm thì ngọt không mất đi mà nó biến đổi thành chua mà thôi... Như vậy ngọt không tự nhiên sinh ra, không tự nhiên mất đi mà chỉ thay đổi từ vật này sang vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác, nó không sinh không diệt và luôn luôn có chủ sở hữu nó. Đây gọi là Thường Kiến và Ngã Kiến (Hữu Chủ). Nhưng tại đây cũng có một số người quan sát sự thật, họ thấy nếu một người khỏe mạnh khi lưỡi của họ tiếp xúc với cây mía thì cảm nhận vị ngọt nhưng khi người đó đau bệnh nhiều ngày thì cũng cây mía đó họ cảm nhận vị đắng. Sự thật này chứng tỏ ngọt không thường trú trong cây mía và những người đó phát sinh một quan điểm khác:

Ai sẽ giải thoát?

ngọt ở nơi Tâm, ngọt do Tâm sinh. Từ nhận xét này mà họ trừu tượng và khái quát lên, trở thành một quan điểm Duy Tâm: các Pháp Duy Tâm tạo nghĩa là tất cả các sự vật hiện tượng do một Thượng đế toàn năng, một Chân Tâm Thường Trụ, một Đại Ngã sáng tạo ra. Đây là Đoạn Kiến và Ngã Kiến.

Với Sở kiến đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Cảnh thì Khổ Tập Diệt Đạo là Cảnh, thường hằng, thường trú nơi Cảnh và Hữu Chủ (Hữu Ngã) nghĩa là Khổ và Nguyên nhân Khổ là những hoàn cảnh khó chịu, tồi tệ. Sự chấm dứt Khổ là các hoàn cảnh dễ chịu, tốt đẹp. Con đường chấm dứt Khổ là thay đổi hoàn cảnh sống. Có một cái Ta là chủ nhân, chủ sở hữu của các pháp đó.

Thường Kiến và Ngã Kiến hoặc Đoạn Kiến và Ngã Kiến là các hiểu biết không đúng sự thật về các Pháp, không liễu tri các Pháp gọi là Vô Minh. Lộ trình phát sinh Vô Minh diễn ra như sau:

Vô Minh, Ta của ta, Tri thức, kinh nghiệm, thói quen
--



Xúc → Thọ → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư Duy → Tà
Tri Kiến

***b- Sở kiến hay đối tượng nhận thức lý tính bậc
Thánh:*** Bậc Thánh Tuệ tri Lý Duyên Khởi nên biết rằng:

Ai sẽ giải thoát?

đối tượng của nhận thức cảm tính là các cảm giác nghĩa là nhận thức thấy Cảm giác hình ảnh chứ không phải thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh chứ không phải nghe Thanh trần, Tỉ thức nhận biết Cảm giác hương trần chứ không phải Hương trần, Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị chứ không phải Vị trần, Thân thức nhận biết Cảm giác xúc chạm chứ không phải Xúc trần, Tưởng thức nhận biết Cảm giác pháp trần chứ không phải Pháp trần. Chính vì vậy mà Ý thức là sự nhận thức, sự hiểu biết về các Cảm giác hay các Cảm thọ chứ không phải là thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Với Sở kiến như vậy thì tất cả pháp như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, đất nước gió lửa, không gian thời gian... đều là Các Cảm thọ hoặc tính chất của Cảm thọ. Các Danh pháp khác như Niệm, Tư duy tìm hiểu đối tượng, Thái độ, Phản ứng với đối tượng cũng là đối với Thọ. Khi tư duy tìm hiểu đối tượng (Thọ) đưa đến cái biết Ý thức, là hiểu biết về Thọ sẽ có nhu cầu phân biệt Thọ này với Thọ kia, sẽ có nhu cầu truyền thông về các hiểu biết đó nên các ngôn từ đặt tên các Thọ và đặt tên các tính chất của Thọ phát sinh. Ví như để truyền thông và để phân biệt Cảm giác hình ảnh này với Cảm giác hình ảnh kia mà xuất hiện các ngôn từ khái niệm to nhỏ, vuông tròn, xanh vàng đỏ trắng... Các khái niệm không gian, thời gian phát sinh trong quá trình tư duy để phân biệt cảm thọ này với cảm thọ kia theo chiều không gian và thời gian. Tất cả những ngôn từ, khái niệm, tri thức, hiểu biết là về Thọ và các Danh pháp khác là về Tâm, chính những cái đó là Tâm chứ không phải là Thế giới sắc pháp hay thuộc tính của sắc

pháp. Vì hiểu biết của người Phàm là Vô minh không biết rõ sự thật nên áp đặt cho cái đó là Cảnh là Thế giới. Có con người chủ quan và Thế giới khách quan tiếp xúc (tương tác) với nhau mà phát sinh ra Thế giới cảm giác và những gì được thấy nghe cảm nhận, nhận thức là Thế giới cảm thọ chứ không phải là Thế giới khách quan. Khoa học ngày nay với những phương tiện đo đếm rất tinh xảo nên cũng phát hiện ra rằng: kết quả quan sát được không chỉ phụ thuộc đối tượng được quan sát mà còn phụ thuộc cả vào người quan sát. Như vậy khoa học đã phần nào tiến đến gần sự thật tức kết quả quan sát được là về Cảm thọ chứ không phải về Thế giới. Với Sở kiến này thì các pháp là Tâm và nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã). Ví như ngọt và cây mía: Có cây mía là một nhân và lưỡi là nhân thứ hai nhưng chưa tiếp xúc với nhau thì chưa có cái ngọt nào cả. Khi Lưỡi tiếp xúc với Mía (đã được chẻ ra) thì phát sinh Cảm giác vị ngọt mà Thánh hay Phàm đều cảm nhận được. Đây mới là cái ngọt thực và nó là Cảm giác, là Tâm chứ không phải Vật. Xúc sinh cảm giác vị ngọt sinh, Xúc diệt cảm giác vị ngọt diệt. Vậy cảm giác vị ngọt Vô thường, cảm giác vị ngọt không thường trú, không thường hằng trong cây mía. Cảm giác vị ngọt cũng Vô chủ nghĩa là Lưỡi không là chủ nhân, chủ sở hữu, Mía cũng không là chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác vị ngọt. Như vậy ngọt là Tâm và nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã). Phải lưu ý rằng vị ngọt là một từ ám chỉ một pháp là Cảm giác vị ngọt, là Tâm nhưng là do Căn Trần tiếp xúc phát sinh ra chứ không phải là do Tâm tuyệt đối nào tạo ra cả.

Ai sẽ giải thoát?

Với Sở kiến như vậy thì Khổ Tập Đạo là Tâm chứ không phải Cảnh. Khổ, Nguyên nhân Khổ là các Danh pháp trên lộ trình Tâm Bát Tà Đạo, Con đường chấm dứt Khổ là lộ trình Tâm Bát Chánh Đạo và những pháp này đều Vô thường, Vô ngã. Riêng Khổ Diệt hay Niết bàn là sự vắng mặt của cả Danh và Sắc, sự trống không cả Tâm và Cảnh chỉ có Chánh Kiến trên Bát Chánh Đạo tuệ tri được, và điều này nói lên sự kiện chứng ngộ Niết bàn chỉ xảy ra trên lộ trình Tâm Bát Chánh Đạo. Lộ trình này xảy ra như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy → Chánh Tri Kiến.



Minh, Tri thức, kinh nghiệm, Vô minh, Ta của Ta

C- Kết luận: Năng kiến của người Phàm có Ngã kiến, Ngã sở kiến, Ngã mạn tùy miên và Sở kiến là về Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần nên người Phàm chấp thủ về Bản ngã và Thế giới với 62 luận chấp mà Kinh Phạm Võng (Bản kinh đầu tiên của Trường Bộ Kinh) đã liệt kê. Thế giới là thường hay vô thường, hay một phần là thường, phần còn lại là vô thường, thế giới là hữu biên hay vô biên, thế giới là có thật hay không có thật, thế giới chỉ là vật chất hay thế giới chỉ là tinh thần, thế giới (vũ trụ) là trời tròn đất vuông, hay thế giới là Cửu Sơn Bát Hải có một

Ai sẽ giải thoát?

trục là núi Tu Di ở giữa, hay thế giới là tam thiên đại thiên, thế giới có bao nhiêu tầng trời, bao nhiêu tầng địa ngục, hay thế giới phát sinh từ vụ nổ lớn Big Bang... Tất cả những quan điểm ấy là sự duy diễn từ các luận chấp mà kinh Phạm Võng đã liệt kê: Thường trú luận, một phần thường trú luận một phần vô thường luận, hữu biên hoặc vô biên luận, nguy biến luận, vô nhân luận hoặc đoạn diệt luận. Với Sở kiến đó họ cho rằng chúng sinh biết Thế giới với cái biết hữu hạn còn Chư Phật thì biết Thế giới với cái biết vô hạn. Ngài biết Thế giới theo không gian là toàn thể tam thiên đại thiên thế giới, theo thời gian là từ vô thủy đến vô chung, Ngài thấu triệt mọi cảnh giới, mọi tầng trời, Thấy Biết của Ngài luôn luôn hiện hữu khi đi đứng nằm ngồi cả khi thức cũng như khi ngủ. Những hiểu biết như vậy không đúng sự thật, nó là Tà Kiến, là Thường Kiến hoặc Đoạn Kiến và Ngã Kiến. Trong Kinh Phạm Võng Ngài đã khẳng định: Những chủ trương ấy là kinh nghiệm (hiểu biết) cá nhân là sự không thấy không biết các cảm thọ của các Sa môn, Bà la môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc sự thật của những vị bị tham ái chi phối. Ngài khẳng định: Những sở kiến ấy, những chấp trước như vậy, sẽ đưa đến các cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy. Như Lai Tuệ tri như vậy và Ngài Tuệ tri hơn thế nữa và Ngài không chấp trước Sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài Như Thật Tuệ Tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của các Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ Tuệ tri như vậy, này các Tỷ kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Như vậy Như Lai giác ngộ là giác ngộ các Cảm Thọ chứ không phải

Ai sẽ giải thoát?

là giác ngộ về Thế Giới, không phải là giác ngộ Thế giới là thế này hay như thế kia. Và như vậy Sở kiến của Như Lai là về Thọ chứ không phải là Thế Giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần.

Sở kiến như vậy đưa đến sự hiểu biết như thật về Khổ Tập Diệt Đạo, đưa đến sự Giác Ngộ Tứ Thánh Đế. Cũng trong kinh Phạm Võng Ngài khẳng định rằng: Các Sa môn, Bà la môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai để xướng nhiều sở kiến sai khác với 62 luận chấp. Tất cả những vị có chủ trương như trên là do sự xúc chạm (Xúc) của sáu xúc xú. Do duyên Xúc mà Thọ phát khởi, Do duyên với các Cảm thọ mà Tham ái phát khởi, do duyên tham ái mà thủ phát khởi, do duyên thủ mà hữu phát khởi, do duyên hữu sanh phát khởi, do duyên sanh mà già chết sầu bi khổ ưu não phát khởi. Nay các Tỷ kheo, khi Tỷ kheo như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xúc xú, vị ấy sẽ có sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

KINH PHẠM VŨNG VÀ SỰ GIÁC NGỘ CỦA ĐỨC PHẬT

Kinh Phạm vũng là bản kinh đầu tiên thuộc Trường Bộ kinh, một bộ kinh gồm những bản kinh dài mà như cô Hoà thượng Minh Châu đã nhận xét là dùng đối ngoại với Bà la môn giáo và các ngoại đạo khác. Đây là bản kinh được xếp số 1 của Trường Bộ, là bản kinh đặc biệt và quan trọng nhất của Trường Bộ, giống như bản kinh Pháp Môn Căn Bản được xếp số 1 của Trung Bộ là bản kinh đặc biệt và quan trọng nhất của Trung Bộ kinh. Kinh Phạm vũng có một cấu trúc đặc biệt nhằm làm sáng tỏ sự giác ngộ của Đức Phật, là bản tuyên ngôn về sự giác ngộ của Đức Phật. Có ba chủ đề được đề cập trong Kinh:

- Một là Đức Phật giác ngộ không phải là giác ngộ về Giới Luật.
- Hai là Đức Phật giác ngộ không phải là giác ngộ về Bản Ngã và Thế Giới.
- Ba là Đức Phật giác ngộ là giác ngộ về các Cảm thọ.

1- Sự Giác ngộ của Đức Phật không phải là giác ngộ về giới luật: Phần đầu của bản kinh mô tả về Tiểu giới, Trung giới, Đại giới mà Đức Phật đã thành tựu không ai có thể sánh bằng. Sau mỗi tiểu tiết thuộc Tiểu giới, Trung giới, Đại giới Ngài đều nhắc đi, nhắc lại rằng những ai tán

Ai sẽ giải thoát?

thán Như Lai về những điều đó là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Và Ngài luôn luôn khẳng định: Đây các Tỷ kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai. Và Ngài nói tiếp: Đây các Tỷ kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của lý luận suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Như vậy chính tại phần đầu của bản kinh Đức Phật đã khẳng định sự giác ngộ không phải là giác ngộ Giới Luật. Đối với người trí thì giới luật là điều nhỏ nhặt không quan trọng mà quan trọng là Trí Tuệ, bởi vậy hai mươi năm đầu của lịch sử Tăng đoàn không có một giới điều nào được chế định. Sau hai mươi năm khi Tăng đoàn đã phát triển thì trong số đó có nhiều người không phải là người trí nên có nhiều tệ nạn phát sinh và Đức Phật đã chế định giới luật để ngăn chặn. Bản thân sự thành tựu giới luật không thể đoạn tận Tham Sân Si mà sự thành tựu giới luật là duyên cho Chánh Niệm khởi lên, khi Chánh Niệm khởi lên thì Bát Chánh Đạo sẽ tự động khởi lên theo Lý Duyên khởi và chỉ có Bát Chánh Đạo mới đoạn tận Tham Sân Si.

2- Sự Giác Ngộ của Đức Phật không phải là sự giác ngộ về Bản Ngã và Thế Giới:

Kinh liệt kê có 62 loại lý luận, tư tưởng chấp thủ về Bản Ngã và Thế Giới tức những nhận thức về một cái Ta là

Ai sẽ giải thoát?

chủ nhân, chủ thể của nhận thức, tức Bản Ngã và Thế giới được nhận thức bao gồm Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Sáu mươi hai lý luận chấp thủ đó đều xuất phát từ các quan điểm sau:

- Thường trú luận: Bản ngã và Thế giới là thường hằng (không sinh ra cũng không mất đi mà chỉ biến đổi từ vật này sang vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác)

- Vừa Thường trú luận vừa Vô thường luận: Bản ngã và Thế giới một số thường hằng một số khác thì vô thường. Ví như quan niệm Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân là vô thường còn Tâm, Ý, Thức là thường hằng nên cho rằng khi chết Thân này tan rã (vô thường) còn Tâm, Ý Thức thoát ra đầu thai vào thân thể khác. Tâm, Ý, Thức đó luân chuyển từ thân xác này sang thân xác khác nhưng bản thân nó thì thường hằng, không đổi khác.

- Hữu biên luận hoặc Vô biên luận: cho rằng Thế giới (vũ trụ) hoặc hữu biên hoặc là vô biên không giới hạn.

- Ngụy biện luận: Giải thích Bản ngã và Thế giới theo lối ngụy biện truân uồn như lươn ví như khi được hỏi về cây cam lại trả lời về con chó...

- Vô nhân luận: cho rằng Bản ngã và Thế giới vô nhân sanh.

- Hữu tướng luận: cho rằng sau khi chết Bản ngã có Tướng

Ai sẽ giải thoát?

- Vô tướng luận: cho rằng Bản ngã sau khi chết không có Tướng.

- Hữu biên và vô biên, Phi hữu biên và Phi Vô biên: cho rằng Bản ngã sau khi chết là hữu biên, là vô biên, là phi hữu biên, là phi vô biên.

- Đoạn diệt luận: cho rằng sau khi chết Bản ngã đoạn diệt không có tái sinh.

- Niết bàn hiện tại luận: cho rằng Bản ngã đạt đến tối thượng khi được thọ hưởng đầy đủ, sung mãn năm món dục lạc hoặc khi an trú Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên hoặc Tứ thiên.

Sau mỗi một chủ trương, mỗi một lý luận được nêu ra Đức Phật thường xuyên lập đi, lập lại khẳng định: Đây các Tỷ kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến các cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy "Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa và Ngài không chấp trước sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của các Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ Kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ. Như vậy Ngài khẳng định những tư tưởng về Bản ngã và Thế giới như vậy, những nhận thức như vậy là Tà Kiến, nó sẽ đưa đến tái sinh, đưa đến khổ trong luân hồi sinh tử. Hơn thế nữa Ngài chỉ ra nguồn gốc của những hiểu biết sai lầm ấy là do không

Ai sẽ giải thoát?

thấy, không biết về Cảm thọ. "Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân (không phải là sự thật phổ quát) là sự không thấy, không biết các Cảm thọ của các Sa môn, Bà la môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc (sự thật) của những vị bị tham ái chi phối" Ngài còn chỉ rõ những Chủ trương ấy khởi lên là do sự tiếp xúc giữa sáu Căn và Sáu Trần. Điều này được hiểu như sau: khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Cảm thọ và sáu Tưởng đó là:

Nhãn xúc phát sinh Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức

Nhĩ xúc phát sinh Cảm giác âm thanh và Nhĩ thức

Tỉ xúc phát sinh Cảm giác mùi và Tỉ thức

Thiệt xúc phát sinh Cảm giác vị và Thiệt thức

Thân xúc phát sinh Cảm giác xúc chạm và Thân thức

Ý xúc phát sinh Cảm giác pháp trần và Tưởng thức

Viết chung lại thành: Xúc → Thọ → Tưởng. Tưởng là sáu cái biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng là các Cảm giác còn gọi là Nhận thức cảm tính và cái biết này được hình dung như một đứa trẻ vừa đẻ ra, khi Căn Trần tiếp xúc nó vẫn nhận biết đối tượng tức thấy, nghe, cảm nhận đối tượng nhưng không biết đó là cái gì, tính chất ra sao. Sau Tưởng, Niệm và Tư duy sẽ khởi lên để tìm hiểu đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Do có Niệm và Tư duy mà phát sinh cái biết Ý thức hiểu biết về đối tượng được thấy, được nghe, được nhận biết đó

Lộ trình được diễn tả như sau: Xúc → Thọ -- Tưởng → Niệm → Tư duy → Ý thức

Ai sẽ giải thoát?

Như vậy Niệm, Tư duy và Ý thức là hiểu biết về các Cảm thọ chứ không phải hiểu biết về Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần bên ngoài. Nhưng vì không thấy, không biết các đối tượng được nhận biết và được nhận thức là các Cảm thọ, loài người từ vô thủy đã nhận thức: Mắt thấy Sắc trần, Tai nghe Thanh trần, Mũi ngửi Hương trần, Lưỡi nếm Vị trần, Thân biết Xúc trần, Ý biết Pháp trần (Tâm biết Cảnh) và có các tư tưởng Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý là của Ta...nên những nhận thức, những tư tưởng này được lưu giữ trong "kho chứa ". Khi Niệm khởi lên sẽ dò tìm và kích hoạt các thông tin ấy trong kho chứa và Tư duy khởi lên sẽ so sánh đối chiếu thông tin về đối tượng được Tưởng nhận biết với các thông tin trong kho chứa đã được Niệm kích hoạt. Niệm và Tư duy như vậy sẽ phát sinh cái biết Ý thức và nội dung cái biết Ý thức sẽ có: Ta thấy, Ta nghe, Ta cảm nhận, Ta nhận thức...và đối tượng được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Trong cái biết Ý thức đã xuất hiện một cái Ta hay là một Bản ngã chủ nhân, chủ sở hữu của cái biết và Ý thức có hai phần: Chủ thể nhận thức là Bản ngã, phân biệt, đối đãi với đối tượng nhận thức là Thế giới. Loài người vì không thấy, không biết về các Cảm thọ nên tin chắc vào Bản ngã và tin chắc vào mình đang nhận thức Thế giới nên hiểu biết của loài người xoay quanh Bản ngã và Thế giới. Chính vì tin chắc vào Bản ngã và Thế giới mà một số bộ phái Phật giáo cũng chủ trương Hữu Ngã như Độc tử bộ, Hoá địa bộ, hoặc một số đông khác bản khoán rằng không có Bản ngã thì cái gì luân hồi, cái gì tạo nghiệp, cái gì thọ lãnh quả của nghiệp, cái gì

Ai sẽ giải thoát?

thừa tự nghiệp...? Cũng nơi Ý thức nhị nguyên Hữu ngã này mà suy diễn ra hai cách tu hành:

- Một là trở về với Bản ngã không còn quan tâm, tìm hiểu, dính mắc, ràng buộc với Thế giới bởi Thế giới là vô thường, huyễn hoá, không thật. Bản ngã ấy được quan niệm là Chân Tâm thường trụ, được quan niệm là Phật tánh không sinh không diệt nơi mỗi người, được quan niệm là Tánh thấy, Tánh nghe không sinh không diệt, được quan niệm là Tánh Không, được quan niệm là Tự Tánh, là Tánh Giác... Các quan điểm đó tuy tên gọi có khác nhau nhưng nội dung đều giống nhau đều mang màu sắc của chủ nghĩa Duy tâm, đều tin tưởng một Năng Lực Tinh Thần tuyệt đối, như một Thượng Đế Toàn Năng của tôn giáo Tây phương, một Đại Ngã của Bà la môn giáo. Những quan điểm này cũng đã được liệt kê trong kinh Phạm võng với luận chấp một phần Thường trú luận một phần Vô thường luận: Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân là Vô thường còn Tâm, Ý, Thức là Thường hằng.

- Hai là hoà nhập Bản ngã với Thế giới để không còn Nhị nguyên, không còn phân biệt đối đãi như kiểu "hoà quang đồng trần" nghĩa là hoà cùng ánh sáng đồng cùng bụi bậm của Lão giáo. Hay Ta là cây cỏ, cây cỏ này chính là Ta, Ta là con cóc đang bị con rắn nuốt, con rắn đang nuốt con cóc cũng chính là Ta, Ta là vũ trụ này, vũ trụ này cũng chính là Ta, hay chứng ngộ Tánh Không của vũ trụ vạn hữu dung chứa cả Bản ngã và Thế giới... Đây cũng là Đại Ngã. Hai cách tu hành này là nội dung của các tôn giáo dựa trên Ý thức nhị nguyên về Bản ngã và Thế

Ai sẽ giải thoát?

giới cho nên thực chất các tôn giáo đều giống nhau, chỉ khác nhau về tên gọi.

3- Sự Giác Ngộ của Đức Phật là giác ngộ về các

Cảm thọ: Trong phần kết luận Đức Phật nêu lên: Những Sa môn, Bà la môn luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa môn, Bà la môn luận bàn về tương lai, chấp kiến quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai để xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những chủ trương trên do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ. Do duyên với các Cảm thọ mà Tham ái phát khởi, do duyên Tham ái mà Thủ phát khởi, do duyên Thủ mà Hữu phát khởi, do duyên Hữu mà Sinh phát khởi, do duyên Sinh mà Già Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não phát khởi. Lộ trình này được diễn tả theo sơ đồ:

Xúc -- Thọ -- Ái -- Thủ -- Hữu -- Sinh -- Già Chết
Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Lộ trình này Đức Phật trình bày một cách tóm tắt nên làm nhiều người khó hiểu vì giữa Thọ và Ái còn có Niệm, Tư duy và Ý thức nhị nguyên và chính Ý thức nhị nguyên này là Vô Minh, không tuệ tri Thọ nên mới là nhân duyên cho Ái phát khởi. Lộ trình đã được thuyết minh ở phần trước:

Xúc → Thọ → Tưởng → Niệm → Tư duy → Ý
Thức

Ai sẽ giải thoát?

Ý thức này có nội dung là Bản ngã biết Thế giới nghĩa là đối tượng được biết là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần chứ không phải Thọ và đối tượng đó được xác định là Dễ chịu, Khó chịu hay Trung tính (mà thực chất là Lạc thọ, Khổ thọ hay Bất khổ bất lạc thọ). Trong hiểu biết này còn có nội dung: đối tượng dễ chịu chính là hạnh phúc, là sự chấm dứt Khổ, đối tượng khó chịu chính là Khổ và nguyên nhân Khổ, đối tượng trung tính cũng là nguyên nhân Khổ nên sẽ phát sinh thích thú (Tham) đối với đối tượng dễ chịu, chán ghét (Sân) đối với đối tượng khó chịu và Tìm kiếm một đối tượng dễ chịu để thay thế đối tượng trung tính (gọi là Si) Lộ trình chi tiết sẽ là:

Xúc → Thọ → Tưởng → Niệm → Tư duy → Ý thức → Tham Sân Si → Thủ → Hữu → Sinh → Già Chết Sầu Bi Khổ Ưu Não.

Rõ ràng vì cái biết Ý thức là Vô minh là Tà Tri kiến, biết về Bản ngã và Thế giới, không đúng sự thật, không tuệ tri Thọ và đó là nhân cho Tham ái, cho sầu bi khổ ưu não khởi lên. Khi tuệ tri Thọ, tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ thì Tham ái không thể khởi lên và vì vậy Sầu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Chính vì điều này nên Đức Phật tuyên bố: Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ. Và tại sao khi tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ lại được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ?

Ai sẽ giải thoát?

a- Tuệ tri sự tập khởi (sinh), sự đoạn diệt (diệt) của Thọ: Ví như có một cục nước đá và bàn tay xúc chạm với nhau thì Thánh hay Phàm đều cảm nhận được lạnh. Lạnh là một hiện tượng hay nói theo thuật ngữ Phật học là một pháp, tuy rằng Thánh hay Phàm đều sống với thực tại này nhưng hiểu biết về lạnh thì Thánh và Phàm lại khác nhau. Phàm hiểu biết: Ta biết cục nước đá này lạnh. Đây là Ý thức nhị nguyên bao gồm: Ta biết là Bản ngã và cái được biết cục nước đá là Thế giới. Đương nhiên cái hiểu biết này cho rằng: lạnh là vật chất, là sắc pháp, lạnh thường trú, thường hằng trong cục nước đá, cục nước đá này mất đi thì vẫn còn những cục nước đá khác, khi một cục nước đá được nấu chảy thì nó biến đổi thành nước nóng, và vì lạnh là vật chất nên nó chỉ biến đổi thành nóng chứ nó không hề mất đi, nó không sinh không diệt mà chỉ biến đổi từ vật này thành vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác. Lạnh của cục nước đá nghĩa là cục nước đá là chủ nhân, chủ sở hữu của lạnh. Như vậy Phàm phu với Ý thức nhị nguyên (Tâm biết Cảnh) biết về Bản ngã và Thế giới tin rằng: Lạnh là vật chất, là thuộc tính vật chất, lạnh thường hằng, thường trú, lạnh Hữu chủ.

Bậc Thánh giác ngộ Lý Duyên khởi thấy rằng: Tay là một nhân tố, Cục nước đá là nhân tố thứ hai. Có hai nhân này nhưng chưa có sự tiếp xúc thì chưa có cái lạnh nào cả. Khi có Xúc (tay tiếp xúc cục nước đá) thì lập tức phát sinh lạnh, đây mới là lạnh thực mà Phàm hay Thánh đều cảm nhận được. Ngoài xúc này không thể cảm nhận được lạnh ở bất kỳ đâu, và lạnh này là Cảm giác (hay Cảm

Ai sẽ giải thoát?

thọ), nó là Tâm chứ không phải Cảnh. Xúc sinh Cảm thọ lạnh sinh, Xúc diệt Cảm thọ lạnh diệt, Cảm thọ lạnh sinh lên rồi diệt đi, trước khi sinh nó chưa có nên nó không thường trú trong cục nước đá, khi diệt nó không có nữa nên không trở về đâu, nó không thường hằng, không thường trú đâu cả, nên nó Vô thường. Cảm giác lạnh cũng Vô chủ vì khi quán sát cũng biết ngay rằng: cục nước đá và bàn tay đều không phải là chủ nhân, chủ sở hữu Cảm giác lạnh, cũng có nghĩa Vô ngã, nghĩa là không có Ta (Bản ngã) chủ nhân, chủ sở hữu Cảm giác lạnh. Như vậy lạnh là Cảm thọ, là Tâm chứ không phải Cảnh và nó Vô thường, Vô chủ (hay Vô ngã). Khi quán sát sự tiếp xúc giữa sáu Căn và sáu Trần với Lý Duyên khởi: Hai nhân tiếp xúc với nhau rồi cùng diệt và phát sinh hai quả đồng thời là Thọ (Cảm giác) và Tưởng (cái biết trực tiếp nhận biết Cảm thọ) thì sẽ có được hiểu biết: những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là các Cảm thọ, nó là Tâm, nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã) chứ không phải là Cảnh, Thường hằng và Hữu chủ. Đây là hiểu biết đúng như thật về các pháp và gọi là liễu tri, là Minh hay Trí Tuệ. Đây là Tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ

Như vậy các pháp được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là do duyên sáu Căn và sáu Trần mà khởi lên, nó Là Tâm, nó Vô thường, Vô ngã và nó có thật chứ không phải nó không có thật như nhiều người hiểu, chỉ có cái hiểu biết không đúng như thật không liễu tri các pháp, tin rằng các pháp đó là Cảnh (Thế giới), Thường hằng, Hữu chủ mới là không thật.

Ai sẽ giải thoát?

b- Tuệ tri vị ngọt: Thọ có sáu loại, nhưng theo tính chất có ba: Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ chính là vị ngọt của Thọ. Ý chính về vị ngọt muốn đề cập là Hạnh phúc, nó có thật của Thế gian chứ không phải là không có thật. Vì nó có thật chúng sanh mới tham đắm Hạnh phúc. Nhưng tuệ tri vị ngọt là biết như thật Hạnh phúc là Cảm thọ, nó là Tâm, nó Vô thường, Vô chủ (Vô ngã) còn kẻ phàm phu thì tin rằng Hạnh phúc là những hoàn cảnh tốt đẹp như giàu có, sắc đẹp, danh tiếng... thường trú, thường hằng nơi hoàn cảnh tốt đẹp và Hữu chủ (hạnh phúc của Ta)

c- Tuệ tri sự nguy hiểm: Lạc thọ vô thường và vô chủ (nghĩa là không có một cái gì, một cái Ta nào sở hữu, điều khiển được nó) vì vậy nếu yêu thích (Tham) thì sẽ nắm giữ nó nên khi nó biến hoại, biến diệt sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên. Nếu không yêu thích thì sẽ không nắm giữ, do vậy khi nó biến hoại, biến diệt sầu bi khổ ưu não không thể khởi lên. Đây chính là sự nguy hiểm. Kẻ phàm phu vì không tuệ tri sự nguy hiểm nên tham đắm Hạnh phúc (Lạc thọ) nên mới nắm giữ và khao khát tìm cầu Hạnh phúc chỗ này chỗ kia như Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái. Đây chính là Nguyên nhân Khổ.

d- Tuệ tri sự xuất ly của Thọ: khi thực hành Bát Chánh Đạo các chi phần sẽ tuần tự khởi lên theo Lý duyên khởi:

Ai sẽ giải thoát?

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh
Tỉnh Tấn → Chánh Định → (Tỉnh Giác) → Chánh Tư Duy
→ Chánh Tri Kiến

Chánh Tri Kiến sẽ có nội dung: tuệ tri sự sinh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm của Thọ và do cái biết Ý thức là Chánh Tri Kiến như vậy mà Tham không khởi lên đối với Lạc thọ, Sân không có với Khổ thọ và Si không có với Bất khổ bất lạc thọ. Đây gọi là Tuệ tri sự xuất ly của Thọ. Tuệ tri sự xuất ly của Thọ là biết như thật không có Tham Sân Si đối với Thọ cũng có nghĩa là Tuệ tri Khổ diệt hay Niết bàn. Khi Tuệ tri Khổ diệt thì Chánh Tri kiến cũng tuệ tri Con đường đưa đến Khổ diệt là Bát Chánh Đạo. Như vậy Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cũng có nghĩa là Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo.

Kết luận: sự giác ngộ của Đức Thế Tôn không phải là sự chứng ngộ về Bản ngã, chứng ngộ một Chân Tâm hay một Tánh Giác không sinh không diệt nào đó, cũng không phải giác ngộ Thế giới là như thế này hay như thế kia mà sự giác ngộ của Ngài là giác ngộ về Cảm Thọ, nghĩa là Tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cũng đồng nghĩa giác ngộ Tứ Thánh Đế nghĩa là Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo. Chính vì vậy để đoạn tận Khổ, đoạn tận luân hồi sinh tử phải tu tập Bát Chánh Đạo. Đây là con đường độc nhất, pháp môn độc nhất đoạn tận Tham Sân Si, không có một pháp môn thứ hai nào khác, không thể đi tìm một Chân Tâm hay một Tánh Giác không sinh không diệt, một Tánh Không của vũ trụ vạn hữu mà có thể đoạn trừ được Tham Sân Si vì nó là

Ai sẽ giải thoát?

các Tà kiến mà kinh Phạm võng đã liệt kê. Trong Đại Kinh Khổ Uẩn thuộc Trung Bộ kinh Đức Phật đã khẳng định: Đây các Tỷ kheo, những Sa môn, Bà la môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ sẽ không đặt người khác trong địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện ấy không xảy ra. Đây các Tỷ kheo, những Sa môn, Bà la môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt người khác trong địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra. Những ai muốn chấm dứt Khổ, muốn giúp đỡ người khác hay muốn độ thoát chúng sanh hãy suy ngẫm và thuộc lòng những điều này.

HỮU TƯỚNG VÀ VÔ TƯỚNG

Hữu tướng và Vô tướng là những thuật ngữ Phật học có nguồn gốc Hán ngữ đã được Việt hoá nhưng đa phần người Việt hiểu rất mơ hồ các khái niệm này. Và đặc biệt tại sao Hữu tướng là hư vọng và Vô tướng là không hư vọng, Vô tướng là Chư Phật thì lại càng khó hiểu. Ở đây có thể xảy ra sự phán đoán: Hữu tướng thuộc về chúng sanh nên là hư vọng còn Vô tướng thuộc về Chư Phật nên là chân thật. Phán đoán đó tuy đúng với sự thật nhưng không nên vội tin do phán đoán mà hãy khảo sát sự thật để biết như thật hữu tướng là gì và tại sao hữu tướng lại hư vọng? Cũng như khảo sát sự thật để biết như thật Vô tướng là gì và tại sao vô tướng là chân thật.?

1- Hữu tướng là như thế nào? Khi một người ngủ say không mộng mị, hoặc bị gây mê sâu khi mổ, hoặc bị ngất đi trong một tai nạn thì lúc đó không có Thực tại, nghĩa là không có Cái Biết và cũng không có Đối Tượng được biết. Lúc người đó thức tỉnh, có sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, lúc đó mới có Thực Tại bao gồm Cái Biết và Đối Tượng được biết. Cái Biết có hai cấp độ gồm: Cái biết trực tiếp giác quan và Cái biết Ý thức mà Tâm Lý học gọi là Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính. Cái biết trực tiếp giác quan là sự nhận biết đối tượng, đó là thấy, nghe, cảm nhận đối tượng, nhưng chưa phân biệt đó là cái gì, tính chất ra sao, còn được gọi là Tướng hay tướng tri đối tượng. Hãy hình dung Cái biết trực tiếp là cái biết của đứa

Ai sẽ giải thoát?

trẻ vừa đẻ ra, nó vẫn thấy, nghe, cảm nhận các đối tượng nhưng nó không có biết đó là cái gì. Tiếp theo cái biết trực tiếp, cái biết Ý thức sẽ khởi lên. Ví như giờ một chiếc đồng hồ lên, mắt đứa trẻ mới đẻ thấy cái hình ảnh đó nhưng nó không biết đó là cái đồng hồ vì cái biết Ý thức của nó chưa khởi lên được, còn người lớn sau khi thấy hình ảnh thì Ý thức khởi lên: Ta biết đó là cái đồng hồ, không những thế mà còn biết đồng hồ này to hay nhỏ, đẹp hay xấu, trắng hay vàng... Trong cái biết Ý thức của con người có hai phần riêng biệt: Chủ thể biết và đối tượng được biết. Chủ thể biết là Ta (tiếng Tàu gọi là Ngã) hay còn gọi là Bản Ngã là chủ nhân, chủ sở hữu cái biết. Đối tượng được biết là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Cái biết là Tâm và Cái được biết là Cảnh nghĩa là Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỉ thức cảm nhận Hương trần, Thiệt thức cảm nhận Vị trần, Thân thức biết Xúc trần và Tưởng thức biết Pháp trần. Cái biết Ý thức này gọi là nhị nguyên Tâm và Cảnh hay Bản ngã và Thế giới. Với cái biết này thì những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới nên các pháp đó có tướng: to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, nặng nhẹ cứng mềm... Với cái biết này thì hòn đá có các tướng như nặng hay nhẹ, to hay nhỏ, cứng hay mềm, thô hay mịn, tròn hay dẹt. Ngôi nhà cũng có tướng vuông hay tròn, to hay nhỏ, nâu hay trắng... Như vậy tất cả những gì được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức đều có tướng. Đối tượng được biết là Thế giới như vậy nên nó là Hữu tướng. Đây là cái biết của toàn thể nhân loại cho

Ai sẽ giải thoát?

dù thuộc dân tộc hay tôn giáo nào, ngoại trừ các bậc Thánh.

Với cái biết Hữu tướng này thì các pháp là Cảnh trần, các pháp Thường hằng, thường trú và các pháp Hữu chủ (hay Hữu ngã). Ví như một người khởi lên Ý thức Ta biết cái bánh đa này giòn. Với hiểu biết này "giòn" là một hiện tượng hay còn gọi là một pháp thuộc về vật chất (Vị trần), giòn thường hằng thường trú nơi bánh đa, cái bánh đa đó có mất đi thì giòn vẫn còn tồn tại trong những cái bánh đa khác, cái bánh đa có bị ẩm thì giòn biến đổi thành mềm, giòn không tự nhiên sinh ra, không tự nhiên mất đi mà nó chỉ biến đổi từ vật này sang vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác, giòn không sinh không diệt. Giòn Hữu chủ vì giòn là một thuộc tính của một vật gì đó, nên vật đó là chủ nhân, chủ sở hữu của giòn. Như vậy giòn Hữu tướng, giòn là Cảnh (Vị trần), giòn Thường hằng, giòn Hữu chủ. Khi một người khởi lên: Ta thấy ngôi nhà to và đẹp nghĩa là ngôi nhà có tướng to, đẹp. Các tướng to, đẹp cũng là Cảnh (Sắc trần), nó Thường hằng, nó Hữu chủ (hay Hữu ngã)

Khi một người thấy thân thể của mình với tướng cao hay thấp, trắng hay đen, đẹp hay xấu...và hiểu biết những tướng đó là Ta, thì đó là thấy tướng Ngã, thấy người khác với các tướng tương tự và hiểu biết những tướng đó không phải Ta mà là người khác thì đó là thấy tướng Nhân, thấy con người và các loài vật có tướng như thế này, hay như thế kia, và hiểu biết những tướng đó không phải là Ta mà là chúng sanh, thì đó là thấy tướng Chúng sanh, khi một

Ai sẽ giải thoát?

người có tư tưởng Ta là vũ trụ vạn hữu này, vũ trụ vạn hữu này là Ta, thì đó là thấy tướng Thọ giả

Những gì Hữu tướng thì đều là hư vọng. Hư vọng là không có thật, nó được ví như "lông rùa sừng thỏ", như hoa đốm hư không do mắt bị nhăm (bị bệnh) mà sinh ra. Cái thế giới mà kẻ phàm phu thấy và biết có tướng như vậy là lông rùa sừng thỏ, là hoa đốm hư không do bệnh Vô Minh của phàm phu mà phát sinh ra. Nhưng tại sao những gì Hữu tướng đều hư vọng? Vì rằng những gì được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức không phải là Thế giới, không phải là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần mà là các Cảm Thọ. Phải theo dõi Vô tướng là Chân thật, không Hư vọng thì mới hiểu được Hữu tướng là Hư vọng.

2- Vô Tướng là như thế nào? Thực tại phát sinh khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Cảm thọ và sáu cái biết trực tiếp nhận biết sáu Cảm thọ, cụ thể:

Nhãn xúc phát sinh: Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức

Nhĩ xúc phát sinh: Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức

Tỷ xúc phát sinh: Cảm giác mùi → Tỷ thức

Thiệt xúc phát sinh: Cảm giác vị → Thiệt thức

Thân xúc phát sinh: Cảm giác xúc chạm → Thân thức

Ai sẽ giải thoát?

Ý xúc phát sinh: Cảm giác pháp trần → Tưởng thức

Sự thật là Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần

Nhĩ thức nghe Cảm giác âm thanh chứ không phải Nhĩ thức nghe Thanh trần

Tì thức nhận biết Cảm giác mùi chứ không phải Tì thức nhận biết Hương trần

Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị chứ không phải Thiệt thức nhận biết Vị trần

Thân thức nhận biết Cảm giác xúc chạm chứ không phải Thân thức nhận biết Xúc trần

Tưởng thức nhận biết Cảm giác pháp trần chứ không phải Tưởng thức nhận biết Pháp trần

Thấy, nghe, cảm nhận đối tượng là Tâm, nhưng đối tượng được thấy nghe, cảm nhận là các Cảm thọ, cũng là Tâm chứ không phải là Cảnh, không phải là Thế giới. Sau khi thấy, nghe, nhận biết đối tượng gọi là Tưởng tri, hay Nhận thức cảm tính đối tượng, Niệm và Tư duy sẽ khởi lên để tìm hiểu đối tượng là cái gì, tính chất ra sao, và phát sinh Ý thức hiểu biết về đối tượng. Đối tượng của Niệm, Tư duy và Ý thức cũng là các Cảm thọ. Tiếp đến với hiểu biết Ý thức sẽ phát sinh Thái độ và Phản ứng với đối tượng cũng là với các Cảm thọ đó. Như vậy Thực tại của con người bao gồm các Cảm thọ và các Danh pháp khác phát

Ai sẽ giải thoát?

sinh tiếp theo, Thực Tại này là Tâm chứ không phải Cảnh, không phải là Thế giới. Khi Tư duy để tìm hiểu các Cảm thọ, một nhu cầu đặt ra là phải phân biệt Cảm thọ này với Cảm thọ kia mà ngôn ngữ ra đời. Ngôn ngữ vừa là phương tiện truyền thông vừa là phương tiện của Tư duy nên những ngôn từ như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, cứng mềm, nặng nhẹ, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, tốt xấu, sang hèn, không gian, thời gian... là tên đặt cho các Cảm thọ, để phân biệt cảm thọ này với Cảm thọ kia. Vì không hiểu biết Sự Thật này nên kẻ Phàm phu mới áp đặt cho các ngôn từ này là Sắc pháp hay thuộc tính của Sắc pháp. Ví như khi thấy một hòn đá kẻ phàm phu cho rằng hòn đá có tướng nặng hay nhẹ, cứng hay mềm, thô hay mịn, tròn hay vuông... Nếu quán sát sự thật thì thấy rằng: hòn đá là một nhân và bàn tay là nhân thứ hai, nhưng hai nhân này chưa tiếp xúc thì chưa có nặng hay nhẹ, cứng hay mềm, thô hay mịn, tròn hay vuông nào có mặt cả, chưa có pháp nào phát sinh cả. Khi tay và hòn đá tiếp xúc thì lập tức phát sinh Cảm giác nặng hay nhẹ, cứng hay mềm, thô hay mịn, vuông hay tròn. Đây mới là các pháp thực, nó là các Cảm giác, là Tâm chứ không phải Cảnh. Xúc sinh các Cảm giác này sinh, Xúc diệt các Cảm giác này diệt nên nó Vô thường, không thường hằng, không thường trú trong hòn đá. Các Cảm giác này Vô chủ (Vô ngã) vì hòn đá và bàn tay đều không phải chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác và như vậy không có cái gì là chủ nhân, chủ sở hữu của Cảm giác. Như vậy các pháp nặng nhẹ, cứng mềm, thô mịn, vuông tròn... là cảm thọ, là Tâm nên nó không có tướng trạng, vì vậy nó là Vô Tướng.

Ai sẽ giải thoát?

Tương tự như vậy có thể quán sát tất cả các pháp, tất cả Thực Tại, tức tất cả những gì được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức đều là Tâm, đều Vô thường, đều Vô chủ hay Vô ngã. Các pháp đó là Tâm nên nó hoàn toàn không có tướng trạng, đây là cái biết Vô Tướng. Đây là hiểu biết đúng sự thật về Thực Tại, về các pháp tức Vô Tướng. Còn cái biết Hữu tướng của phàm phu không biết như thật Thực Tại này là Tâm mà cho rằng Thực Tại mà con người đang thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức là Thế Giới, là Sắc pháp nên là Hữu Tướng. Hiểu biết như vậy không phải là sự thật, nên nó là Hư vọng. Với cái biết Hữu tướng thì các pháp là Cảnh, Hữu tướng, Thường hằng, Hữu chủ (Hữu ngã). Cần phải lưu ý rằng với cái biết Vô tướng thì tất cả các pháp được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức đều là Tâm, nhưng các Danh pháp hay các Tâm đó đều do Căn Trần (Các Sắc pháp) tiếp xúc mà phát sinh ra, nó sinh lên rồi diệt liền, nó Vô thường, Vô ngã chứ không phải các pháp do một Chân Tâm tuyệt đối sinh ra, không phải các pháp do Tâm tạo.

3- Chấm dứt Hữu tướng và đạt được Vô tướng bằng cách nào?

Câu nói: Những gì có tướng đều hư vọng, ly tất cả tướng là Chư Phật. Nếu chỉ có như vậy thì chỉ là hiểu biết sơ sài về Hữu tướng hư vọng. Ví như rất nhiều người nói được: Còn ham muốn là còn khổ. Đó là do những người đó thấy được một phần sự thật hoặc nghe được từ người khác chứ không phải người đó giác ngộ sự thật đó. Một người giác ngộ, không những họ chứng ngộ và an trú sự thật mà

Ai sẽ giải thoát?

họ có thể phân tích, chỉ dẫn rành mạch: ham muốn là khổ là như thế nào? Duyên khởi của ham muốn hay do cái gì có mặt mà ham muốn có mặt? Sự chấm dứt ham muốn, chấm dứt khổ là như thế nào? Con đường hay phương pháp chấm dứt ham muốn là như thế nào? Đặc biệt con đường chấm dứt ham muốn, chấm dứt khổ mới là điều cần thuyết giảng nhiều nhất. Cũng y như vậy một người giác ngộ Hữu tướng là hư vọng thì không dừng lại câu nhận xét suông mà sẽ phân tích, chỉ dẫn, giảng nói rành mạch những điều sau:

- Hữu tướng hư vọng là như thế nào?
- Duyên khởi lên Hữu tướng hư vọng hay do cái gì có mặt mà Hữu tướng hư vọng có mặt?
- Sự chấm dứt Hữu tướng hư vọng là như thế nào?
- Con đường hay phương pháp chấm dứt Hữu tướng hư vọng là như thế nào?

Câu nói: Sanh tâm vô sở trụ, nghĩa là không trụ vào Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp mà sanh tâm. Câu này có nghĩa là sinh tâm không dính mắc, không ràng buộc, không nương tựa vào Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, cũng có nghĩa là sanh tâm không có Tham ái đối với Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Câu nói này với ngôn từ khác có vẻ cao siêu nhưng lại gây khó hiểu cho người đọc, tuy vậy nó cũng đồng nghĩa với cách nói Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái Pháp ái và sự chấm dứt Tham ái đối với Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Hai cách nói này đều xuất

Ai sẽ giải thoát?

phát từ cùng một hiểu biết Hữu tướng hư vọng nghĩa là Tâm biết Cảnh, nghĩa là những gì được thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần, cho nên đối tượng của Ái là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Chính vì không biết Vô Tướng là như thế nào, không biết sự thật về Cảm thọ, không biết sự thật đối tượng của Ái là các Cảm thọ nên những người này hiểu như vậy và giải thích sai lạc lời dạy của Phật. Đức Phật đã thuyết giảng: Do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ... Rõ ràng Ngài đã giảng sự thật: đối tượng của Ái là Thọ chứ không phải đối tượng của Ái là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Đây là những pháp khó thấy, khó chứng, sâu kín, tịch tịnh, mỹ diệu vượt qua mọi tư duy lý luận suông, chỉ người trí mới có khả năng nhận hiểu.

a- Duyên khởi lên Hữu tướng hư vọng: Khi sáu Căn tiếp xúc sáu trần phát sinh sáu Cảm thọ và sáu cái biết trực tiếp (gọi chung là Tưởng) nhận biết sáu Cảm thọ đó. Xúc

- Thọ (Cảm giác) → Tưởng. Sự kiện này Thánh hay Phàm đều xảy ra như nhau. Tiếp đến Niệm, Tư duy sẽ khởi lên, tìm hiểu đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao, dễ chịu, khó chịu hay trung tính. Niệm và Tư duy sẽ phải sử dụng các thông tin trong "kho chứa thông tin". Mỗi một người đều có một "kho chứa thông tin" bao gồm những tri thức, hiểu biết đã được học hỏi và được lưu vào, những thói quen, kinh nghiệm đã được luyện tập, đặc biệt là những hiểu biết không đúng sự thật với tên gọi là Vô Minh như

Ai sẽ giải thoát?

Tâm biết Cảnh (Mắt thấy Sắc trần,Tai nghe Thanh trần, Mũi ngửi Hương trần...) như Khổ Tập Diệt Đạo là Cảnh và những tư tưởng: cái này là của Ta, là Ta như Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân Ý là của Ta, là Ta, nhà của Ta, xe của Ta... Tất cả những thông tin đó bao gồm các Thân hành, Khẩu hành, Ý hành được lưu vào kho chứa thông tin với tên gọi là Nghiệp hay Pháp trần. Đặc biệt Vô Minh và Ta, của Ta là những thông tin nổi bật nhất trong "kho chứa thông tin" đó. Tiếp theo sự nhận biết đối tượng (Tưởng), Niệm khởi lên tìm kiếm và kích hoạt thông tin trong kho chứa cho Tư duy sinh khởi và Tư duy sẽ phân tích so sánh,đối chiếu thông tin về đối tượng được nhận biết với thông tin trong kho chứa do Niệm kích hoạt. Hành vi Tư duy sẽ làm phát sinh cái biết Ý thức,hiểu biết về đối tượng.

Xúc → Thọ → Tưởng → Niệm → Tư duy → Ý thức

Như vậy nội dung của Ý thức tùy thuộc vào Niệm và Tư duy,tùy thuộc vào thông tin trong kho chứa,tức tùy thuộc vào tri thức,hiểu biết,kinh nghiệm quá khứ. Trong những thông tin này thì "Vô Minh, Ta,của Ta" là nội trội nhất nên Niệm bao giờ cũng kích hoạt nó lên và Tư duy sẽ đối chiếu với "Vô Minh, Ta, của Ta" nên nội dung của Ý thức sẽ có mặt các thông tin này.Vì vậy nội dung của Ý thức sẽ xuất một cái Ta (Bản ngã) chủ thể biết và đối tượng được biết là Thế Giới. Đây chính là Ý thức nhị nguyên, cũng chính là Vô Minh, cũng là Vọng Tưởng, cũng là Tà Tri Kiến, cũng là Hữu tướng hư vọng. Tuy tên gọi có khác nhau nhưng đều cùng chỉ Ý thức Tà Tri kiến của kẻ phàm

Ai sẽ giải thoát?

phu. Do vậy Niệm này là Tà Niệm, Tư duy này là Tà Tư duy và Ý thức này là Tà Tri kiến

Xúc → Thọ → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư duy → Tà Tri kiến

Đây chính là đoạn đầu của lộ trình tâm Bát Tà Đạo, lộ trình tâm của phàm phu. Như vậy nguyên nhân của Hữu tướng hư vọng là do Tà Niệm kích hoạt "Vô Minh, Ta, của Ta" trong kho chứa và Tà Tư duy làm phát sinh Tà Tri kiến chính là Hữu Tướng hư vọng. Khi đã có Hữu tướng hư vọng (Tà Tri kiến) thì Tham Sân Si, Ràng buộc, Sầu bi khổ ưu não sẽ khởi lên.

b- Sự chấm dứt Hữu tướng hư vọng và Con đường chấm dứt Hữu tướng hư vọng: Một vị hữu học có Văn tuệ tức được nghe giảng hoặc tự mình nghiên cứu kinh điển mà hiểu biết như thật về Lý Duyên khởi, biết như thật Vô thường, Vô ngã, biết như thật Khổ Tập Diệt Đạo. Những thông tin này sẽ được lưu vào "kho chứa thông tin" với tên gọi là Minh. Vị đó Tư duy về Minh để hiểu sâu và rộng hơn điều đã học, đồng thời kích hoạt thông tin đó làm cho nó trở nên nổi trội nhất trong kho chứa, nổi trội hơn cả "Vô Minh, Ta, của Ta". Khi vị đó tu tập Tứ Niệm Xứ thì khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần: Xúc → Thọ → Tưởng khởi lên tiếp đến Niệm khởi lên sẽ kích hoạt Minh chứ không kích hoạt Vô Minh, Ta, của Ta nên Tư duy sẽ đối chiếu với Minh làm phát sinh cái biết Ý thức đúng với sự thật. Niệm này bây giờ là Chánh Niệm, Tư duy là Chánh Tư duy, Ý

Ai sẽ giải thoát?

thức là Chánh Tri kiến. Lộ trình tâm này gọi là Bát Chánh Đạo như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh
Tỉnh Tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư Duy
→ Chánh Tri Kiến

Trong lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, sau khi nhận biết đối tượng với cái biết Tĩnh Giác (trực tiếp) nếu Chánh Niệm là nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng đó là tâm (đối với Niệm Tâm), nhớ đến chú tâm quán sát đối tượng đó Vô thường, Vô ngã, Ly tham (đối với Niệm Pháp) thì Chánh Tư Duy khởi lên đối chiếu thông tin về đối tượng do Tĩnh Giác cung cấp với các thông tin do Chánh Niệm kích hoạt và sẽ phát sinh Ý thức Chánh Tri Kiến biết như thật đối tượng đó là Tâm, nó Vô thường, Vô ngã, Ly tham. Chánh Tri Kiến này chính là cái biết Vô Tướng cũng là Minh, là Trí Tuệ và cũng chính là Vô Tướng Giải Thoát trong Tam Giải Thoát: Không Giải Thoát → Vô Tướng Giải Thoát → Vô Tác Giải Thoát.

Với Chánh Tri Kiến là Vô Tướng này Hành Giả cũng kinh nghiệm được Sự chấm dứt Hữu tướng hư vọng, cũng kinh nghiệm được Sự chấm dứt Tham Sân Si, cũng có nghĩa kinh nghiệm được Sự chấm dứt Khổ. Hành Giả cũng kinh nghiệm được Con đường chấm dứt Hữu tướng hư vọng chính là Bát Chánh Đạo.

Khi Chánh Tri Kiến hay Vô Tướng được tu tập cho đến viên mãn thì thông tin Minh được lưu vào kho chứa

Ai sẽ giải thoát?

xoá bỏ hoàn toàn thông tin "Vô Minh, Ta, của Ta" và đây là thời điểm chứng đạt đạo quả A La Hán. Sự xoá bỏ hoàn toàn thông tin "Vô minh, Ta, của Ta" trong kho chứa thông tin chính là sự đoạn tận Tà Niệm, đoạn tận Vô Minh, đoạn tận Tà Tri Kiến, đoạn tận Hữu tướng hư vọng, đoạn tận Tham Sân Si, đoạn tận Khổ đau. Sự kiện này xảy ra nơi lộ trình tâm Bát Chánh Đạo do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần mà phát sinh ra, nó là những lộ trình tâm sinh diệt, vô thường, vô ngã chứ không phải nơi một Chân Tâm không sinh không diệt hay một Tánh giác nào đó. Sự kiện xoá bỏ hoàn toàn thông tin "Vô Minh, Ta, của Ta" xảy ra ngay trong cấu trúc ADN của các tế bào cơ thể vì kho chứa thông tin chính là cấu trúc ADN của tế bào. Chính vì vậy mà Đức Phật tuyên bố: Thế gian, Nguồn gốc Thế gian, Sự chấm dứt Thế gian và Con đường chấm dứt Thế gian đều nằm trong tám thân dài độ thước này cùng với Tướng và Thức.

CHẤP CÓ CHẤP KHÔNG VÀ LÝ DUYÊN KHỞI

Ai với Chánh trí tuệ thấy như chơn các pháp tập khởi thì không cho rằng các pháp là không có. Ai với Chánh trí tuệ thấy như chơn các pháp đoạn diệt thì không cho các pháp là có. Chấp Có, chấp Không có là những biên kiến. Như Lai xa lìa hai cực đoạn mà thuyết pháp ở Trung Đạo: cái này có do cái kia có, cái này sinh do cái kia sinh, cái này không có do cái kia không có, cái này diệt do cái kia diệt.

- Trước tiên phải hiểu thế nào là chấp Các pháp là Có, thế nào là chấp các pháp là Không có. Ví như một người thấy một khúc mía, liền khởi lên hiểu biết: khúc mía này ngọt. Với hiểu biết này ngọt là một pháp, ngọt là vật chất, ngọt thường trú nơi cây mía, cây mía có bị ép ra thành nước thì ngọt thường trú nơi nước mía, nước mía được nấu thành đường thì ngọt ở nơi đường, đường được chế biến thành kẹo bánh thì ngọt ở nơi kẹo bánh, đường đó có chế biến thành giấm thì ngọt không mất đi mà chỉ biến đổi thành chua mà thôi. Như vậy ngọt là một pháp, thường hằng, thường trú, không sinh ra cũng không mất đi mà chỉ biến đổi từ vật này sang vật khác, từ trạng thái này sang trạng thái khác mà thôi. Như vậy theo hiểu biết này ngọt là thường có, sẵn có không từ đâu sanh, không bao giờ diệt. Tất cả các pháp khác như đất nước gió lửa, vuông tròn, to

Ai sẽ giải thoát?

nhỏ, đẹp xấu, xanh vàng đỏ trắng, mặn ngọt chua cay, cứng mềm, thô mịn... cũng đều như vậy nghĩa là các pháp thường còn, sẵn có, luôn luôn có, thường trú nơi Cảnh, nên gọi là chấp các pháp là Thường Có. Quan niệm này gọi là Thường Kiến, thuộc về chủ nghĩa Duy Vật.

Khi một người khoẻ mạnh cảm nhận được cây mía ngọt, nhưng khi người đó ốm nặng cũng cây mía đó lại cảm nhận nhạt nhẽo hoặc đắng, không còn ngọt nữa. Người này kết luận ngọt không nằm trong cây mía, mà ngọt là do Tâm tạo, ngọt do Tâm sanh. Từ những nhận xét tương tự như vậy mà khái quát lên, trừu tượng lên đưa đến chủ trương các pháp do Tâm tạo, các pháp do Tâm sanh. Tâm sanh ra các pháp (các sự vật hiện tượng) là một Năng Lực Tinh Thần tuyệt đối, một Thượng Đế Toàn Năng, một Đại Ngã, một Chân Tâm Thường Trụ... Tên gọi Tâm đó thì tùy thuộc vào từng trường phái, từng tôn giáo nhưng quan niệm thì đều giống nhau nghĩa là các pháp không có thật, chỉ do Tâm tạo ra. Đây chính là chấp các pháp là Không Có, chỉ do Tâm hoá hiện ra và quan điểm này là Đoạn Kiến, thuộc về chủ nghĩa Duy Tâm.

- Thấy như chơn các pháp tập khởi, thấy như chơn các pháp đoạn diệt thì ly hai cực đoạn Thường Có và Không Có. Một người nếu quán sát sự thật sẽ thấy rằng: Có khúc mía và có Lưỡi, tức có hai nhân nhưng chưa tiếp xúc nhau thì chưa có vị ngọt nào phát sinh cả. Khi Lưỡi tiếp xúc với Khúc mía, lập tức phát sinh cảm giác vị ngọt. Đây là "ngọt" "thực", dù là Phàm hay Thánh đều cảm nhận được. Ngọt là cảm giác nó là Tâm chứ không phải Cảnh

Ai sẽ giải thoát?

(vật chất). Xúc sinh cảm giác vị ngọt sinh, Xúc diệt cảm giác vị ngọt diệt vì vậy cảm giác vị ngọt Vô thường, không luôn luôn có, không Thường Có. Cảm giác vị ngọt do duyên Căn Trần tiếp xúc mà sinh ra, Thánh hay Phàm đều cảm nhận được, Xúc sinh nó sinh, Xúc diệt nó diệt, tuy nó chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng nó có thật chứ không phải do Tâm hoá hiện ra nên không phải là Không Có. Như vậy thấy như chơn ngọt tập khởi, thấy như chơn ngọt đoạn diệt là như vậy, cũng có nghĩa là Liễu tri "ngọt" thì chấm dứt được cái thấy sai lạc gọi là hai cực đoạn Thường Có và Không Có hay Thường Kiến và Đoạn Kiến theo chủ nghĩa Duy Vật và Duy Tâm.

Lý Duyên Khởi được Đức Phật giới thiệu rất ngắn gọn: do cái này có, cái kia có, do cái này sinh, cái kia sinh, do cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt cái kia diệt. Cái này là Nhân và Cái kia là Quả, nhưng không phải là một nhân sinh quả, hay nhân chính biến đổi thành quả có nhân phụ trợ giúp, hay nhân chính biến đổi thành quả có duyên trợ giúp. Quán sát sự thật để thấy cụ thể: Cái này là nhân bao gồm Lưỡi là nhân thứ nhất (Căn) và Khúc mía là nhân thứ hai (Trần). Hai nhân này bình đẳng, không nhân nào là chính, không nhân nào là phụ. Có đủ hai nhân nhưng chưa có sự tiếp xúc thì chưa có Cảm giác vị ngọt nào phát sinh. Khi Lưỡi và Khúc mía tiếp xúc với nhau thì lập tức phát sinh Cảm giác vị ngọt. Như vậy Nhân là Cái này bao gồm hai nhân Căn Trần duyên nhau, tức tiếp xúc với nhau hay còn gọi là duyên Xúc. Đây gọi là Nhân duyên hay duyên khởi lên các pháp. Cái kia chính là Quả, nhưng

Ai sẽ giải thoát?

không phải hai nhân tiếp xúc phát sinh một quả mà phát sinh nhiều quả. Khi Lưỡi tiếp xúc với Khúc mía không những phát sinh Cảm giác vị ngọt, mà còn đồng thời phát sinh một cái biết, nhận biết Cảm giác vị ngọt đó. Cái biết này là cái biết trực tiếp giác quan, hay còn gọi là Nhận thức cảm tính có tên gọi là Thiệt thức. Như vậy Cái kia hay Quả bao gồm Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức. Quán sát sự thật như vậy để thấy được lời dạy của Đức Thế Tôn, rất ngắn gọn, rất đơn giản, không thừa, không thiếu một chi tiết nào. Cần phải quán sát một chi tiết cũng hết sức quan trọng là Nhân diệt thì Quả sanh, Nhân và Quả không bao giờ cùng đồng thời tồn tại. Khi Lưỡi và Khúc mía tiếp xúc với nhau phát sinh Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức thì Lưỡi không còn y nguyên như ban đầu, mà nó đã đổi khác, nghĩa là Lưỡi cũ diệt, Lưỡi mới phát sinh, Khúc mía cũng tương tự như vậy. Sự sinh diệt này rất vi tế nên có thể lấy một thí dụ khác để thấy Nhân diệt Quả sanh dễ hơn. Ví như chậu nước trong và gói thuốc nhuộm đỏ tiếp xúc với nhau và cả hai cùng diệt mới phát sinh chậu thuốc nhuộm đỏ. Căn Trần tiếp xúc nhau gọi tắt là Xúc. Xúc sinh Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức sinh, Xúc diệt Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức diệt nên Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức Vô thường. Khi Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức sinh lên thì Căn Trần (Lưỡi cũ và Khúc mía cũ) đã diệt nên nó hoàn toàn độc lập hay nó Vô chủ nghĩa là Lưỡi và Khúc mía không có quan hệ chủ nhân hay chủ sở hữu cảm giác vị ngọt. Như vậy thấy được Duyên khởi lên Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức cũng thấy luôn Cảm giác vị ngọt và Thiệt thức đều Vô thường, Vô chủ (Vô ngã). Mỗi người phải tự mình quán sát

Ai sẽ giải thoát?

tỉ mĩ sáu căn tiếp xúc sáu trần để tự mình thấy, tự mình biết như thật quy luật Duyên khởi nghĩa là: Hai nhân Căn và Trần tiếp xúc nhau rồi cùng diệt mà phát sinh hai quả đồng thời là Cảm giác và Cái biết trực tiếp giác quan (còn gọi là Thọ và Tưởng), các pháp này đều Vô thường, Vô chủ (Vô ngã)

Nhãn xúc phát sinh: Cảm giác hình ảnh → Nhãn thức

Nhĩ xúc phát sinh: Cảm giác âm thanh → Nhĩ thức

Tỉ xúc phát sinh: Cảm giác mùi → Tỉ thức

Thiệt xúc phát sinh: Cảm giác vị → Thiệt thức

Thân xúc phát sinh: Cảm giác xúc chạm → Thân thức

Ý xúc phát sinh: Cảm giác pháp trần → Tưởng thức

Viết tóm tắt là: Xúc → Cảm giác (Thọ) → Tưởng

Khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh sáu Cảm thọ và sáu Tưởng tức sáu cái biết trực tiếp nhận biết sáu Cảm thọ, sự việc này xảy ra nơi các giác quan. Sau đó lượng thông tin của cái biết trực tiếp được truyền dẫn vào trong tế bào thần kinh não bộ. Tại tế bào thần kinh não bộ phát sinh sự tiếp xúc (tương tác) giữa lượng thông tin được truyền vào với lượng thông tin Pháp trần được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào. Đây cũng là Ý tiếp xúc với

Ai sẽ giải thoát?

Pháp và gọi là Nội xúc. Sự tiếp xúc hay tương tác này sẽ phát sinh Niệm, tiếp đến lượng thông tin do Niệm kích hoạt sẽ tương tác với lượng thông tin được truyền vào phát sinh Tư duy. Lộ trình cứ thế tiếp diễn làm phát sinh Ý thức, rồi từ Ý thức phát sinh Thái độ và Phản ứng với đối tượng và cuối cùng là kết quả. Từ Niệm trở đi, các Danh pháp này đều do Ý tiếp xúc với Pháp trần mà phát sinh, cụ thể là sự tương tác giữa hai tượng thông tin ngay trong bản thân tế bào thần kinh não bộ, hoặc các tế bào chức năng khác (phát sinh ra lời nói, hành động) nên gọi là Nội xúc. Các Danh pháp này đều Vô thường, Vô ngã. Lý Duyên khởi này được đề cập trong Thập nhị nhân duyên: Do duyên Vô minh mà có Hành, do duyên Hành mà có Thức (tái sinh), do duyên Thức (tái sinh) mà có Danh Sắc, do duyên Danh Sắc mà có Lục nhập, do duyên Lục nhập mà có Xúc, do duyên Xúc mà có Thọ, do duyên Thọ mà có Ái, do duyên Ái mà có Thủ, do duyên Thủ mà có Hữu, do duyên Hữu mà có Sinh, do duyên Sinh mà có Già chết sầu bi khổ ưu não không thể kể xiết. Lý Duyên khởi này phải được quán sát theo hai phân đoạn: Một là Vô minh → Hành → Thức (tái sinh) → Danh Sắc để thấy rõ Nguyên lý luân hồi tái sinh, để thấy được sự xuất hiện, sự phát sinh của Danh Sắc. Hai là Lục nhập → Xúc → Thọ → Ái → Thủ → Hữu → Sinh → Già chết sầu bi khổ ưu não để biết Về Bát Tà Đạo, để tuệ tri Khổ Đế và Tập Đế. Quán sát một cách tỉ mỉ sẽ là:

Xúc → Thọ → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư duy → Tà Tri kiến → Tham Sân Si → Tà Định → Dục → Tà Tinh

Ai sẽ giải thoát?

tân → Phi Như Lý tác ý → Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng → Sinh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não

Đây là lộ trình Duyên khởi lên Thực tại của Phàm phu, nó chính là lộ trình tâm Bát Tà Đạo.

Lộ trình duyên khởi lên Thực tại của bậc Thánh cũng do duyên sáu Căn và sáu Trần mà phát sinh, nó là lộ trình Bát Chánh Đạo trên đó có Diệt Đế và Đạo Đế như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư duy → Chánh Tri kiến → Như Lý tác ý → Chánh ngữ Chánh nghiệp Chánh mạng

Quán sát Lý Duyên Khởi để thấy biết như thật Thực tại đang là của Phàm và Thánh, để thấy biết như thật Khổ Tập Diệt Đạo chứ không phải để có được sự hiểu biết về Thế giới, hiểu biết về nguồn gốc Thế giới, hiểu biết về các giai đoạn Thành Trụ Hoại Không của Thế giới, hiểu biết về các bí ẩn của Thế giới, hiểu biết sự thật tuyệt đối của Thế giới.

Như vậy quán sát Lý Duyên khởi là quán sát sự tiếp xúc giữa sáu Căn và sáu Trần, để thấy biết như thật sự phát sinh các pháp, để thấy biết như thật Thực tại của mỗi người bao gồm Cái biết (Tâm biết) và Cái được biết đều do sáu Căn và sáu Trần tiếp xúc mà phát sinh ra. Cái biết (Tâm biết) và Cái được biết đều là Tâm, đều Vô thường, Vô ngã

Ai sẽ giải thoát?

chứ không phải là Cảnh, không phải là Sắc Thanh Hương vị Xúc Pháp trần bên ngoài, không phải là Thế giới. Vì không giác ngộ Lý Duyên khởi nơi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần nên kẻ phàm phu lầm chấp Thực tại là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần bên ngoài, không phân biệt được Thực tại của mỗi người với Thế giới, nên lầm chấp các pháp là Thường hằng và Hữu ngã rồi trôi lăn theo vọng tưởng đó. Chừng nào chưa giác ngộ Lý Duyên khởi thì chừng đó còn xoay quanh Bản ngã và Thế giới nghĩa là Tâm biết là Bản ngã và Đối tượng được biết là Thế giới thì các pháp là Thường hằng và Hữu ngã và như vậy sẽ lầm chấp các pháp là Thường Có hoặc Không Có (chấp Có, chấp Không), chứ không thể nào liễu tri các pháp, thấy biết như thật các pháp Vô thường, Vô ngã được. Chính vì lý do này mà Đức Phật khẳng định: Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Ta.

CHÂN ĐẾ VÀ TỤC ĐẾ

Chân đế và Tục đế là những khái niệm xuất hiện về sau, nó không có trong các bộ kinh Nikaya, nghĩa là không do Phật nói. Kinh điển có nói đến Đế, nói đến Chân Lý hay Sự Thật phổ quát mà các bậc Thánh đã giác ngộ, đó là Tứ Thánh Đế bao gồm Khổ Đế, Tập Đế, Đạo Đế và Diệt Đế. Như vậy Kinh điển nói đến Tứ Đế chứ không phải là Nhị Đế. Nhị Đế bao gồm Tục đế và Chân đế là quan niệm của người đời sau và các quan niệm đó không ăn nhập gì với Tứ Đế.

Tục đế được hiểu là Sự thật tương đối, Chân đế được hiểu là sự thật tuyệt đối. Trong cách hiểu như vậy đã có sự mâu thuẫn. Nếu đã là sự thật, là chân lý thì chỉ duy nhất có một sự thật, chứ không thể nào có hai sự thật tương đối và tuyệt đối được. Nếu hiểu sự thật tương đối là gần với sự thật, thì nó đâu phải là sự thật, cho dù nó gần sự thật bao nhiêu đi nữa thì nó vẫn không phải là sự thật. Hiểu Tục đế và Chân đế như vậy là do sự đồng nhất giữa Thực tại và Thế giới, bắt nguồn từ Ý thức nhị nguyên của loài người có nội dung là Bản ngã và Thế giới. Chủ thể biết là Bản ngã và Đối tượng được biết là Thế giới, vì thế mới phát sinh khái niệm: Tục đế là biết về sự thật tương đối về Thế giới và Chân đế là biết sự thật tuyệt đối về Thế giới. Tục đế là thấy biết sự thật tương đối về Thế giới của Phạm phu, với những khái niệm, ngôn ngữ chế định, có Ta, có người, có to nhỏ, nặng nhẹ, cứng mềm, thô mịn, xanh vàng đỏ

Ai sẽ giải thoát?

trắng,mặn ngọt chua cay, có Phật có chúng sanh... Chân đế là sự thật tuyệt đối về Thế giới, không có khái niệm,không có ngôn ngữ chế định. Những ai giác ngộ Chân đế là giác ngộ sự thật tuyệt đối về thế giới thì không thể nào có thể diễn giảng, giảng nói về cái sự thật tuyệt đối vô ngôn, vô niệm, vô phân biệt ấy. Đây là một sự nhầm lẫn rất lớn, nhầm lẫn cơ bản về sự giác ngộ của Đức Phật. Sự giác ngộ của Đức Phật là giác ngộ Tứ Thánh Đế, chứ không phải giác ngộ về Thế giới và sau khi giác ngộ Tứ Thánh Đế,Ngài đã thuyết giảng, xác chứng, hiển thị, phân tích, chỉ dẫn rành mạch về Bốn Sự Thật đó. Tục đế và Chân đế theo cách hiểu là sự thật tương đối và tuyệt đối của Thế giới là Căn bản Vô minh,Tâm biết Cảnh, Tâm biết các Sắc pháp, nghĩa là Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỉ thức biết Hương trần, Thiệt thức biết Vị trần, Thân thức biết Xúc trần, Tưởng thức biết Pháp trần. Chính Căn bản Vô minh này là màn che, ngăn không cho kẻ phàm phu thấy như thật Thực tại, không phân biệt được Thực tại và Thế giới là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau. Thực tại của Phàm hay Thánh bao gồm Cái biết và Cái được biết đều do sáu Căn và sáu Trần tiếp xúc mà phát sanh ra và Cái được biết (đối tượng) là sáu Cảm thọ chứ không phải là Thế giới Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp trần. Thực tại còn bao gồm: Niệm, Tư duy, Ý thức, Thái độ, Phản ứng với đối tượng cũng là đối với Cảm thọ, kết quả của Thái độ và Phản ứng ấy cũng là với Cảm thọ. Như vậy có một Con người chủ quan và một Thế giới khách quan tiếp xúc với nhau phát sinh một”Thế giới cảm thọ ”và những gì được Thấy, được Nghe, được Cảm nhận, được

Ai sẽ giải thoát?

Nhận thức là "thể gởi Cảm thọ" chứ không phải là Thể giới khách quan (Thế giới). Thực tại cũng được phân chia thành hai loại: Thực tại của kẻ Phàm phu và Thực tại của bậc Thánh nhưng không phải Thực tại của Phàm phu là Thực tại tương đối còn Thực tại của bậc Thánh là Thực tại tuyệt đối, mà kẻ Phàm phu không thấy biết như thật hay không giác ngộ Thực tại chỉ có bậc Thánh mới thấy biết như thật, mới giác ngộ cả hai Thực tại này.

- Thực tại của Phàm phu: Khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, phát sinh sáu Thọ và sáu Tưởng, tức sáu cái biết trực tiếp giác quan nhận biết sáu Thọ (Xúc → Thọ → Tưởng) tiếp đến Tà Niệm, Tà Tư duy khởi lên làm phát sinh Tà Tri kiến, là cái biết Ý thức nhị nguyên có nội dung Bản ngã và Thế giới (Cái biết là Bản ngã, Đối tượng được biết là Thế giới) không đúng sự thật, không liễu tri đối tượng nên gọi là Vô Minh. Do có Vô Minh mà sẽ phát sinh Thái độ là Thâm Sân Si và Ràng buộc vào đối tượng (gọi là Thủ), do có Thủ mà sẽ có Phản ứng với đối tượng, do có Phản ứng (gọi là Nghiệp Hữu) mà có sầu bi khổ ưu não sinh già bệnh chết... Trong Duyên Khởi có thuyết minh một cách tóm tắt:

Xúc → Thọ → Ái → Thủ → Hữu → Sinh → Già chết sầu bi khổ ưu não...

Nếu Thực tại này thuyết minh một cách đầy đủ thì đó là những lộ trình tâm Bát Tà Đạo, do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh ra:

Ai sẽ giải thoát?

Xúc → Thọ → Tưởng → Tà Niệm → Tà Tư duy → Tà Tri kiến → Tham, Sân, Si (Ái) → Tà Định → Dục → Tà Tinh tấn → Phi như lý tác ý → Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng → Sâu bi khổ ưu não Sinh già bệnh chết...

Trong Thực tại của Phàm phu có Vô minh, có Tham Sân Si, có sâu bi khổ ưu não, Sinh già bệnh chết nghĩa là có Sự thật Khổ và Sự thật Nguyên nhân Khổ. Kẻ Phàm phu tuy sống trong Thực tại có Sự thật Khổ và Sự thật Nguyên nhân Khổ nhưng vì bị Vô Minh che đậy nên không giác ngộ hai sự thật này. Bậc Thánh giác ngộ Lý Duyên khởi nên thấy biết như thật Khổ khởi lên theo lộ trình tâm Bát Tà Đạo, Khổ là Tâm chứ không phải Cảnh, Khổ vô thường, vô ngã. Năm Thủ Uẩn là khổ chứ không phải Năm Uẩn là khổ. Nguyên nhân Khổ là Tham Sân Si cũng là Tâm chứ không phải Cảnh và Nguyên nhân Khổ cũng vô thường, vô ngã. Thấy biết như thật về Khổ và Nguyên nhân Khổ của bậc Thánh gọi là Giác ngộ Khổ Đế và Tập Đế. Hai chân lý hay hai sự thật này thuộc về Thực tại của Phàm phu nhưng chỉ có bậc Thánh mới giác ngộ, có thể nói gộp lại là Tục Đế, sự thật của Thế tục.

- Thực tại của bậc Thánh: Thực tại của bậc Thánh cũng do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh và đó là lộ trình tâm Bát Chánh Đạo được diễn tả như sau:

Xúc → Thọ → Tưởng → Chánh Niệm → Chánh Tinh tấn → Chánh Định → (Tĩnh Giác) → Chánh Tư duy → Chánh Tri kiến → Như Lý tác ý → Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng

Ai sẽ giải thoát?

Trong Thực tại của bậc Thánh không còn Tà Tri kiến, không còn Vô Minh, không còn thấy biết về Bản ngã và Thế giới mà có Chánh Tri kiến, là thấy biết như thật về Duyên Khởi, về Vô thường, Vô ngã, là Tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ. Do thấy như vậy, biết như vậy mà các lậu hoặc được đoạn tận, chư vị tuệ tri được Khổ Diệt (Niết Bàn), tuệ tri được Con đường đưa đến Khổ Diệt là Bát Chánh Đạo. Đây gọi là giác ngộ Diệt đế và Đạo đế. Nếu nói gộp thì hai sự thật hay hai chân lý này là Chân Đế, thuộc về bậc Thánh, thuộc về Xuất thế.

Như vậy sự chứng ngộ và thuyết giảng của Đức Phật là Bốn Sự Thật, Bốn Chân Lý hay là Bốn Đế bao gồm: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế và nếu nói gộp lại là Tục đế và Chân đế thì phải hiểu một cách chính xác: Tục đế bao gồm Khổ đế và Tập đế là hai sự thật thuộc về Thế gian (Thế tục), Chân đế bao gồm Diệt đế và Đạo đế là hai sự thật thuộc về bậc Thánh, Siêu thế.

Hãy ghi nhớ rằng Đối tượng mà Đức Phật và chư vị A La Hán giác ngộ là Cảm thọ, là Khổ Tập Diệt Đạo chứ không phải là Bản ngã hoặc Thế giới. Đó là Tuệ tri (thấy biết như thật) Sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ, Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo, chứ không phải là giác ngộ về Bản ngã, giác ngộ một Chân Tâm không sinh không diệt, hay giác ngộ về Thế giới là như thế này hay như thế kia. Nhưng sự giác ngộ này xảy ra nơi cái Tâm nào? Đương nhiên sự giác ngộ ấy, sự tuệ tri ấy xảy ra trên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo, và cụ thể là Chánh

Ai sẽ giải thoát?

Tri kiến, là cái biết Ý thức, chứ không phải là cái biết trực tiếp, cái biết Tĩnh giác.

Cái biết hay Tâm biết còn được gọi là Năng kiến có hai cấp độ: Cái biết trực tiếp giác quan và cái biết Ý thức mà khoa học gọi là Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính đối tượng. Thánh hay Phàm đều cùng có Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính.

- Nhận thức cảm tính đối tượng: Khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, phát sinh sáu Cảm thọ và đồng thời phát sinh cái biết trực tiếp, nhận biết sáu Cảm thọ đó. Đó là Nhận thức nhận biết Cảm giác hình ảnh, Nhĩ thức nhận biết Cảm giác âm thanh, Tỉ thức nhận biết Cảm giác mùi, Thiệt thức nhận biết Cảm giác vị, Thân thức nhận biết Cảm giác xúc chạm, Tướng thức nhận biết Cảm giác pháp trần. Đây là sáu cái biết trực tiếp giác quan do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh ra, cái biết không tri thức, khái niệm, không ngôn ngữ chế định, cái biết không do học hỏi mà có. Đã là động vật, không phân biệt lớn nhỏ, tiến hoá ở mức độ nào, động vật sơ đẳng hay bậc cao đều có cái biết trực tiếp này để nhận biết các Cảm giác của chúng. Nó là cái biết như thật đối tượng ở cấp độ nhận thức cảm tính. Hãy hình dung cái biết này khi một đứa trẻ được sinh ra, tức thì sáu Căn nó tiếp xúc sáu Trần, nó vẫn nhận biết các đối tượng, nó vẫn thấy, nghe, cảm nhận các Cảm giác nhưng không biết là đó là cái gì. Đây là cái biết trực tiếp thuần túy chưa có Ý thức khởi lên. Trong cái biết trực tiếp hay Nhận thức cảm tính này không có tri thức, khái niệm, không có ngôn ngữ chế định, không có khái niệm không gian thời gian, không

Ai sẽ giải thoát?

có khái niệm to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, cứng mềm, không có xanh vàng đỏ trắng, không có mặn ngọt chua, không có khái niệm sinh, không có khái niệm diệt, không có khái niệm nhơ sạch, tăng giảm, không có khái niệm sắc thọ tưởng hành thức, không có khái niệm mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có khái niệm sắc thanh hương vị xúc pháp, không có khái niệm nhân giới cho đến ý thức giới, không có khái niệm Minh và Vô minh, không có khái niệm khổ tập diệt đạo, không có khái niệm chứng đắc... Tóm lại đây là cái biết vô ngôn, vô niệm, vô phân biệt mà Phàm hay Thánh hay bất cứ một động vật cấp cao, cấp thấp nào cũng có. Cái biết trực tiếp này nơi người Phàm thì gọi là Tưởng tri và sau khi Tưởng tri đối tượng, cái biết Ý thức nhị nguyên khởi lên ngay, nên kẻ Phàm phu không kinh nghiệm và an trú được cái biết trực tiếp này. Bậc Thánh hữu học hoặc vô học, sau cái biết trực tiếp khởi lên nhận biết đối tượng thì Chánh Niệm, Chánh Tinh tấn, Chánh Định liên tiếp khởi lên nên tách bạch được cái biết trực tiếp ra khỏi cái biết Ý thức và nhờ vậy mà kinh nghiệm và an trú thuần túy cái biết trực tiếp. Đối với bậc Thánh cái biết trực tiếp có tên gọi là Tỉnh Giác hoặc Thắng tri hoặc là Không tánh. Đa số người học Phật có một sự nhầm lẫn rất lớn là xem cái Nhận thức cảm tính vô ngôn, vô niệm, vô phân biệt này là Chân đế, là Thực tánh pháp, là Niết bàn, là sự thật tuyệt đối, là Trí tuệ Bát nhã, là Chân Tâm.

- Nhận thức lý tính đối tượng: Đây là cái biết Ý thức do Niệm, Tư duy mà phát sinh. Nó là cái biết có tri thức,

Ai sẽ giải thoát?

khái niệm, có ngôn từ, có phân biệt đối đãi cái này với cái kia. Nó là cái biết do học hỏi, do tích lũy kinh nghiệm trong quá khứ, nó phụ thuộc lượng thông tin trong kho chứa thông tin của mỗi loài. Cái biết Ý thức của loài người có được như ngày nay phải trải qua một quá trình dài lâu, khám phá, học hỏi, tích lũy trao truyền kinh nghiệm. Chính cái biết Ý thức hay Nhận thức lý tính này là thước đo trình độ tiến hoá của các loài động vật, phân biệt giữa người này và người kia, giữa Phàm và Thánh. Ví như khi mắt tiếp xúc với đồng lửa thì sự nhận biết đối tượng hay Nhận thức cảm tính đối tượng của con người và con thiêu thân tương tự như nhau, nhưng Nhận thức lý tính hay hiểu biết Ý thức về đối tượng thì hoàn toàn khác nhau, vì vậy con thiêu thân lao vào lửa và tự thiêu xác còn con người thì không như vậy. Cùng một đồng lửa, khi mắt các loài vật tiếp xúc thì sự nhận biết đối tượng hay Nhận thức cảm tính về đối tượng giống nhau nhưng hiểu biết của các loài đó về đối tượng (lửa) lại hoàn toàn khác nhau và vì vậy đưa đến Thái độ và Phản ứng với đối tượng đó khác nhau. Nhận thức cảm tính của Phàm và Thánh đều giống nhau nhưng Nhận thức lý tính của Phàm và Thánh lại khác nhau.

Nhận thức lý tính hay Ý thức của Phàm phụ do Tà Niệm và Tà Tư duy mà khởi lên, nó là cái hiểu biết không đúng như thật đối tượng nên gọi là Tà Tri kiến hay Vô minh. Nội dung Vô Minh là Tâm biết Cảnh, là Thường kiến và Ngã kiến, là không biết như thật Khổ Tập Diệt Đạo nên nó là nhân cho Tham ái sinh khởi và Tham ái lại là nhân cho toàn bộ Khô uẩn sinh khởi.

Ai sẽ giải thoát?

Nhận thức lý tính hay Ý thức của bậc Thánh do Chánh Niệm, Chánh Tư duy mà khởi lên, nó là Chánh Tri kiến là hiểu biết như thật đối tượng: đó là Cảm thọ, nó Vô thường, Vô ngã, Tuệ tri sự sinh diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và Sự xuất ly của Thọ, Tuệ tri Khổ Tập Diệt Đạo. Chính nhờ Chánh Tri kiến mà không còn nhân duyên cho Tham ái khởi lên. Chánh Tri kiến là cái biết Ý thức do Chánh Tư duy khởi lên nên vẫn là cái biết có tri thức, khái niệm, có ngôn ngữ chế định, có phân biệt pháp này với pháp kia, vẫn sử dụng các thông tin trong kho chứa nhưng đã được thanh lọc khỏi Vô Minh và phải do học hỏi mà có được, vì vậy lộ trình tu tập Chánh Tri kiến là Văn Tư Tu. Chánh Tri kiến được tu tập, được làm cho viên mãn sẽ đưa đến xoá bỏ hoàn toàn nguyên nhân phát sinh Tà Tri kiến và thời điểm đó chính là giác ngộ Tứ Thánh Đế. Vì vậy sự giác ngộ xảy ra nơi Nhận thức lý tính, nơi Ý thức Chánh Tri kiến chứ không phải nơi Nhận thức cảm tính, nơi cái biết Tĩnh giác.

Tác giả của tập truyện Tây Du Ký cũng hiểu rõ vấn đề này khi mô tả chương Tôn Ngộ không thật và Tôn Ngộ không giả đánh nhau bất phân thắng bại. Trận chiến xảy ra ác liệt nhưng loài người, loài trời và cả bồ tát cũng không ai phân biệt được đâu là Ngộ không thật, đâu là Ngộ không giả. Chỉ khi Như Lai xuất hiện thì Ngộ không giả mới hiện nguyên hình và Ngộ không thật mới phang một gậy kết liễu Ngộ không giả. Ý nghĩa của truyện này được hiểu như sau: Tôn Ngộ không là nhân cách hoá của cái biết Ý thức. Ngộ không thật là Ý thức Chánh Tri kiến, Ngộ không giả là Ý thức Tà Tri kiến. Một vị hữu học đang tu tập, đang

Ai sẽ giải thoát?

thực hành hướng đến vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách nhưng không phải mọi lúc, mọi nơi Chánh Niệm đều khởi lên liên tục mà Tà Niệm vẫn đan xen vào. Nếu có Chánh Niệm thì Chánh Tri kiến khởi lên (Ngộ không thật) nếu Tà Niệm có mặt thì Tà Tri kiến có mặt (Ngộ không giả) và cứ đắp đổi cho nhau như vậy. Cho đến khi Như Lai xuất hiện với ẩn dụ là đặc quả A La Hán thì Chánh Tri kiến mới đoạn diệt hoàn toàn Tà Tri kiến với ẩn dụ Ngộ không thật phang chết Ngộ không giả.

THIÊN NÓI

Thiên nói là gì? Là thiên bằng lời nói, là thiên nơi đầu môi chóp lưỡi. Tác giả của Tây Du Ký đã có quan điểm về loại thiên này bằng ẩn dụ trong chương Tôn Ngộ Không đánh nhau với Hồng Hải Nhi. Tôn Ngộ Không võ nghệ cao cường áp đảo được Hồng Hải Nhi, nhưng Hồng Hải Nhi có một loại vũ khí lợi hại là súng bắn ra Lửa Khói Tam Muội làm cho Tôn Ngộ Không mê man bất tỉnh, suýt bỏ mạng. Tôn Ngộ Không phải nhờ Bồ tát cứu viện. Bồ tát sai Mộc xoa Huệ ngạn lên Thiên đình mượn bộ đao thiên cung của Thác thập Lý thiên vương, sai đệ tử rửa mức đầy một hồ lô nước biển Nam hải. Lại sai một con chim màu trắng bay ngang tầm mắt dẫn đường. Đến nơi Bồ tát sai sơn thần, thổ địa đuổi các loài thú ra ngoài 800 dặm, sau đó sai rửa đổ nước biển Nam Hải trong hồ lô ra khoảng trống kia. Tiếp đến Bồ tát dùng đao Thiên cung làm thành đài sen và an tọa trên đó. Tiếp đến bảo Tôn Ngộ Không như Hồng Hải Nhi đến. Hồng Hải Nhi dùng giáo đâm vào Bồ tát, khiến Bồ tát phải rời đài sen và đánh nhau với Hồng Hải Nhi. Bồ tát ném ra năm vòng kim cô còn lại (tất cả có tám vòng kim cô, một vòng trên đầu Tôn Ngộ Không, hai vòng đã được sử dụng nhưng người viết không nhớ rõ). Năm vòng kim cô mà Bồ tát ném ra trói chặt hai tay, hai chân và cổ của Hồng Hải Nhi buộc y phải quy hàng và chấp nhận cạo đầu quy y với Bồ tát. Vừa cạo đầu quy y xong, Hồng Hải Nhi lại cầm giáo đâm Bồ tát và nhảy lên chiếm đài sen, nhưng đài sen hoá hiện nguyên hình các đao

Ai sẽ giải thoát?

Thiên cung đâm xoáy vào đùi Hồng Hải Nhi, làm cho y vô cùng đau đớn. Hồng Hải Nhi cố gắng rút các mũi đao ra khỏi đùi, nhưng càng rút thì đao càng xoắn lại và kết quả là y phải hàng phục Bồ tát. Từ đây Hồng Hải Nhi đi theo Bồ tát về biển Nam Hải, cứ mỗi bước đi lạy xuống một lạy và đứng năm mươi hai bước chân thì về đến Nam Hải.

Ẩn dụ này được hiểu như sau: Tôn Ngộ Không là nhân cách hoá của Ý Thức con người, là cái biết do tư duy (suy nghĩ) tạo thành, nói nôm na là cái biết của trí óc. Tam Muội theo nghĩa của Tiếng Hán là Định. Hình ảnh Tôn Ngộ Không bị khói lửa Tam Muội làm cho ngất đi, suýt mất mạng khẳng định rằng: không thể nào có thể đắc được các bậc Thiền bằng trí óc, bằng hiểu biết, bằng lời nói, bằng thuyết giảng về Thiền. Cho dù một người suốt đời nghiên cứu về Thiền định, thuộc lòng những kinh điển, những chú giải nói về Thiền, thuộc lòng quyển Thiền Luận của Suzuki hay những thiền luận hay hơn thế nữa, có thể thuyết giảng tự tại vô ngại về Thiền, và nếu chỉ có như vậy thì chắc chắn người đó không thể chứng ngộ và an trú các bậc Thiền. Vậy muốn đắc các bậc Thiền phải làm thế nào? Muốn đắc các bậc Thiền phải thực hành tuân tự. Trước tiên phải giữ giới theo tinh thần: không làm các điều ác, thực hiện các hạnh lành ẩn dụ là đuổi các con thú ra ngoài 800 dặm trước khi tưới nước biển Nam Hải (nước từ bi). Tiếp đến là tư thế ngồi: hai chân gài chặt vào nhau theo tư thế kiết già, ẩn dụ là hai vòng kim cô trói chặt hai chân, hai tay gài vào nhau theo kiểu Định Ấn, nghĩa là ngón trở và ngón giữa của hai bàn tay cài vào nhau, ngón út và ngón áp út

Ai sẽ giải thoát?

đặt lên nhau, hai đầu ngón cái chạm nhau mà ẩn dụ là hai tay bị trói chặt, hai hàm răng chạm khít, đầu lưỡi chạm vào răng hoặc nóc họng mà ẩn dụ là cổ bị trói chặt. Người tọa thiền cần phải lưu ý ba điểm chạm như trên. Đầu thẳng, cổ thẳng, lưng thẳng mà ẩn dụ là con chim màu trắng dẫn đường bay ngang dưới tầm mắt. Tiếp đến phải hàng phục được cái đau, đặc biệt là cái đau nơi hai chân. Phải hàng phục để cái đau nơi chân không còn chi phối được tâm ẩn dụ là Hồng Hải Nhi hàng phục Bồ tát. Từ đây trở đi mới có thể sử dụng Định như một phương tiện tu tập Trí Tuệ, để đắc các quả vị, mà ẩn dụ là Hồng Hải Nhi đi về Nam Hải bằng cách vừa đi vừa lạy. Năm mươi hai bước mới về đến Nam Hải ẩn dụ cho 52 quả chứng từ: Thập tín, thập hạnh, thập trụ, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác bồ tát và Phật quả (theo quan điểm tu chứng của Phật Giáo Bắc tông).

Con đường của Giác ngộ và Giải thoát là con đường Giới Định Tuệ, là sự thực hành Tăng thượng Giới học, Tăng thượng Định học, Tăng thượng Tuệ học chứ không phải là con đường tư duy lý luận suông, không phải là Thiền nói, không phải tu nơi đầu môi chóp lưỡi. Đức Phật đã Giải thoát, không những Ngài tuyên thuyết về sự giải thoát mà Ngài còn thuyết giảng, phân tích, hiển thị, chỉ dẫn rành mạch về Con đường đưa đến Giải thoát. Ngài là bậc Huân Luyện Sư tối thượng, huấn luyện kẻ phạm phu thành bậc Thánh giải thoát. Sự huấn luyện của Ngài xảy ra tuần tự: Vị Tỷ kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong mỗi lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới. Tiếp đến

Ai sẽ giải thoát?

hộ trì sáu căn, nghĩa là khi mắt tiếp xúc với sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ kheo chế ngự nguyên nhân ấy...Tiếp đến vị Tỷ kheo tiết độ trong ăn uống, tức là chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để thưởng thức, không phải để làm đẹp thân thể, mà chỉ để thân này được bảo trì, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh... Vị Tỷ kheo thực hành Chánh Niệm Tỉnh Giác trong mọi tư thế, đi đứng ngồi nằm, mọi công việc, mọi lúc,mọi nơi. Tiếp đến ngồi kiết già lưng thẳng an trú Chánh Niệm trước mặt, vị Tỷ kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Sơ thiền...,Nhị thiền...,Tam thiền...,Tứ thiền. Với tâm định tĩnh, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản không cấu nhiễm như vậy, vị ấy hướng tâm quán sát và biết như thật: Đây là Khổ, đây là Nguyên nhân Khổ, đây là Sự chấm dứt Khổ, đây là Con đường chấm dứt Khổ. Do thấy như vậy, biết như vậy các lậu hoặc được đoạn tận. Vị ấy biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui đời này nữa. Đây là con đường tuần tự, được thiết kế rất “chuyên nghiệp”do cái biết rốt ráo của bậc Chánh Đẳng Giác. Bốn mươi lăm năm thuyết pháp, Ngài chỉ thuyết giảng có hai điều: Khổ và Sự chấm dứt khổ mà cụ thể là Tứ Thánh Đế và điều Ngài thuyết giảng nhiều nhất là Con đường chấm dứt Khổ, đó là Bát Chánh Đạo bao gồm Giới - Định - Tuệ. Giới đã được Ngài chế định cho Phật tử tại gia và cho người xuất gia. Định được Ngài giảng bằng ba bản kinh chính là: Tứ Niệm Xứ, Niệm hơi

Ai sẽ giải thoát?

thở vô, hơi thở ra và Thân hành niệm. Tuệ được Ngài giảng giải xuyên suốt kinh điển theo tiến trình Văn → Tư → Tu.

Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Giác, nghĩa là Ngài tự mình giác ngộ Tứ Thánh Đế không thầy chỉ dạy, sự thuyết giảng của Ngài là toàn thiện ở đoạn đầu, toàn thiện ở đoạn giữa, toàn thiện ở đoạn cuối, không bao giờ chống trái nhau, không bao giờ mâu thuẫn nhau. Lời dạy nhất quán này chỉ còn tồn tại trong năm bộ kinh Nikaya của Phật giáo nguyên thủy. Tuy rằng năm bộ kinh Nikaya được xem là gần với Nguyên thủy nhất, chứ không phải là Nguyên thủy (lời dạy của Phật) vì nó chứa đựng rất nhiều yếu tố tôn giáo được thêm vào sau này, nhưng lời dạy cao quý này vẫn còn lấp lánh xuyên suốt toàn bộ bộ kinh. Lời dạy của Đức Phật về Tứ Thánh Đế không phải là kinh nghiệm cá nhân do tư duy tác thành mà nó là Chân Lý, là Sự Thật phổ quát, nơi Đức Phật cũng như vậy, nơi người khác cũng như vậy. Ngài đã giảng dạy Chân Lý, giảng dạy cái Sự Thật phổ quát mà Ngài đã chứng ngộ. Đó là:.

- Đối với kẻ Phàm phu, do nhân như vậy, duyên như vậy nên hễ sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, lộ trình tâm Bát Tà Đạo khởi lên và trên Thực tại đó sẽ có Vô Minh, sẽ có Tham Sân Si, sẽ có sầu bi khổ ưu não.

- Đối với bậc Thánh do nhân như vậy, duyên như vậy nên khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần, lộ trình tâm Bát Chánh Đạo khởi lên và nơi Thực tại đó sẽ có Tâm Giải thoát, Tuệ Giải thoát. Để chấm dứt Khổ, phải tu tập để

Ai sẽ giải thoát?

khởi lên lộ trình tâm Bát Chánh Đạo mới nhiếp phục và đoạn tận lộ trình tâm Bát Tà Đạo, mới đoạn tận Tham Sân Si, đoạn tận Khổ.

Có rất nhiều người, có thể là nhà tu hành, nhà văn, thi sĩ, nhà triết học... họ cũng nói được về Giải thoát, thậm chí với những lời văn hoa mỹ, câu văn hoa mỹ, những hình dung từ hoa mỹ làm say đắm người đời, nhưng họ đã Giải thoát hay chưa thì hãy thận trọng, hãy khoan vội tin mà hãy xem xét thận trọng trong một khoảng thời gian đủ dài, họ có còn Tham Sân Si hay không? Nếu không có điều kiện để xem xét như vậy thì hãy xem xét những điều họ thuyết giảng. Một người thực sự giải thoát thì không những họ nói được về Giải thoát mà họ còn giảng nói, phân tích, chỉ dẫn rành mạch về cách thức, phương pháp hay con đường thực hành để đạt được sự giải thoát ấy, bởi họ đã thực chứng giải thoát bằng cách thức đó và cách thức ấy hoàn toàn phù hợp với lời dạy của Phật. Một người nói hay, nói giỏi, nói hấp dẫn bao nhiêu đi nữa về Giải thoát nhưng không nói rõ được về sự thực hành, hoặc lời dạy thực hành ấy không phù hợp với lời dạy của Phật, hoặc không đề cập đến phương pháp thực hành, thì chỉ là lý luận suông do tư duy tác thành, đó chỉ là Thiên nói. Đức Phật chỉ có một, lời dạy của Đức Phật cũng chỉ có một, nhưng hiện nay kinh điển thì nhiều vô số kể, một lượng thông tin khổng lồ, thậm chí là trái ngược nhau, cãi lộn nhau. Đức Phật giác ngộ Chân Lý, giác ngộ cái Sự thật phổ quát đó là: Tuê tri sự tập khởi, sự đoạn diệt của Thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ cũng có nghĩa là giác ngộ

Ai sẽ giải thoát?

Tứ Thánh Đế chứ không phải giác ngộ về Bản ngã, giác ngộ một Bản Tâm, một Tánh biết, một Phật tánh, một Tánh không, không sinh không diệt nào đó, hay giác ngộ Thế giới là thế này hay thế kia, tương đối hay tuyệt đối. Những bậc Thánh Alahan đã giác ngộ Tứ Thánh Đế do Phật chỉ dạy cũng như vậy, những vị đó sẽ không hề thêm bớt, không hề chú giải về lời dạy của Ngài, do chư vị quán sát, đối chiếu lời dạy với sự thật của Thực tại, chư vị cảm nhận được sự giản dị, dễ hiểu, đầy đủ, minh bạch đâu còn cần đến lời giải thích rông dài. Đa phần nhân loại, khi nghe lời dạy của Đức Phật, theo quy luật nhận thức, họ đối chiếu lời dạy đó với kho "tri thức hiểu biết" đã được học hỏi, tích lũy từ quá khứ của họ. Những tri thức hiểu biết của nhân loại đó nhuộm màu Vô minh, Thường kiến, Ngã kiến, ví như ngọt nằm trong đường và của đường, mặn nằm trong muối và của muối, ngon dở nằm trong thức ăn và của thức ăn, nóng nằm trong lửa, lạnh nằm trong nước đá, đất đá thì cứng, bánh đa thì giòn...Hiểu biết này là Ý thức nhị nguyên Tâm Vật hay Tâm biết Cảnh, trong đó Chủ thể biết là Tâm, là Bản ngã, đối tượng được biết là Cảnh, là Thế giới. Khi đối chiếu lời Phật dạy với kho "tri thức hiểu biết "Vô minh Bản ngã và Thế giới đó, thì sẽ biến lời dạy của Phật ra thành Vô minh, giải thích sự giác ngộ của Phật là giác ngộ về Bản ngã (Bản Tâm) và Thế giới. Kho "tri thức hiểu biết" của con người mỗi mỗi khác nhau, mỗi mỗi tông phái đều khác nhau nên mới phát sinh ra kho tàng kinh điển, chú giải, luận giải đồ sộ, mênh mông, không lồ và đều gán cho Phật nói. Trên thế gian này, không có một ai chịu nhiều sự xuyên tạc như Đức Phật. Lý do cũng thật dễ hiểu:

Ai sẽ giải thoát?

chỉ duy nhất một mình Ngài, độc nhất vô nhị, không có người thứ hai, quán sát và tư duy trên Sự Thật mà chứng ngộ Chân lý. Còn nhân loại này cho dù có quán sát nhưng lại tư duy trên kho tri thức hiểu biết Vô minh, không đúng với sự thật và họ suy diễn sự giác ngộ của Ngài theo cái kho tri thức hiểu biết của họ. Họ có thể thao thao bất tuyệt về những điều cao siêu, kỳ diệu, về Thiên, về Định, về Chân không diệu hữu, về Thế giới tương đối hay tuyệt đối...được người mê khoái trí, nhưng cái Sự thật trước mắt như: ngọt không nằm trong đường, mặn không nằm trong muối, ngon dở không nằm trong thức ăn, nóng không có trong lửa, lạnh không có trong nước đá... thì họ hoàn toàn không biết. Những điều cao siêu kỳ diệu, hoành tráng đó là do Vô minh mà tư duy, suy diễn, tưởng tượng ra, người nghe không bao giờ "đến để mà thấy" được, không thể kiểm chứng được, mà chỉ có "đến để mà tin" theo đức tin Tôn giáo, nó không phải là Chân lý, không phải là sự thật phổ quát, nhưng lại phù hợp với tâm Tham ái của con người, kích thích được Tham ái của nhân loại. Đặc biệt những tư tưởng đó, những thao thao bất tuyệt đó là do tư duy suy diễn tác thành, là lý luận suông, là ảo tưởng do Vô minh mà phát sinh, là lông rùa sừng thỏ, nên họ không có thể trình bày được cách thức, không thể trình bày được phương pháp thực hành để chứng ngộ và an trú được những điều "cao siêu kỳ diệu" đó, họ chỉ dừng lại ở Thiên nói. Bốn mươi lăm năm thuyết pháp Đức Phật chỉ xoay quanh Khổ và Sự chấm dứt Khổ, hay chỉ xoay quanh Tham - Dục và Sự chấm dứt Tham - Dục (Dục hỷ Dục lạc - Dục hỷ Hữu - Dục hỷ Niết bàn) hay chỉ xoay quanh vấn đề Nội

Ai sẽ giải thoát?

tâm, tức lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu và lộ trình tâm Bát Chánh Đạo của bậc Thánh, đều Vô thường, Vô ngã chứ không thuyết giảng về Chân Tâm không sinh không diệt hoặc Thế giới, hoặc những gì kỳ diệu, mầu nhiệm, cao siêu. Nhưng con người vì Vô minh che đậy, y chỉ vào hiểu biết đã được mặc định, những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức là Thế giới, nên đã vô tình xuyên tạc lời dạy của Phật. Ví như tất cả các bộ phái, các luận sư, các chú giải đều nói đến đối tượng của Tham ái là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, nghĩa là Thế giới vì hiểu biết mặc định của họ là những gì được thấy, được biết là Thế giới, nhưng Sự thật đối tượng của Tham ái là Cảm thọ, là Tâm chứ không phải là Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp. Đức Phật đã thuyết rất rõ ràng trong Thập Nhị Nhân Duyên mà bộ phái nào cũng chấp nhận: Do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ... nghĩa là đối tượng của Ái là Cảm thọ chứ không phải Sắc Thanh Hương Vị xúc Pháp. Muốn chấm dứt Thiền nói, phải trở về với Duyên khởi, với Tứ Thánh Đế, trở về với sự tu tập Bát Chánh Đạo theo lộ trình Giới → Định → Tuệ mới có thể đoạn trừ Tham Sân Si, mới có thể chứng ngộ và an trú Khổ Diệt, an trú Niết Bàn được.